

HỌC-VIÊN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

Luận-văn Tốt-nghiệp

CÔNG-GIÁO VIỆT-NAM

VÀ

VĂN-ĐỀ TỔ-CHỨC



S.V. UỖ-TIẾN-TRUNG

Ban Đặc Sự khóa XVII

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
1969 - 1972

L.H.C. 01

Học Viện Quốc Gia Hành Chánh không tán thành, cũng không phản đối những ý kiến phát biểu trong luận văn tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về những ý kiến đó.

GIÁO SƯ HƯỚNG DẪN
GIÁO SƯ TẠ VĂN TÀI
TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

Chân thành tri ân
Giáo Sư hướng dẫn
Tạ văn Tài

đã hết lòng
hướng dẫn chúng tôi
trong việc soạn thảo
luận văn này

Thành thật cảm tạ

☒ Linh mục Julian Elizalde S. J.

Giám Đốc Thư Viện Đắc Lộ

☒ Linh Mục Trần văn Huy, Giáo Sư

Giáo Luật Đại Chung Viện Saigon

☒ Linh Mục Nguyễn hữu Nghĩa, Văn Phòng

Thường Trục Hội Đồng Giám Mục Việt Nam

☒ Linh Mục Huỳnh hữu Đăng, Bí Thư

Tòa Tổng Giám Mục Saigon

☒ Linh Mục Bùi minh Sơn, Giáo Xứ Tân Hòa

☒ Linh mục Phạm văn Vang, bề trên dòng Đa Minh

(chi Phi luật Tân)

☒ Linh Mục Phan phát Huồn, Trưởng ban Soạn thảo

nội qui Tuyên Ủy Công Giáo QLVNCH

☒ Linh Mục Phạm long Tiên

Tổng Tuyên Ủy Sinh viên Công Giáo VN

đã tận tình chỉ dẫn

và giúp đỡ tài liệu

để chúng tôi

hoàn tất luận văn này

mục lục

<u>LỜI MỞ ĐẦU</u>	trang 01
<u>CHƯƠNG DẪN NHẬP</u>	
<u>LƯỢC SỬ GIÁO HỘI CÔNG GIÁO TẠI VIỆT NAM-</u>	03
I - Thời kỳ phôi thai (1533-1659)	03
II - Thời kỳ bành trướng và tử đạo (1659-1888)	05
III- Thời kỳ kiến thiết và trưởng thành (1888-1960)	07
<u>PHẦN THỨ NHẤT</u>	
<u>CƠ CẤU TỔ CHỨC GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM.</u>	10
<u>CHƯƠNG MỘT</u>	
<u>CƠ CẤU HÀNH CHÁNH-</u>	12
<u>Đoạn I - Cơ quan Trung Ương: Hội Đồng Giám Mục VN.</u>	12
1/ Thành phần Hội Đồng Giám Mục.	13
2/ Cơ cấu Hội Đồng Giám Mục.	13
<u>Đoạn II - Tổ chức địa phương.</u>	17
1/ Giáo Tỉnh.	17
2/ Giáo Phận hay Địa Phận.	19
3/ Giáo Hạt.	25
4/ Giáo Xứ.	26
5/ Khu Xóm.	29
6/ Phân Xóm.	29
<u>CHƯƠNG HAI</u>	
<u>TỔ CHỨC NHÂN SỰ-</u>	31
<u>Đoạn I - Tổ chức Giáo Sĩ.</u>	31
1/ Hàng Giáo Phẩm: Giám Mục.	32
2/ Giáo Sĩ : Linh Mục.	34
3/ Dòng Tu.	38

- ii -

<u>Đoạn II - Tổ chức tín đồ.</u>	trang 39
1/ Tổ Chức Công Giáo Tiến Hành.	40
2/ Phong trào Công Lý và Hòa Bình.	44
3/ Tổ Chức Tuyên Ủy Quân Đội.	44
<u>CHƯƠNG BA</u>	
<u>TỔ CHỨC CƠ SỞ-</u>	47
<u>Đoạn I - Các cơ sở Địa Phận.</u>	47
1/ Cơ sở Phụng thờ.	47
2/ Cơ sở Giáo Dục.	48
3/ Cơ sở từ thiện xã hội.	49
<u>Đoạn II - Các cơ sở chuyên biệt của Giáo Hội.</u>	50
1/ Viện Đại Học Đà Lạt.	50
2/ Trung Tâm Công Giáo Việt Nam.	50
3/ Các cơ sở kinh tài.	51
<u>PHẦN THỨ HAI</u>	
<u>NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA GIÁO HỘI CGVN.</u>	52
<u>CHƯƠNG MỘT</u>	
<u>NHẬN ĐỊNH VỀ CƠ CẤU HÀNH CHÁNH-</u>	54
<u>Đoạn I - Hội Đồng Giám Mục Việt Nam.</u>	54
1/ Tổ chức của Hội Đồng Giám Mục.	55
2/ Phương pháp làm việc của Hội Đồng Giám Mục.	57
<u>Đoạn II - Cơ cấu Địa Phương.</u>	60
1/ Giáo Tỉnh.	60
2/ Địa Phận.	62
3/ Giáo Hạt.	65
4/ Giáo Xứ.	66
<u>CHƯƠNG HAI</u>	
<u>NHẬN ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ-</u>	69
<u>Đoạn I - Tổ chức Giáo Sĩ.</u>	69
1/ Vai trò của Giáo Sĩ.	70
2/ Việc đào tạo Linh Mục.	72
3/ Việc bổ nhiệm Linh Mục.	73

<u>Đoạn II - Tổ chức Tín Đồ.</u>	trang 74
1/ Phong trào Công Giáo Tiến Hành.	74
2/ Phong trào Công Lý và Hòa Bình.	75
<u>CHƯƠNG BA</u>	
<u>NHẬN ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC CƠ SỞ-</u>	77
<u>Đoạn I - Những nguồn tài chánh.</u>	77
1/ Trợ cấp của Tòa Thánh.	77
2/ Đóng góp của Giáo Dân.	78
3/ Lợi tức do hoạt động kinh tài.	78
<u>Đoạn II - Những bất công pháp lý.</u>	78
1/ Dưới thời Pháp thuộc.	78
2/ Dưới thời đệ I Cộng Hòa.	79
<u>KẾT LUẬN-</u>	80
I/ Đặc điểm của tổ chức GHCG.	80
II/ Vai trò của tổ chức GHCG.	82
III/ Viễn tượng của tổ chức GHCG tại VN.	83



lời mở đầu

- Ông có phải là Vua không ?
- Phải ta là Vua, nhưng "nước ta không thuộc trần-gian này"
(Gioan XXIII , 35)

Chính Đức Ki-tô, vị sáng lập đạo Thiên-Chúa đã trả lời như trên trong một phiên xử án long trọng trước tòa Philatô (Thuộc nước Do-Thái) vào khoảng 33 năm sau Tây-lịch kỷ-nguyên, mà cho tới nay không một tín đồ Công-Giáo nào là không biết tới. Căn cứ vào ý nghĩa siêu-nhiên của câu trả lời trên và nhìn vào cơ cấu tổ chức tại-thế của Giáo-Hội Công-Giáo hiện nay, phải chăng đã có sự mâu-thuẫn ? Nếu không mâu-thuẫn thì với cơ cấu tổ chức như thế nào? lẫn h đạo ra sao ? và bằng những phương tiện gì mà tổ chức của thế-giới Công-Giáo nói chung và của Giáo-Hội Việt-Nam nói riêng gồm trên hai triệu Tín-đồ đã hợp thành một lực lượng hùng hậu, chặt chẽ với kỷ luật nghiêm minh như vậy ? Ngoài ra mới đây Cộng-đồng Vatican II tại Rô-ma là một biến cố lịch sử vĩ đại của Thế-giới Công-Giáo đã khiến nhiều người chú-ý ; Vậy Cộng-đồng này đã ảnh-hưởng tới cơ cấu tổ chức của Giáo-Hội Việt-Nam như thế nào ?

Một sự hiểu biết tường tận về cơ cấu tổ chức của tôn-giáo sẽ giúp con người tiến tới gần nhau hơn, sự hòa đồng Tôn-giáo sẽ mang ý nghĩa cao đẹp hơn, và lúc đó tổ chức các Tôn-giáo cũng sẽ giữ vai trò quan trọng hơn trong Cộng đồng quốc-gia. Các lý do trên đây đã thúc đẩy chúng tôi tìm hiểu về : " Giáo-Hội Công-Giáo Việt-Nam và vấn đề tổ chức ".

- Không ai chối cãi Giáo-Hội Công-Giáo có cả một kho tàng kinh-tiên phong phú và một triết lý cao siêu về con người .v.v.. Nhưng trong phạm vi của đề tài, chúng tôi chỉ nghiên-cứu về vấn đề Tổ-chức tức mô hình làm khuôn mẫu chung cho mọi hoạt động của Giáo-Hội. Tuy vậy, khó khăn của việc nghiên-cứu Tổ-chức của một "Tôn-Giáo" khác với tổ-chức "Đời" là nếu chỉ đứng về phương diện hình thức thuần-túy thì e rằng khó đưa ra được những nét trung-thực nơi Tổ-chức đó, vì

những vấn đề quan trọng của Tổ-chức còn nằm trong Giáo-lý, Tín - điều của mỗi Tôn-Giáo, vậy nếu có thì chỉ một số tín-điều được đề-cập tới một cách phiêm-diện mà thôi.

- Cũng trong phạm vi của đề-tài trên, chúng tôi không có tham-vọng đi sâu vào chi tiết của mỗi cơ cấu địa-phương, hoặc mở rộng trong phạm vi Giáo-Hội Công-Giáo Mốc-Tê, và tổ-chức của một Họ đạo, một Địa-phận hoặc của Tòa Thánh La-Mã là cả một đề tài nghiên cứu rộng lớn. Trái lại, chúng tôi chỉ muốn trình bày tổng quát về cơ cấu Tổ chức của Giáo-Hội Công-Giáo tại Việt-Nam mà thôi.

Trong giới hạn trên đây, ngoài hai chương Dẫn-Nhập và Kết-Luận. Luận-văn của chúng tôi sẽ được trình bày trong hai phần chính :

Phần I :

Trình bày cơ cấu tổ chức của Giáo-Hội Công-Giáo Việt-Nam từ Trung-ương tới Địa-phương.

Phần II :

Nhận định Tổng-quát về những cơ cấu của Giáo-Hội Công-Giáo tại Việt-Nam.

Chương dẫn nhập

lược sử giáo hội công giáo V N

THƯ-VĂN QUỐC-GIA

☞ Ề cập tới vấn đề tổ chức của Giáo Hội Công Giáo tại Việt Nam, một sự nghiên cứu hiện tại chưa hẳn đã đủ để đưa ra một cái nhìn tổng quát và khách quan. Vì tổ chức Giáo Hội Công Giáo được hoàn bị như hiện nay không phải do tài sáng chế trong chốc lát của các vị lãnh đạo tôn giáo; nó cũng không phải là sản phẩm của các văn kiện pháp lý được quy định một cách mới mẻ như các "HIẾN CHƯƠNG PHẬT GIÁO". Trái lại, nó là kết quả của một tiến trình lịch sử của đạo Công Giáo từ khi du nhập vào Việt Nam cho tới ngày nay. Như vậy, ta phải có một cái nhìn sơ lược về lịch sử của đạo Công Giáo tại Việt Nam, để từ đó làm nền tảng cho việc nghiên cứu tổ chức Giáo Hội Công Giáo được đầy đủ và khách quan hơn.

Viết về lịch sử Giáo Hội Công Giáo tại Việt Nam là điều khó khăn, vì có chăng chỉ là dựa vào một số tài liệu sử học như cuốn "Việt Nam Giáo Sử" của Linh Mục Phan phát Huân; cuốn "Lịch Sử Truyền Giáo Tại Việt Nam" của Linh Mục Nguyễn Hồng v.v... Dựa vào các tài liệu này, lịch sử Giáo Hội Công Giáo Việt Nam có thể chia làm 3 thời kỳ:

- Thời kỳ phôi thai
- Thời kỳ bành trướng
- Thời kỳ kiến thiết và trưởng thành

I) THỜI KỲ PHÔI THAI- (1533-1659)

Theo nguồn sử liệu VN, đạo Công Giáo du nhập vào VN vào

khoảng năm 1533 đời Lê trang Tôn, do một dương nhân tên là INIKHU (Inigo) giảng đạo ở làng Ninh Cường, Quận Anh thuộc huyện Nam Chân và ở làng Trà Lũ thuộc tỉnh Nam Sơn (Nam Định). Tuy vậy, trong thời kỳ phôi thai này, nói các nhà truyền giáo đầu tiên là phải kể tới các giáo sĩ thuộc dòng Đa Minh và dòng Tên.

a) Công cuộc truyền giáo do dòng Đa Minh tổ chức ở Nam Hà và Chân Lạp (1550-1631).

Năm 1550, dòng Đa Minh ở Malacca cử giáo sĩ Gaspar Santa Cruz tới cửa Cầm Cáo (Hà Tiên) để giảng đạo tại vùng này. Đến năm 1558, dòng lại cử 2 Cha Lopez và Azevedo sang Chân Lạp (bây giờ là miền Nam) nhưng chỉ hoạt động được 10 năm thì bị trục xuất. Tiếp theo, tỉnh hạt Đa Minh liên tục cử nhiều giáo sĩ sang Chân Lạp vào những năm 1580, 1595 và 1603, nhưng một phần vì chưa đặt chân tới nơi đã phải lui bước phần khác bị các vua chúa nhìn với cặp mắt nghi kỵ nên các giáo sĩ đã bị án tử hình hoặc trục xuất, và kết quả là đến năm 1631, vua Miên cấm dân theo đạo, các giáo sĩ dòng Đa Minh đều phải trở về Manila.

b) Công cuộc truyền giáo của các Cha dòng Tên (1613-1645).

1/ Tại Nam Hà (Quảng Nam):

Năm 1613, bề trên dòng Tên đã sai bốn nhà truyền giáo tới Việt Nam ngày 18-1-1615 đó là các Cha: Buzomi, Carvalho (Bồ) và 2 thầy trợ sĩ người Nhật. Đặc biệt giáo sĩ Buzomi nói thông thạo tiếng bản xứ nên việc truyền giáo đã đạt được nhiều thành quả tốt đẹp. Thấy vậy, năm 1617, bề trên dòng đã tiếp tục gửi thêm nhiều giáo sĩ sang để giúp Cha Buzomi.

Riêng tại Qui Nhơn, các vị truyền giáo được sự giúp đỡ tận tình của quan Trấn Thủ, cộng với sự ủng hộ nhiệt thành của dân chúng nên một ngôi nhà thờ đã được dựng lên trước sự ngỡ ngàng của các vị giáo sĩ. Đặc biệt nhất là bà Minh Đức Vương Thái Phi, dĩ của Chúa Sãi đã xin gia nhập đạo Thiên Chúa đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lịch sử truyền giáo tại Nam Hà.

2/ Tại Bắc Hà (với Cha Alexandre De Rhodes):

Năm 1626, bề trên dòng Tên đã cử Cha Giuliamô Baldiotti (Ý) sang truyền giáo tại xứ Bắc, nhưng vì hai vị này không thông thạo tiếng Việt nên dòng lại cử Cha Đắc Lộ và Cha Marquez sang để đáp ứng với nhu cầu thuận lợi của công cuộc truyền giáo. Tại đây chúa Trịnh đã cho phép giảng đạo tự do. Tuy vậy, để tránh những khó khăn sau này trong việc truyền giáo, Cha Đắc Lộ đã nghĩ đến các cộng sự viên bản xứ, đó là tổ chức Thầy Giảng (1). Đúng như dự trù, năm 1630 sự khó khăn cho các giáo sĩ đã tới, tất cả các Cha dòng Tên thực sự phải ra đi khỏi Việt Nam để lại trên 5000 tín đồ sau hơn 3 năm truyền giáo đã xây một nền móng kiên cố cho giáo hội Công Giáo tại xứ Bắc.

II) THỜI KỲ BÀNH TRƯỚNG VÀ TỬ ĐẠO (1659-1888)-

1/ Cuộc truyền giáo của Hội Thừa Sai Ba Lê.

Với kết quả truyền giáo khá quan tại phương Đông, nhất là tại Việt Nam, Cha Đắc Lộ đã xin Đức Thánh Cha đặt mấy vị Giám Mục tại đây. Ngày 9-9-1659, Đức Thánh Cha Alexandrô VII ban Sắc thiết lập địa phận Đàng Ngoài (Bắc Hà) và địa phận Đàng Trong (Nam Hà) và chỉ định 2 vị tân Giám Mục đại diện Tông Tòa (Dicarius Opostolicus) là Phan xi Cô Pallu và Lamberto de la Motte coi sóc. Nhưng khi đó cuộc bách hại đạo Công Giáo đang diễn ra mãnh liệt nên hai vị này không thể nào vào hai địa phận như đã chỉ định, các ngài đã tìm cách huấn luyện và truyền chức Linh Mục cho các Thầy Giảng bản xứ, đó là hai Linh Mục đầu tiên của miền Nam: Giuse Trang và Luca Bền.

Tháng 9 năm 1669, Đức Cha De la Motte cải trang vào miền Bắc để dâng và đã triệu tập một công đồng để cải thiện tổ chức truyền giáo. Nhưng sau này ngài cũng bị trục xuất và để lại 3 vị Thừa Sai với gần 80.000 giáo dân cùng một chủng viện để

(1) Tổ chức Thầy Giảng qui tụ những người còn độc thân và có tinh thần, được huấn luyện chu đáo về giáo lý Thiên Chúa để giảng đạo thay thế các giáo sĩ.

đào tạo hàng giáo sĩ Việt Nam do ngài sáng lập năm 1665.

2/ Công cuộc truyền giáo của các Cha dòng Đa Minh.

Đến năm 1676, bề trên dòng tại Manila đã gửi hai Cha Gioan Santa Cruz và Gioan Arjona sang xứ Bắc để coi một khu vực truyền giáo rộng lớn với gần 70 thánh đường và một số giáo dân trên 18.000. Năm 1718 Cha Arjona được Tòa Thánh phong chức Giám Mục coi sóc địa phận Đông. Trong thời gian truyền giáo tại Bắc Hà, các Cha dòng Đa Minh đã gặp rất nhiều khó khăn, đáng kể nhất là cuộc bách hại đạo của Trịnh Cương (1706-1729).

3/ Giáo hội Công Giáo dưới thời Tây Sơn (1777-1802).

Cuối năm 1776, anh em Tây Sơn chiếm được cả Hai miền Trung và Nam, Nguyễn Nhạc hạ chỉ cấm đạo gắt gao. Nhưng năm sau Nguyễn Ánh phản công chiếm lại Nam Việt. Nhờ tài giao thiệp của Giám Mục Bá Đa Lộc, Nguyễn Ánh đã ký Sắc Lệnh cho tự do giảng đạo. Nhưng năm 1782, anh em Tây Sơn đem quân đánh Nguyễn Ánh và ông phải chạy ra đảo Phú Quốc. Nhờ Đức Cha Bá Đa Lộc là người đã vận động nước Pháp giúp Nguyễn Ánh khôi phục giang sơn, vì vậy Tây Sơn đi đến đâu là sát hại giáo dân Công Giáo tới đó vì "Công Giáo là tay chân, là phần tử của Nguyễn Ánh" (1). Tóm lại, giáo hội Công Giáo dưới thời Tây Sơn không những không phát triển được mà còn bị sa sút rất nhiều.

4/ Giáo Hội Việt Nam dưới triều Nguyễn (1802-1866).

- Trong những ngày đầu của cuộc thống nhất lãnh thổ, vua Gia Long vì còn nhớ tới công ơn của Cha Bá Đa Lộc nên đã cho tự do truyền đạo. Nhưng từ khi được nhà Thanh phong vương, vua Gia Long liền giới hạn mọi hoạt động của giáo hội Công Giáo.

- Đến thời Minh Mạng, vì có sẵn ác cảm với Tây phương và đạo Công Giáo, vua đã hạ chiếu chỉ cấm đạo ngày 12-2-1825, từ đó giáo hội chịu sự bách hại khủng khiếp: các giáo dân lần lượt ngã gục, nhà thờ trở thành bình địa.

(1) Phan phát Huồn, Việt Nam Giáo Sử (Sài Gòn: Cửu Thế Tùng Thư, 1965) tr. 239.

- Thời Thiệu Trị (1841-1847) tuy sắc dụ cấm đạo vẫn còn nhưng Giáo Hội dưới thời này rất dễ thở, công cuộc truyền giáo lại bắt đầu phát triển: năm 1844, địa phận Đàng Trong được Tòa Thánh ^{chức lập} địa phận Đông (Qui Nhơn) và địa phận Tây (Sài Gòn). Hai năm sau lại thiết lập thêm địa phận Nam (Vinh).

- Bước sang Triều Tự Đức, đạo Gia Tô bị kết án là tà đạo, đạo của Tây nên vua đã ra sắc dụ cấm đạo và bắt các quan phải thi hành triệt để. Việc giết hại các giáo sĩ ngoại quốc là cái cớ cho quân Pháp và Tây ban Nha đánh phá của Hàn. Cuối cùng vua Tự Đức đã phải chấm dứt cuộc bách hại khi ký hòa ước Nhâm Tuất với Pháp ngày 5-6-1862.

III) GIÁO HỘI VN: THỜI KIẾN THIẾT VÀ TRƯỞNG THÀNH (1888-1960)-

1/ Công cuộc kiến thiết:

Để mở đường cho thời kỳ kiến thiết, năm 1900 "công đồng miền" đầu tiên được tổ chức tại Kẻ Sặt và kéo dài gần một tháng để tìm những đường hướng mới cho việc phát triển giáo hội. Đến năm 1912 "công đồng miền" lại được tổ chức lần thứ hai tại Kẻ Sở để rút những ưu khuyết điểm và bổ túc những vấn đề liên quan đến công cuộc truyền giáo.

- Tại địa phận miền Tây: nhiều ngôi thánh đường đồ sộ nguy nga được xây cất, các cơ sở từ thiện, giáo dục cũng mọc lên nhiều nơi. Với đã phát triển địa phận Tây Đàng Ngoài (Hà Nội) năm 1932 được thêm 3 địa phận mới: địa phận Đoài (Hưng Hóa), địa phận Thanh (Phát Diệm) và địa phận Thanh Hóa.

- Địa phận Nam (Vinh): năm 1886, công cuộc truyền giáo không tiến được, nhưng năm 1912 mở đầu cho sự phát triển mạnh.

- Địa phận Bắc (Huế): Đức Cha Caspar Lộc đã kiến thiết nhiều thánh đường. Năm 1900 thánh đường Đức Mẹ La Vang được thiết lập, nơi đây được coi là trung tâm hành hương của giáo dân Việt Nam.

- Địa phận Đông (Qui Nhơn) với số người tòng giáo mỗi ngày một nhiều, năm 1932 Tòa Thánh đã cho thiết lập thêm một

địa phận, đó là địa phận Kontum.

- Địa phận Tây (Sài Gòn): công cuộc kiến thiết tại địa phận Tây được coi là nhanh chóng hơn cả. Ngoài các cơ sở Công Giáo mọc lên khắp nơi, ta còn thấy một khối lượng nhân sự đáng kể gồm: 1 Giám Mục, 30 Thừa Sai Pháp, 106 Linh Mục Việt, 10 linh Mục dòng, 69 nam tu sĩ, 828 nữ tu sĩ, 37 thầy giảng, 60 đại chủng sinh, 180 tiểu chủng sinh và 99.743 giáo dân (1).

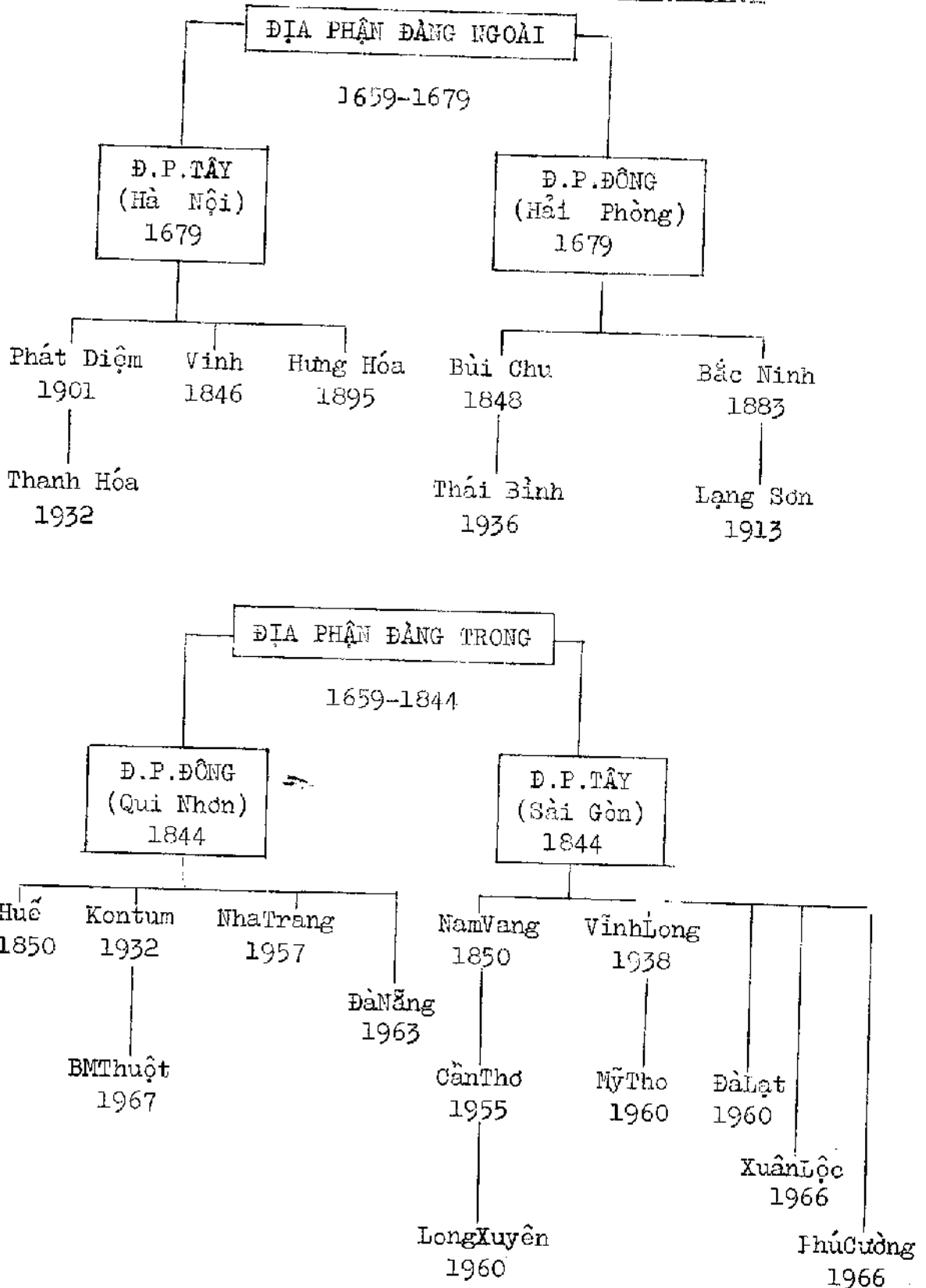
2/ Giáo Hội VN trưởng thành (1933-1960):

- Sở dĩ lấy năm 1933 đánh dấu cho sự trưởng thành của Giáo Hội vì chính năm đó, ngày 21-6-1933, Đức Thánh Cha Piô XI đã tấn phong Giám Mục cho Đức Cha Gioan Baptista Nguyễn bá Tông, một vị Giám Mục tiên khởi tại VN và 2 năm sau (1935) ngài được trao quyền đại diện Tông tòa, một địa phận đầu tiên do hàng giáo phẩm VN trực tiếp cai quản.

- Năm 1954, hiệp định Genève chia nước VN thành 2 miền: miền Bắc theo chế độ Cộng Sản vô thần, mọi hoạt động tôn giáo đều bị giới hạn; miền Nam theo chế độ tự do nên công cuộc truyền giáo càng phát triển. Điều đáng ghi nhớ nhất là sau hơn 300 năm truyền giáo tại VN, ngày 24-11-1960, Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đã ban hành sắc chỉ thiết lập phẩm trật giáo hội tại VN. Đó cũng là ngày đánh dấu sự trưởng thành thực sự của một tổ chức qui củ: Giáo Hội Công Giáo VN là một trong những Giáo Hội của Thế Giới Công Giáo vậy.

(1) Nguyệt san Sacerdos, số 120 tr. 780.

SƠ ĐỒ LỊCH TRÌNH TIẾN TRIỂN CỦA CÁC ĐỊA PHẬN



PHẦN MỘT

cơ cấu tổ chức
giáo hội công giáo VN.

L iáo Hội Công Giáo là một xã hội hữu hình do Chúa Giêsu Kitô thiết lập. Thành phần gồm các người đã chịu phép rửa tội, liên kết với nhau bằng một đức tin, bằng chịu những Bí tích như nhau và vâng phục một Thủ lãnh là Đức Giáo Hoàng (1). Như vậy, với một khối tín đồ gần 560 triệu trên khắp hoàn cầu, thế giới Công Giáo sẽ dĩ còn bền vững và tồn tại tới ngày nay là nhờ dựa trên những giáo điều ổn cố và một tổ chức qui mô, khoa học. Thực vậy, cơ quan tối cao của Giáo Hội Công Giáo là Tòa Thánh La Mã, đứng đầu là Đức Giáo Hoàng có quyền cai trị trên toàn thế Giáo Hội. Ngoài ra còn có Công đồng Hồng Y là những người đạo đức, học rộng do Đức Giáo Hoàng tuyển chọn để phụ trách các "Thánh Bộ"; "Thánh Vụ" và "Thánh Tòa" (2) chuyên lo việc điều khiển trung ương của Giáo Hội, đồng thời cũng phụ tá và cố vấn cho ngài trong việc cai trị Hội Thánh.

Giáo Hội Công Giáo Việt Nam là một thành phần của thế giới Công Giáo, là một giáo hội địa phương nên phải công nhận quyền tối cao của Đức Giáo Hoàng trong việc điều khiển Giáo Hội. Do đó, cơ cấu tổ chức của Giáo Hội VN mặc dù có một số khác biệt nhỏ, nhưng đại cương đã rập theo một khuôn mẫu chung của tổ chức Giáo Hội Công Giáo.

Trong phần thứ nhất, chúng tôi sẽ lần lượt trình bày những yếu tố căn bản của bất cứ tổ chức hoàn hảo nào, nhất là đối với một cơ cấu rộng lớn như Giáo Hội Công Giáo tại VN: đó là Cơ Cấu Hành Chánh (Chương I), Tổ Chức Nhân Sự (Chương II) và các Cơ Sở Của Giáo Hội (Chương III).

(1) Công Giáo Niên Giám, Sài Gòn 1964, tr. 70

(2) Op. Cit. tr. 32 tới tr. 47.

Chương một

cơ cấu hành chánh

Theo một số tác giả, Giáo Hội Công Giáo chỉ hoạt động trong phạm vi siêu nhiên khác hẳn với những hoạt động trong phạm vi trần thế nên giáo hội đã không có một cơ cấu "Hành Chánh" nào cả!

Thực ra, tổ chức của giáo hội Công Giáo được dựa trên một hệ cấp có thứ tự từ trên xuống dưới chặt chẽ (hệ cấp giáo phẩm khác nhau) với chức vụ và quyền hạn riêng biệt qua hệ thống quản trị và thông đạt khác nhau thì đó chính là một cơ cấu "Hành Chánh" rồi vậy. Khi nói đến tổ chức "Hành Chánh" của giáo hội Công Giáo, chúng ta phải kể đến các "Địa Phận" (1). Nhưng ngày nay các địa phận không còn là những khu vực riêng rẽ, biệt lập mà phải hòa hợp với nhau mỗi ngày thêm mật thiết. Hội đồng Giám Mục VN đã thể hiện được lý tưởng này và được coi là cơ quan Trung Ương, một cơ quan cao cấp nhất của giáo hội Công Giáo Việt Nam.

ĐOẠN I

CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG:

HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM (HĐGM.VN)

Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 24-2-1967, nội qui Hội Đồng Giám Mục VN đã được Tòa Thánh phê chuẩn với thành phần và quyền hạn được qui định như sau:

(1) Nguyệt san Sacerdos, số 119. Trang 675.

I) THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC-

Theo nguyên tắc chung đã được Công đồng Vatican II qui định thì: "tất cả những Đấng Bản Quyền bất luận thuộc lễ nghi nào (trừ những Cha Chính) những Giám Mục Phó, những Giám Mục phụ tá và những Giám Mục Hiệu Tòa (1) khác có một nhiệm vụ đặc biệt do Tòa Thánh hay do các hội đồng Giám Mục ủy thác, đều là thành phần của hội đồng Giám Mục" (2). Như vậy hội đồng Giám Mục VN đã được thành lập với sự hiện diện của 16 vị Giám Mục, trong đó gồm 14 vị Giám Mục Chính Tòa của 14 địa phận, 1 vị Giám Mục đặc trách liên lạc với các dòng tu và 1 vị Giám Mục phụ tá địa phận Sài Gòn.

II) CƠ CẤU HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC-

HĐGM.VN được điều hành bởi 3 cơ quan sau đây:

- Ban thường vụ HĐGM.
- Văn Phòng thường trực.
- Các Ủy Ban Giám Mục.

A/ Ban thường vụ HĐGM.

Ban thường vụ HĐGM có thể được coi là đầu não của HĐGM.VN với một thành phần gồm:

- 1 Chủ tịch.
- 1 Phó Chủ tịch kiêm Thủ quỹ.
- 1 Tổng Thư Ký.

Được biết trong khóa họp tại trung tâm Công Giáo Sài Gòn vào tháng 1-1971, Đức Tổng Giám Mục Nguyễn văn Bình đã tái đắc cử chức Chủ tịch; Đức Cha Phạm ngọc Chi tái đắc cử Phó Chủ tịch và Đức Cha Phạm ngọc Quang được yêu cầu tiếp tục giữ chức vụ Tổng Thư Ký của Hội Đồng.

Các vị trên đây được HĐGM.VN bầu lên trong một kỳ đại hội của hội đồng, nhiệm kỳ là 3 năm. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban

(1) Giám Mục Hiệu Tòa:GM chỉ có danh hiệu, không có quyền.

(2) Công đồng Vatican II, Sài Gòn - Senatus 1969 tr. 293.

thường vụ được ấn định do nội qui của HEGM.VN.

B/ Văn Phòng Thường Trục.

HEGM đã quyết định lập một văn phòng Thường Trục do 2 Linh Mục đặc trách:

- 1 linh mục Thư Ký thường trực.
- 1 linh mục phụ tá.

Cả hai linh mục trên đều do HEGM bổ nhiệm. Thực ra, Văn Phòng Thường Trục chỉ được lập mới đây với mục đích để liên kết và hướng dẫn các hoạt động theo quyết nghị của hội đồng Giám Mục. Văn Phòng thường trực làm việc liên tục và đặt tại trung tâm Công Giáo Sài Gòn.

C/ Các Ủy Ban Giám Mục.

Ngoài vấn đề Tín lý, ngày nay theo tổ chức Mục Vụ của HEGM.VN thì Giáo Hội đang cố gắng đóng góp mọi nỗ lực vào công cuộc phát triển dân tộc dưới các khía cạnh: kinh tế, xã hội, giáo dục, văn hóa, thông tin v.v... nên mọi sinh hoạt Công Giáo đều được qui tụ vào 4 Ủy Ban Giám Mục đặc trách:

- Ủy Ban Phụng Vụ và Truyền Thông Xã Hội.
- Ủy Ban truyền bá Phúc Âm.
- Ủy Ban Giáo Dục.
- Ủy Ban Phát Triển.

Ngoài ra còn có 2 Đặc Vụ về Tuyên Ủy Quân Đội và Liên Lạc Dòng Tu cũng do 2 vị Giám Mục đặc trách riêng biệt.

1- Phân nhiệm.

Để cho các sinh hoạt trên có thể đem lại nhiều kết quả, tất cả các địa phận tại miền Nam đã được HEGM chia thành 4 miền Mục Vụ và mỗi Ủy Ban Giám Mục phụ trách một miền. Việc phân nhiệm này được dựa theo tiêu chuẩn thích nghi và nhu cầu liên hệ.

as Miền Trung Duyên Hải:

Miền Trung Duyên Hải gồm các địa phận Huế, Đà Nẵng, Qui Nhơn và Nha Trang. Miền này chịu trách nhiệm Ủy Ban Phát Triển gồm có: Caritas, Xã Hội và các vấn đề Dân Sinh.

b) Miền Trung Cao Nguyên:

Miền Trung Cao Nguyên gồm các địa phận Kontum, Đà Lạt và Ban Mê Thuột chịu trách nhiệm Ủy Ban Giáo Dục gồm có những vấn đề liên quan tới Giáo dục, Chứng Viện, Tín lý và Giáo lý.

c) Miền Sài Gòn:

Miền Sài Gòn gồm các địa phận: Sài Gòn, Xuân Lộc và Phú Cường chịu trách nhiệm Ủy Ban Phụng Vụ và Truyền Thông Xã Hội gồm những vấn đề liên quan tới Phụng Vụ, Thánh Nhạc, Nghệ Thuật Tôn Giáo, Thông Tin, báo chí, truyền thanh và truyền hình.

d) Miền Cửu Long:

Miền Cửu Long gồm các địa phận: Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ và Long Xuyên, chịu trách nhiệm về Ủy Ban Truyền Bá Phúc Âm, gồm các vấn đề truyền giáo, Công Giáo tiến hành và liên hiệp Giáo Hoàng truyền giáo.

Riêng các ngành trực thuộc các Ủy Ban xin xem hình số 4.

2- Phương pháp làm việc.

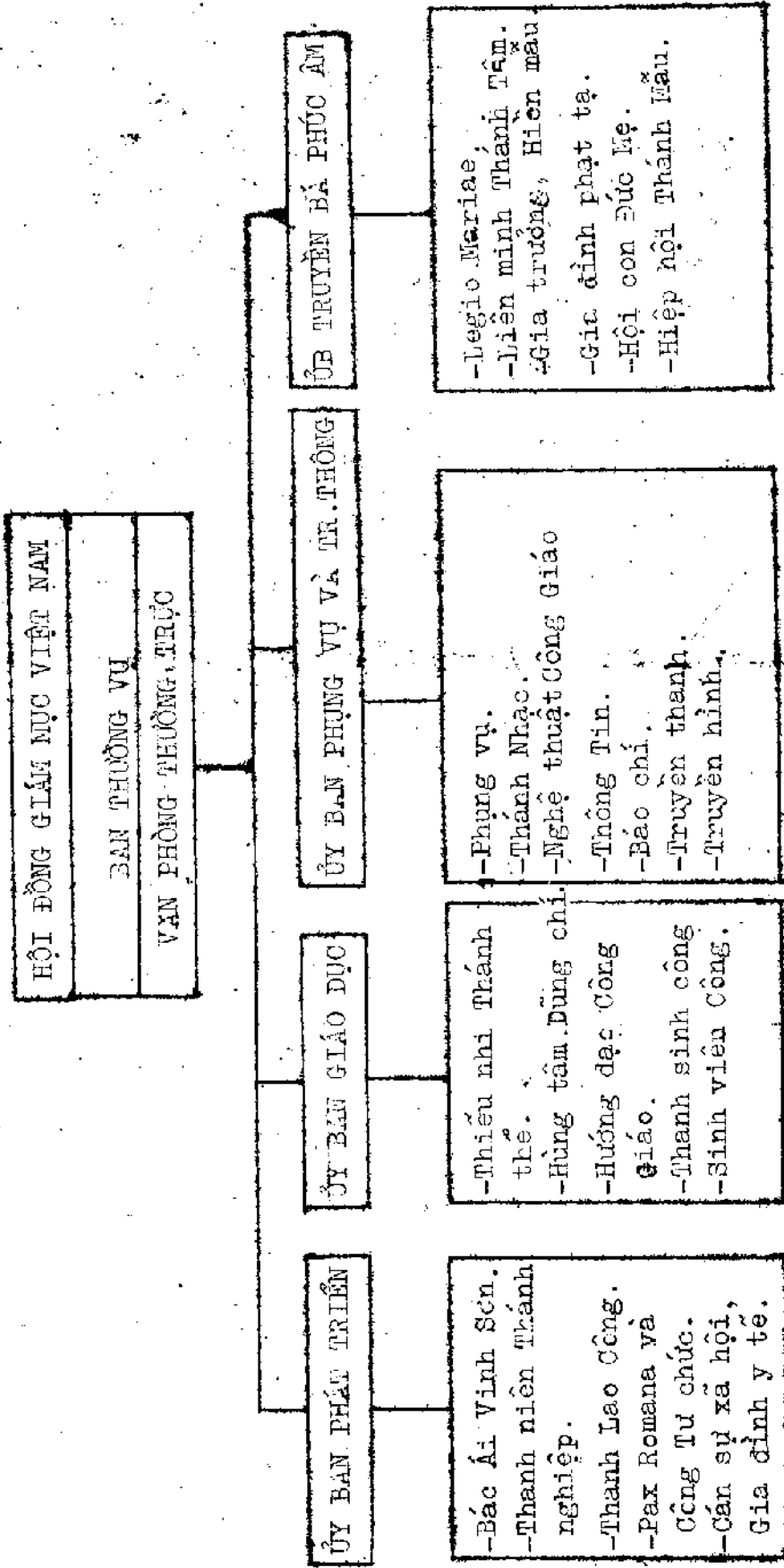
Để thực hiện tinh thần cộng tác và liên đới trách nhiệm, mỗi miền sẽ cử một Giám Mục đặc trách về Ủy Ban riêng của mình, cùng với các Giám Mục cùng miền Phụ tá và các Giám Mục đại diện cho 3 miền còn lại làm ủy viên.

Như vậy, chúng ta có thể nói khi một ủy ban muốn soạn thảo một chương trình nào đó thì vị Giám Mục đặc trách của Ủy Ban liên hệ sẽ đề ra chương trình, các Giám Mục cùng miền sẽ nghiên cứu và soạn thảo, và các Giám Mục Ủy Viên của các miền khác sẽ tham gia ý kiến rồi quyết định. Nếu được chấp thuận, chương trình sẽ có hiệu lực áp dụng đối với tất cả các địa phận. Tuy vậy, mỗi miền sẽ chịu trách nhiệm về Ủy Ban của mình trước HEGM.

3- Nhiệm vụ và quyền hạn của HEGM.

Hội Đồng Giám Mục là cơ quan cao cấp nhất của giáo hội Công Giáo VN trong đó gồm những Giám Mục phải thi hành nhiệm

SỞ DỘ TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG GIÁM HỌC VIỆT NAM



hình vẽ số 1

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

vụ chủ chăn của mình trong mọi sinh hoạt của Giáo Hội. Tuy vậy, đứng trên phương diện quyền hạn thì HĐGM.VN không có một quyền hành trực tiếp nào trên mỗi địa phận. Vì HĐGM.VN cũng chỉ gồm những Giám Mục có nhiệm vụ đại diện Tòa Thánh La Mã để cai quản giáo dân. Các địa phận chỉ phải chịu trách nhiệm về những hành động của mình trước Tòa Thánh La Mã, một cơ quan có thẩm quyền tối cao trên toàn thể Giáo Hội Công Giáo. Dù sao thì đối với những quyết định của HĐGM hợp pháp, với 2/3 số phiếu của các vị Giám Mục có quyền quyết định trong Hội Đồng mà được Tòa Thánh chấp thuận thì sẽ có hiệu lực bắt buộc phải giữ như một đạo luật.

ĐOẠN II

TỔ CHỨC ĐỊA PHƯƠNG

Khi nói tới tổ chức Hành Chánh địa phương của Giáo Hội Công Giáo VN theo hệ thống hàng dọc từ trên xuống dưới, chúng ta phải kể tới các giáo phận (địa phận) giáo hạt và giáo xứ (họ). Nhưng mới đây hệ thống này có thêm một hệ cấp cao hơn và bao quát hơn giáo phận, đó là giáo tỉnh.

I) GIÁO TỈNH- (The Ecclesiastical Province).

A/ Văn kiện thành lập: Sắc chỉ Venerabilium Nostrorum.

Với đà trưởng thành của Giáo Hội Công Giáo VN và vì ích lợi cho giáo sự, sau khi tham khảo ý kiến của Đức Khâm Sứ Tòa Thánh Mario Brini tại Đông Phương, Đức Hồng Y phụ trách Thánh bộ truyền giáo tại La Mã đã nghĩ tới việc thiết lập phẩm trật giáo hội tại VN. Sự kiện này đã trở thành sự thật khi Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII phê chuẩn Sắc chỉ "Venerabilium Nostrorum" ngày 24-11-1960 và ban hành ngày 8-12-1960. Sắc chỉ này có hiệu lực áp dụng tức khắc và kể từ đó, cơ cấu địa phương của Giáo Hội Công Giáo VN có một hệ cấp cao hơn Giáo phận, đó là Giáo Tỉnh.

B/ Tổ chức giáo tỉnh:

Theo Sắc chỉ trên thì Giáo Hội Công Giáo VN được chia

thành ba Giáo Tỉnh:

THƯ-VIỆT QUỐC-GIA

1- Giáo tỉnh Hà Nội.

Giáo tỉnh Hà Nội gồm: Tổng Giám Mục Hà Nội với nhà thờ Chính Tòa danh hiệu Thánh Giuse cùng với các địa phận trực thuộc là:

- Địa phận Lạng Sơn.
- Địa phận Hải Phòng và Bắc Ninh.
- Địa phận Hưng Hóa.
- Địa phận Thái Bình.
- Địa phận Bùi Chu.
- Địa phận Phát Diệm.
- Địa phận Thanh Hóa.
- Địa phận Vinh.

2- Giáo tỉnh Huế.

Giáo tỉnh Huế gồm Tổng Giám Mục Huế với nhà thờ Chính Tòa, danh hiệu Trái Tim Cực Sạch Đức Mẹ cùng với các địa phận trực thuộc sau:

- Địa phận Qui Nhơn.
- Địa phận Nha Trang.
- Địa phận Kontum.

3- Giáo tỉnh Sài Gòn.

Giáo tỉnh Sài Gòn gồm Tổng Giám Mục Sài Gòn với nhà thờ Chính Tòa danh hiệu Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội cùng các địa phận trực thuộc sau:

- Địa phận Vĩnh Long.
- Địa phận Cần Thơ.
- Địa phận Đà Lạt.
- Địa phận Mỹ Tho.
- Địa phận Long Xuyên.

Ngoài ra kể từ năm 1963 tới nay, Giáo Hội VN đã có thêm bốn địa phận Đà Nẵng, Ban Mê Thuột, Xuân Lộc và Phú Cường nên đã không được qui định trong Sắc chỉ Venerabilium Nostrorum. Dầu vậy các địa phận này cũng đã được hợp thức hóa qua sự chấp thuận của Tòa Thánh La Mã để sát nhập vào Giáo tỉnh Huế và Giáo tỉnh Sài Gòn.

Nhìn vào văn kiện thiết lập Giáo tỉnh (1) chúng ta thấy Sắc Chỉ này đã không có một chương, điều, khoản nào qui định tỉ mỉ hệ thống tổ chức và điều hành của Giáo tỉnh ngoại trừ việc ấn định ranh giới cho các miền này. Thực ra về phương diện tổ chức cơ quan cao cấp nhất của Giáo tỉnh là Tổng địa phận (Archdiocese) mà đứng đầu là vị Tổng Giám Mục. Nhiệm vụ và quyền hạn của vị Tổng Giám Mục đã được qui định trong giáo luật khoản 274... Thực tế cho biết thì các vị này không có quyền hành trực tiếp trên các Giáo phận, hay đúng hơn chỉ giữ nhiệm vụ trung gian điều hòa sinh hoạt giữa các Giáo phận mà thôi. Về cơ cấu tổ chức của Tổng địa phận cũng không khác gì cơ cấu của Giáo phận (xin xem tổ chức Giáo phận ở mục kế tiếp).

II) GIÁO PHẬN HAY ĐỊA PHẬN (DIOCESE)-

A/ Nguồn gốc pháp lý việc thành lập địa phận.

Nếu đi từ nguồn gốc lịch sử của đạo Thiên Chúa thì việc thành lập các địa phận như ngày nay trước kia đã không có như vậy. Vì khi còn truyền giáo, Chúa Giê Su đã chẳng thiết lập một cơ sở Hành Chánh nào cả. Ngài chỉ trao cho Phêrô quyền làm Thủ lãnh các Tông đồ và cai trị Giáo Hội. Nhưng với sự bành trướng ngày một lớn rộng của đạo Công Giáo, nhu cầu truyền giáo và cai trị Giáo Hội trở nên cần thiết, một mình Phêrô hoặc các đấng kế vị là các Đức Giáo Hoàng không thể chu toàn nhiệm vụ nếu không có các Giám Mục, vì vậy, các vị Giám Mục đã được thiết lập do Thần quyền của các Tông đồ, và chỉ khi nào có Giám Mục các địa phận mới có lý do để thành lập. Vậy "Tất cả tư cách pháp lý của việc thành lập các địa phận, do đó được căn cứ vào sự thiết lập thần linh của Giám Mục" (2).

B/ Xác định danh từ địa phận.

Danh từ "Địa phận" có những ý nghĩa khác nhau tùy theo sự phát triển cùng sự qui định của Đức Giáo Hoàng tại La Mã:

(1) Công Giáo Niên Giám, từ sách Sacerdos, Sài Gòn 1964, tr.174.

(2) Nguyệt San Sacerdos số 119 tr. 676.

1- Địa phận Phủ Doãn Tông Tòa:

Địa phận Phủ Doãn Tông Tòa là những địa phận được quản trị bởi một vị Phủ Doãn Tông Tòa. Thường thì loại địa phận này không có chức Giám Mục. Do đó địa phận này được coi là bước đầu trong việc tổ chức hàng giáo phẩm.

2- Địa phận Đại Diện Tông Tòa:

Địa phận đại diện Tông Tòa được quản trị bởi một vị Đại Diện Tông Tòa thường là một Giám Mục Hiệu Tòa thay mặt Đức Giáo Hoàng để quản trị địa phận. Loại địa phận này được thiết lập ở những miền truyền giáo chưa có hàng giáo phẩm hoặc hàng giáo phẩm chưa được tổ chức hoàn bị. Đây được coi là bước tiến thứ hai trong việc tổ chức hàng giáo phẩm.

3- Địa phận Chính Tòa:

Địa phận Chính Tòa được quản nhiệm bởi một vị Giám Mục Chính Tòa. Loại địa phận này được coi là một tổ chức hoàn bị nhất, vì khi đó, các phẩm trật của giáo hội được Đức Giáo Hoàng thiết lập đầy đủ. Tại Việt Nam, tất cả các địa phận đã trở thành địa phận Chính Tòa kể từ khi Đức Giáo Hoàng ký Sắc Chỉ thiết lập phẩm trật Giáo Hội tại VN ngày 24-11-1960.

C/ Tổ chức địa phận.

Về phương diện hành chánh, các địa phận đều có một cơ cấu tổ chức giống nhau. Nhưng gần đây, công đồng Vatican II (1) đã qui định một số luật lệ liên quan tới tổ chức các địa phận. Giáo Hội Công Giáo Việt Nam hiện nay đã có một số địa phận áp dụng và một số khác chưa kịp hoàn tất theo luật lệ mới của Công Đồng. Do đó, lấy Công Đồng Vatican II làm tiêu chuẩn, chúng ta sẽ nghiên cứu cơ cấu tổ chức của địa phận trước và sau Công Đồng.

(1) Công Đồng Vatican II được khai mạc ngày 11-10-1962 tại Roma. Đây là một hội nghị lớn nhất trong lịch sử Giáo Hội dưới quyền chủ tọa của Đức Cố Giáo Hoàng Gioan XXIII với sự hiện diện của các Giám Mục đại diện cho 134 nước trên thế giới. Mục đích của Công Đồng là cải tiến toàn diện đời sống Công Giáo giữa thế kỷ 20.

1- Tổ chức địa phận trước Công Đồng Vatican II:

Trước Công Đồng Vatican II, các địa phận được tổ chức theo những điều khoản của bộ Giáo Luật (1) và hiện nay những tổ chức này vẫn còn được duy trì. Một điểm đáng lưu ý là trước khi Đức Giáo Hoàng thiết lập phẩm trật Giáo Hội tại VN, các địa phận lúc bấy giờ chỉ là những địa phận Đại Diện Tông Tòa hay Phủ Doãn Tông Tòa (xin xem xác định danh từ địa phận) nên tổ chức của địa phận chưa rõ rệt và ổn định. Nhưng sau khi Đức Giáo Hoàng thiết lập phẩm trật Giáo Hội tại VN (24-11-1960) các địa phận được nâng lên thành địa phận Chính Tòa; một tổ chức hoàn bị nhất và được qui định đầy đủ trong Giáo Luật.

a- Tổ chức Tòa Giám Mục:

Tòa Giám Mục còn gọi là Giám Tòa, đứng đầu là một vị Giám Mục với tư cách "bản quyền" và tùy theo nhu cầu Tòa Thánh có thể bổ nhiệm thêm một vị Giám Mục cộng sự (có quyền kế vị). Ngoài ra, Tòa Giám Mục còn có những nhân viên có nhiệm vụ giúp đỡ Đức Giám Mục trong việc cai trị địa phận được gọi là Giáo Phủ địa phận.

K Vị Giám Mục với tư cách "bản quyền": Ngài có nghĩa vụ cai trị địa phận về phần thiêng liêng cũng như về trần thế. Ngài có toàn quyền lập pháp, tư pháp và hành pháp, nghĩa là các luật lệ do Đức Giám Mục ban hành đều có hiệu lực ngay sau khi công bố (trừ khi Giáo Luật chỉ định thể khác) và có quyền xét xử cũng như cưỡng chế những vi phạm luật lệ theo thể thức luật định.

Tuy vậy, vị Giám Mục được Đức Giáo Hoàng bổ nhiệm nên phải công nhận Tổng quyền của Đức Giáo Hoàng tại Tòa Thánh La Mã. Cứ 5 năm một lần, Đức Giám Mục phải tường trình về tình hình của địa phận mình với Tòa Thánh La Mã, đồng thời, vị Giám Mục cũng phải đệ kiến Đức Giáo Hoàng trong chính năm đệ trình bản báo cáo.

(1) bộ Giáo Luật gồm 2.414 khoản, gồm toàn bộ những luật lệ được chính Giáo Hội ban hành. Việc thiết lập và cai trị Giáo Hội được dựa theo bộ Giáo Luật này.

☒ Giáo phủ địa phận (Diocesan curia): Giáo phủ địa phận gồm những người có nhiệm vụ giúp Đức Giám Mục trong việc hành xử quyền tư pháp hay hành chính để cai trị địa phận. Những chức vụ trong giáo phủ địa phận gồm có như sau:

- Cha chính địa phận: mỗi địa phận đều có một Cha chính địa phận do Đức Giám Mục bổ nhiệm với quyền hành thông thường về thiêng liêng cũng như trần thế y như vị Giám Mục (trừ những quyền mà Đức Giám Mục dành riêng cho mình) để giúp ngài coi sóc địa phận. Như vậy, trừ vị Giám Mục ra, Cha chính địa phận là người có thứ vị trên tất cả các giáo sĩ trong địa phận.
- Giám khảo hội đồng: là người giúp Đức Giám Mục tra xét việc thuyên chuyển các Cha chính xứ cũng như trong các vụ kiện giáo sĩ.
- Chương án: là người có nhiệm vụ coi giữ, xếp đặt và làm các văn thư.
- Chánh án: là người có quyền thông thường để đoán xử các vụ kiện tụng về hôn phối v.v...
- Chương lý: có nhiệm vụ bênh hộ công ích trong các nổ tố tụng và tội ác.
- Kháng lý: có nhiệm vụ bênh hộ các nổ hôn phối và chức Thánh.
- Những vị dự thẩm: có nhiệm vụ triệu tập và nghe các nhân chứng.
- Những vị thẩm phán: để xét xử việc tố tụng.

Tất cả các chức vụ trên đây đều do Đức Giám Mục bản quyền bổ nhiệm bằng văn kiện. Trước khi nhậm chức, các nhân viên đều phải tuyên thệ.

Ngoài ra, Giáo phủ địa phận cũng còn có những nhân viên khác làm việc trong các hội đồng tư vấn, hội đồng quản trị tài chánh v.v... mà thành phần tùy theo sự quyết định và chọn lựa của Đức Giám Mục bản quyền.

Trong trường hợp Tòa Giám Mục trống ngôi (như Đức Giám Mục bị bắt, ra điên v.v...) nếu Tòa Thánh không định thế khác thì Cha Chính địa phận hay một vị nào khác được Đức Giám Mục chỉ định sẽ lên thay thế để cai trị địa phận, nhưng các vị

này phải tường trình cho Tòa Thánh biết về các sự kiện đã xảy ra như trên.

b) Hội đồng địa phận:

Hội đồng địa phận được coi là một trong những phương thể đặc biệt để Đức Giám Mục thi hành nhiệm vụ và quyền hành của mình trong địa phận.

Theo Giáo Luật khoản 356 thì chỉ Đức Giám Mục mới có quyền triệu tập hội đồng địa phận. Nếu không có lý do chính đáng, hội đồng địa phận phải được triệu tập ít là 10 năm một lần.

Ⓚ Thành phần hội đồng: chỉ những người sau đây được mời tham dự hội đồng địa phận:

- Cha Chính địa phận.
- Các vị cố vấn địa phận.
- Giám Đốc đại chung viện.
- Các Cha quan hạt.
- Các Linh Mục chính xứ nơi có hội đồng.
- Một Linh Mục chính xứ của mỗi hạt.
- Các tu viện Trưởng nội luật có cư sở tại địa phận.

Ⓚ Nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng: Hội đồng được triệu tập để bàn về những vấn đề liên quan đến việc cai quản của địa phận mình. Tất cả mọi vấn đề được thảo luận tự do dưới quyền chủ tọa của Đức Giám Mục. Tuy vậy, chỉ một mình Đức Giám Mục mới là vị lập pháp trong hội đồng, các hội viên khác chỉ có quyền bỏ phiếu với tư cách tư vấn. Các văn kiện của hội đồng đều do Đức Giám Mục ký mà không cần sự phê chuẩn của Tòa Thánh, nhưng không được trái với luật chung của Giáo Hội Công Giáo. Các Sắc Lệnh này có hiệu lực áp dụng trong địa phận khi vừa tuyên bố.

2- Tổ chức địa phận sau Công Đồng Vatican II:

Công Đồng Vatican II là một biến cố lịch sử vĩ đại của Giáo Hội Công Giáo. Công Đồng đã bắt đầu cho một thời kỳ lập pháp mới. Cho tới nay, bộ tân Giáo Luật chưa được ban hành,

cộng tác này đã không được Giáo Dân hoặc tất cả các Linh Mục biết tới, vì những người này không đại diện cho 1 đoàn thể nào. Để có một sự cộng tác và liên đới chặt chẽ hơn trong mọi hoạt động, thiết tưởng song song với việc thiết lập các ủy ban Giám Mục đặc trách cho bốn miền và hai ủy ban giám mục đặc trách về dòng tu và quân đội, HDGM nên có thêm các ủy ban Giám Mục đặc trách về giáo sĩ triều và ủy ban Giám Mục đặc trách về giáo dân. Hai thành phần này thật quan trọng và giữ vai trò hoạt động chính yếu trong mọi hoạt động tôn giáo. Hơn nữa với sự thiết lập này các Linh Mục sẽ có dịp tiếp xúc với nhau trên cấp bậc Quốc Gia (từ trước tới nay chưa có). Các Linh Mục cũng có dịp đóng góp ý kiến trong việc qui định mối tương quan giữa Giám Mục và Linh Mục; một vấn đề đang gây giao động trong giáo hội hiện nay, đã được giải quyết bằng một qui chế rõ rệt.

Ngoài ra, với cơ cấu tổ chức mới của HDGM, việc sát nhập các ngành chuyên môn vào các ủy ban giám mục do các Miền đặc trách sẽ gây một số khó khăn trong việc điều khiển các ngành này. Chẳng hạn, đối với cơ quan Caritas VN, cơ quan quản trị tối cao là HDGM VN, và chức chủ tịch Caritas là Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình. Nhưng theo tổ chức mục vụ mới thì Caritas và những vấn đề xã hội thuộc ủy ban Phát Triển và được giao cho miền trung duyên hải, tức Đức Cha Điền sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm về ngành này trước HDGM. Vậy chức chủ tịch có được trao ngay cho Đức Cha Điền không? Hai trường hợp được đặt ra:

- Nếu không trao chức vụ này cho Đức Cha Điền đảm trách thì việc chia miền mục vụ hầu như mất hết ý nghĩa, tức là chỉ có phân chia trên hình thức mà thôi.

- Nếu trao cho Đức Cha Điền thì việc điều hành ngành Caritas sẽ gặp nhiều trở ngại, vì những cơ sở và trung tâm hoạt động của Caritas nằm ở Sài Gòn.

Đó là chưa kể những khó khăn tương tự khác mà HDGM phải giải quyết sao cho hợp tình hợp lý.

B/ VỀ PHƯƠNG PHÁP LÀM VIỆC CỦA HDGM-

Có thể nói mọi hoạt động mang tới hiệu quả nhiều hay ít

nhưng các luật lệ liên quan đến việc tổ chức các địa phận đã được qui định trong các Hiến chế, Sắc Lệnh, Tuyên Ngôn; đó là:

- Hội đồng Linh Mục.
- Hội đồng Mục Vụ.
- Hội đồng giáo dân.

Các cơ cấu mới trên đây chưa được thành lập đồng loạt tại các địa phận của giáo hội VN. Cho tới nay, chỉ có 3 địa phận Nha Trang, Xuân Lộc, Cần Thơ là đã thành lập một số cơ cấu mới trên đây nhưng đang thời kỳ thử nghiệm, đó là:

am Hội đồng Linh Mục:

Tự Sắc Ecclesiae Sanetae đã qui định hội đồng Linh Mục như sau:

Đ Thành phần: mỗi địa phận, tùy theo lối tổ chức, Đức Giám Mục sẽ ấn định thành phần của hội đồng Linh Mục. Tuy nhiên, điều quan trọng là thành phần đó phải qui định như thế nào để tiếng nói của hội đồng Linh Mục phải là tiếng nói của tất cả Linh Mục đoàn trong địa phận.

Ngoài ra, về tổ chức của hội đồng Linh Mục gồm có những chức vụ sau:

- Một Chủ Tịch,
- Một Phó Chủ Tịch,
- Một Tổng Thư Ký,
- Một Thủ Quỹ,
- Và một số Ủy Viên tùy theo nhu cầu của hội đồng Linh Mục.

Đ Thẩm quyền của hội đồng Linh Mục: hội đồng Linh Mục là một cơ quan tư vấn của Giám Mục, có mục đích giúp đỡ Giám Mục bằng những lời khuyên cáo trong việc cai trị địa phận. Hội đồng Linh Mục còn được thảo luận tất cả các vấn đề liên quan đến việc cai trị địa phận.

Tóm lại, hội đồng Linh Mục có quyền khuyên cáo hoặc đề

ngợi các nguyên tắc để cai trị địa phận, nhưng chỉ với tính cách tư vấn nên những quyết định của hội đồng Linh Mục không có hiệu lực bắt buộc Giám Mục phải theo.

bx Hội đồng Mục Vụ:

Hội đồng Mục Vụ do Sắc Lệnh Christus Dominus qui định như sau:

☒ Thành phần: hội đồng Mục Vụ do Đức Giám Mục chủ tọa, thành phần gồm những giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân được Đức Giám Mục đặc biệt tuyển chọn.

☒ Nhiệm vụ và quyền hạn: hội đồng Mục Vụ có nhiệm vụ nghiên cứu và xem xét tất cả những gì có liên hệ đến công việc mục vụ. Tuy vậy, hội đồng Mục Vụ cũng chỉ có tính cách tư vấn mặc dù theo quy chế, hoạt động của hội đồng này có tính cách thường xuyên.

Riêng hội đồng giáo dân là cơ cấu chưa được thành lập tại các địa phận giáo hội VN.

III) GIÁO HẠT-

Giáo Hạt được coi là một cơ quan trung gian giữa các giáo xứ và Đức Giám Mục Địa phận. Đứng đầu giáo hạt là một Linh Mục hạt trưởng do Đức Giám Mục cất cử để quản nhiệm một địa hạt thuộc địa phận.

A/ Nhiệm vụ Hạt Trưởng.

Ngoài những quyền hành đã được công đồng địa phận ấn định, Linh Mục quản hạt còn có nhiệm vụ và quyền hạn trong những việc sau đây:

1- Kiểm soát xem các giáo sĩ trong hạt mình có ân cần chu toàn nhiệm vụ theo giáo luật hay không.

2- Kiểm soát xem các Linh Mục có lo đến vấn đề trần

thiết Thánh đường, vấn đề phụng vụ, tài sản của Giáo Hội và những nghĩa vụ liên hệ nhất là về bóng lễ, các sổ sách nhà xứ, Thánh đường có biên chép và giữ cẩn thận không.

3- Để dễ biết và tường trình với Đức Giám Mục, Linh Mục quản hạt phải theo ngày giờ đã định để đi viếng các xứ trong hạt.

4- Mỗi năm ít là một lần, Linh Mục quản hạt phải phúc trình với Đức Giám Mục về tình hình của địa hạt: công việc tốt đẹp đã thực hiện, công việc không may đã xảy ra, và những biện pháp đã xử dụng trong việc giải quyết các vấn đề trên.

B/ Việc bổ nhiệm Linh Mục quản hạt.

Việc bổ nhiệm Linh Mục quản hạt đã được qui định trong Giáo Luật khoản 44b như sau: "Để lãnh chức vụ quản hạt, Đức Giám Mục sẽ tuyển chọn Linh Mục mà ngài xét là xứng đáng. Đức Giám Mục được tự do thu hồi chức vụ này, tuy nhiên cần phải có lý do chính đáng".

IV) GIÁO XỨ- (Họ đạo)

Giáo Xứ là một phần đất của địa phận, có một Thánh Đường, một số giáo hữu nhất định được giao phó cho một Linh Mục để lo lắng và coi sóc họ. Như vậy trong mỗi giáo xứ, trước tiên là phải kê tới Linh Mục Chính xứ và tiếp theo là hội đồng Giáo Xứ.

A/ Linh Mục Chính Xứ:

Các Linh Mục Chính Xứ được coi là những vị cộng tác với Đức Giám Mục, được ủy thác để coi sóc về phần đạo giáo của giáo dân trong xứ của mình.

1- Nhiệm vụ Linh Mục Chính Xứ:

Linh Mục Chính Xứ là vị lãnh đạo tinh thần tối cao của toàn giáo xứ nên ngài có nhiệm vụ hướng dẫn, huấn luyện, chăm sóc giáo dân trong xứ trong mọi hoạt động tôn giáo. Ngoài ra còn phải nắm vững những nguyên tắc để phối kiểm những công

tác đã giao phó.

Linh Mục Chính Xứ còn phải giữ một số nhiệm vụ rõ rệt như:

- Nhiệm vụ cư sở: Linh Mục không được phép vắng mặt khỏi xứ trong thời hạn tối đa là 2 tháng.
- Nhiệm vụ chỉ lễ cho dân.
- Nhiệm vụ coi sóc về tín ngưỡng, luân lý.
- Nhiệm vụ về sổ sách của xứ.

2- Việc bổ nhiệm Linh Mục Chính Xứ:

a* Đức tính cần phải có để được bổ nhiệm Chính Xứ:

Các Linh Mục muốn được bổ nhiệm Chính Xứ, ít nhất cũng phải có những điều kiện:

- Có đời sống đạo đức.
- Học thức khá.
- Nhiệt thành và khôn ngoan.
- Một số đức tính khác mà địa phận đã qui định cần phải có.

b* Quyền bổ nhiệm Linh Mục Chính Xứ:

Thường thường, quyền tuyển chọn và bổ nhiệm Linh Mục Chính Xứ hoàn toàn tùy thuộc vào Đức Giám Mục bản quyền. Một khi đã bổ nhiệm rồi, theo "luật cũ" thì những vị này không thể bị chuyển như Đức Giám Mục muốn. Thực ra, người ta đã phân biệt những linh mục bất khả chuyển (đối với những xứ mới thành lập) và những Linh Mục khả chuyển (đối với những bản xứ).

Nhưng ngày nay, sau công đồng Vatican II, giáo hội muốn Giám Mục có quyền bổ nhiệm Linh Mục Chính Xứ được dễ dàng hơn, nên sự phân biệt những Linh Mục khả chuyển hoặc bất khả di dịch không còn nữa và Giám Mục được quyền tùy nghi bổ nhiệm miễn là sự bổ nhiệm đó đem lại nhiều ích lợi cho giáo dân.

B/ Hội đồng giáo xứ.

1- Định nghĩa:

Theo nội qui đã được ấn định thì "hội đồng giáo xứ"

là một tổ chức qui hợp một số giáo dân ưu tuyển, đại diện các thành phần giáo dân, được thông quyền điều hành giáo xứ qua sự hướng dẫn của Linh Mục Chính Xứ".

2- Tổ chức:

Hội đồng giáo xứ là một cơ cấu mới được qui định theo tinh thần của Công Đồng Vatican II, nhằm canh tân tổ chức của giáo hội tại hạ tầng cơ sở. Thực ra, cơ cấu này trước đây đã có với một danh hiệu hơi khác đó là "hội đồng hàng xứ" mà thành phần gồm: Chánh Trưởng, Phó Trưởng, Thư Ký, Tuần Kiêm và Thủ Quỹ. Nhưng với hội đồng giáo xứ chỉ mới được áp dụng tại một số địa phận từ đầu năm 1972 thì có một thành phần khác biệt. Thành phần của hội đồng giáo xứ gồm:

am Ban Thường Vụ:

Ban Thường Vụ là đại diện cho hội đồng giáo xứ, cùng với Linh Mục Chính xứ điều hành tổng quát trên toàn giáo xứ. Ban Thường Vụ gồm có:

- Chủ Tịch.
- Phó Chủ Tịch (I, II ...)
- Tổng Thư Ký (I, II...)
- Tổng Thủ Quỹ.

bm Các ban chấp hành khu xóm:

Là đầu não của khu xóm để điều hành trật tự, và giúp đỡ khu xóm phát triển cả về vật chất lẫn tinh thần.

cm Các ban quản trị đoàn thể:

Là đầu não của một đoàn thể, điều khiển một nhóm đoàn viên cùng chung lý tưởng hành động.

dm Ban Cố Vấn:

Gồm những cựu nhân viên lão thành, thiện chí, đây là thành phần bảo trợ về tinh thần lẫn vật chất, giúp hội đồng giáo xứ có những điều kiện hành động thuận lợi.

3- Nhiệm vụ hội đồng giáo xứ:

Hội đồng giáo xứ có nhiệm vụ hợp tác với Linh Mục Chính Xứ để phục vụ giáo xứ qua những công tác nhằm bảo vệ toàn vẹn và phát triển toàn diện những giá trị tinh thần và vật chất của giáo xứ làm nền tảng cho bước tiến truyền giáo.

V) KHU XÓM-

Trước kia, "Họ" đối với miền Bắc và "Khu" đối với miền Nam là một thành phần của giáo xứ. Nhưng ngày nay, trong hệ thống của hội đồng giáo xứ, danh từ Họ hay Khu được đổi thành KHU XÓM.

A/ Tổ chức.

Tùy theo sự lớn hay nhỏ của giáo xứ, mỗi khu xóm có khoảng từ 100 đến 150 gia đình Công Giáo. Ban chấp hành khu xóm được bầu lên với thành phần như sau:

- Một Trưởng Khu Xóm.
- Một Phó Trưởng Khu Xóm.
- Một Thư Ký.
- Một Thủ Quỹ.

B/ Nhiệm vụ.

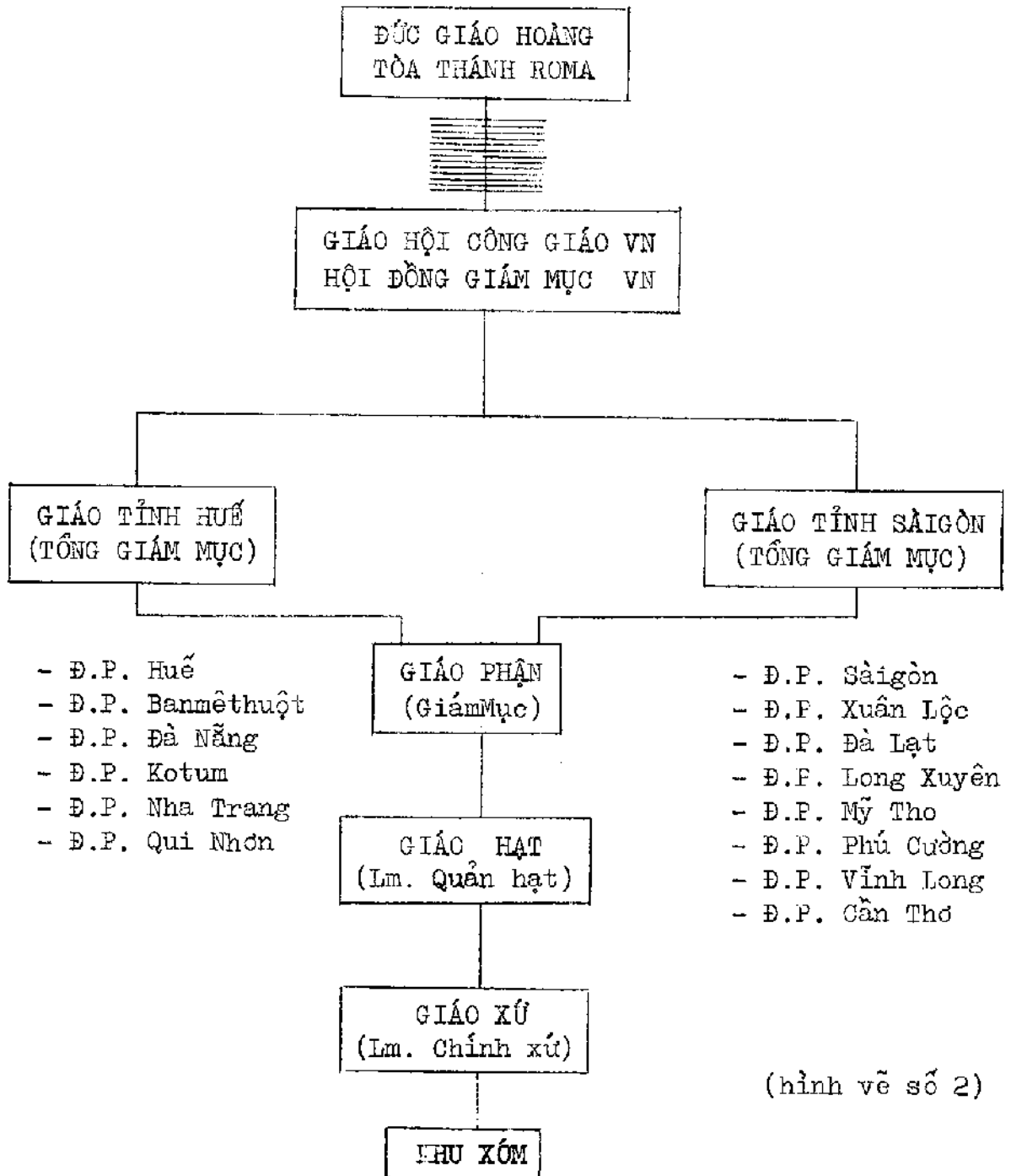
Ban chấp hành khu xóm có nhiệm vụ lưu tâm đến những tình trạng và chiều hướng phát triển tinh thần lẫn vật chất của từng gia đình, từng cá nhân, đồng thời phải báo cáo lên hội đồng giáo xứ để ở đây liệu phương trợ giúp.

VI) PHÂN XÓM-

Đối với những vùng quá rộng lớn, Khu Xóm còn được chia ra thành các "Phân Xóm" (5 tới 10 gia đình) mà đứng đầu là phân xóm trưởng do các gia đình trong phân xóm đề cử (1)

(1) Phòng theo qui chế Hội Đồng Giáo Xứ Địa Phận Sài Gòn và Phú Cường.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM



(hình vẽ số 2)

chương hai

tổ chức nhân sự

Trong chương thứ nhất, chúng tôi đã trình bày khái quát cơ cấu tổ chức hành chánh của Giáo Hội từ trung ương tới địa phương, một cơ cấu có lối tổ chức độc hữu và riêng biệt.

Tuy vậy, với cơ cấu hành chánh đó, chúng ta chỉ có thể coi như là một phương tiện, một bộ máy đã được ráp nối cẩn thận, nhưng còn thiếu một động lực để thúc đẩy, đó là động lực nhân sự. Nhưng những động lực này không thể để phân tán rời rạc, trái lại nó phải được phối hợp trong một hệ thống có tổ chức: tổ chức nhân sự của Giáo Hội Công Giáo tại VN. Một tổ chức có tầm mức vô cùng quan trọng mà chúng tôi sẽ lần lượt trình bày trong 2 đoạn sau đây:

Đoạn 1: Tổ chức giáo sĩ.

Đoạn 2: Tổ chức tín đồ.

ĐOẠN I

TỔ CHỨC GIÁO SĨ

Danh từ "Giáo Sĩ" đã được bộ Giáo Luật khoản 108 định nghĩa rõ rệt: "Ai chịu phép cắt tóc (1) để hiến thân phụng

(1) Phép cắt tóc là bước đầu tiên để chính thức gia nhập hàng giáo sĩ. Có nhiều lễ nghi để biểu dương ý nghĩa của phép này.

sự Thiên Chúa thì được gọi là Giáo Sĩ". Như vậy danh từ giáo sĩ có một ý nghĩa rộng rãi, bao gồm các vị Giám Mục và Linh Mục. Tuy vậy giữa các giáo sĩ còn chia ra những phẩm trật khác nhau mà ta gọi là giáo phẩm (Hierachia).

- Theo phẩm trật Thánh chức tức phẩm trật do Thiên Chúa thiết lập để phụng sự bằng các lễ nghi thì hàng giáo phẩm gồm Giám Mục, Linh Mục và Phó Tế.
- Theo phẩm trật thánh phẩm tức là phẩm trật do Giáo Hội thiết lập để điều khiển Giáo Hội thì hàng Giáo phẩm chỉ gồm Đức Giáo Hoàng và Đức Giám Mục. Tuy nhiên ở đây ta nghiên cứu về tổ chức nhân sự của Giáo Hội tại VN, tức phẩm trật có tính cách chỉ đạo và cai trị thì ý nghĩa của giáo phẩm chỉ gồm Đức Giám Mục mà thôi. Còn giáo sĩ hiểu theo nghĩa hẹp ở đây gồm các Linh Mục và các vị Phó Tế.

I) HÀNG GIÁO PHẨM: GIÁM MỤC-

A/ Định nghĩa Giám Mục.

Giáo luật khoản 329 đã định nghĩa Giám Mục như sau: "Giám Mục là những vị kế nghiệp các Tông đồ do Thiên Chúa thiết lập để quản trị các địa phận với quyền hành thông thường của Đức Giáo Hoàng". Điều này cho chúng ta thấy phẩm trật Giám Mục do Thiên luật ấn định nên chính Đức Giáo Hoàng, người có quyền tối cao trên toàn thể giáo hội vẫn không thể truất bãi được chức vụ này.

B/ Vấn đề bổ nhiệm Giám Mục.

1- Điều kiện để lên chức Giám Mục:

- Để có thể được bổ nhiệm chức Giám Mục, các Linh Mục phải hội đủ một số điều kiện sau đây:
- a) Linh Mục phải được sinh bởi hôn phối hợp thức.
 - b) Ít nhất là 30 tuổi.
 - c) Đã thụ phong Linh Mục được 5 năm.
 - d) Có những đức tính tốt, có lòng Đạo cùng những đức tính cần thiết khác để cai trị địa phận.
 - e) Có văn bằng Cử Nhân hay Tiến Sĩ về thần học hay Giáo luật.

2- Thế thức bổ nhiệm Giám Mục:

Tất cả các Linh Mục khi được thụ phong chức vụ Giám Mục, phải trải qua 3 giai đoạn bắt buộc sau đây:

a) Giai đoạn một: Đề nghị (hay tiến cử).

Đây là giai đoạn đầu tiên để thăm dò và tìm kiếm những Linh Mục xứng đáng để được đề nghị lên chức vụ Giám Mục. Xưa kia, việc đề cử chức Giám Mục đều do giáo dân đảm trách. Nhưng ngày nay, Đức Giám Mục địa phận tức là đang bản quyền có quyền đề cử chức vụ này. Tuy vậy, trước khi đề cử một Linh Mục nào trong chức vụ Giám Mục, tùy theo sự tương quan giữa Linh Mục được đề cử với các Linh Mục khác, đang bản quyền sẽ làm một cuộc điều tra và thăm dò giữa các vị Linh Mục liên hệ tại tòa Giám Mục trong địa phận. Những Linh Mục nào được đang bản quyền hỏi ý kiến về Linh Mục sắp được đề cử đều phải tuyệt đối giữ kín. Đây là một điều khoản luật định, nếu tiết lộ, vị Linh Mục đó sẽ bị phạt theo giáo luật. Nếu đa số các vị Linh Mục trong địa phận đã được hỏi ý kiến đều ưng thuận, Đức Giám Mục sẽ làm danh sách đề nghị gửi về Tòa Thánh.

b) Giai đoạn hai: Tuyển nhiệm (hay bổ nhiệm).

Khi nhận được bản danh sách đề nghị chức vụ Giám Mục của hàng giáo phẩm VN, Đức Giáo Hoàng sẽ cứu xét lại một lần nữa và đưa ra một quyết định tối hậu. Điều này có nghĩa là Đức Giáo Hoàng không bắt buộc phải bổ nhiệm những Linh Mục đã được đề nghị trong danh sách. Trong trường hợp chấp thuận, Đức Giáo Hoàng sẽ bổ nhiệm vị Giám Mục đó bằng 2 cách:

- Hoặc Đức Giáo Hoàng tuyên bố tên của vị tân Giám Mục trong Cơ Mật Hội rồi mới ký vào Sắc Lệnh để bổ nhiệm.
- Hoặc Tòa Thánh gửi thư bổ nhiệm trước rồi mới tuyên bố tên của vị tân Giám Mục tại Cơ Mật Hội (1). Cách này thường được Đức Giáo Hoàng áp dụng nhiều hơn cả.

(1) 'Cơ Mật Hội' đặc trách những vấn đề liên quan đến việc thiết lập các địa phận mới cũng như bổ nhiệm Giám Mục.

cm Giai đoạn ba: Tấn phong (hay thụ phong).

Trừ trường hợp bị trở ngại chính đáng, thông thường thì sau khi được Đức Giáo Hoàng tuyển nhiệm và đã nhận được thư Tòa Thánh, vị Linh Mục được tuyển nhiệm phải xin thụ phong chức Giám Mục trong vòng 3 tháng. Bất cứ vị Giám Mục nào cũng có thể phong chức Giám Mục cho những Linh Mục đã được Tòa Thánh tuyển nhiệm. Hiện nay, nghi lễ tấn phong thường do Đức Tổng Giám Mục phong chức và hai vị Giám Mục khác phụ trợ.

3- Nhiệm vụ của Giám Mục:

Ngoài nghĩa vụ cai trị địa phận với quyền lập pháp, tư pháp và hành pháp, các vị Giám Mục còn có nhiệm vụ cư sở. Mỗi năm các ngài không được vắng mặt khỏi địa phận tối đa là 3 tháng (trừ những công vụ chính đáng). Nếu vắng mặt hơn 6 tháng, vị Tổng Giám Mục phải báo cáo về Tòa Thánh. Nếu vị Tổng Giám Mục vi phạm, thì vị Giám Mục nào thụ phong trước phải có nhiệm vụ báo cáo cho Tòa Thánh biết. Ngoài ra, khi vắng mặt khỏi địa phận, các Giám Mục không được cư ngụ nhà anh em mà phải ở trong Tòa Giám Mục, gần nhà thờ Chính Tòa.

II) GIÁO SĨ: LINH MỤC-

A/ Quan niệm chức Linh Mục.

Trong công việc quản trị địa phận cũng như trong sứ mệnh truyền bá đạo giáo, các Linh Mục triều (khác với Linh Mục dòng) là những cộng tác viên đặc lực cho đấng bản quyền. Bởi vì các vị Linh Mục một khi gia nhập địa phận là đã hiến trọn thân mình để phục vụ địa phận tùy theo lãnh vực mà Giám Mục giao phó: hoặc có thể được ủy thác để cai quản một giáo xứ (họ), hoặc được ủy thác những công việc vượt ra ngoài các họ đạo như coi sóc các học đường, các đoàn thể, hiệp hội hay bất cứ một hoạt động đặc biệt nào của địa phận đã được Đức Giám Mục trao phó.

B/ Nhiệm vụ và quyền lợi của Linh Mục.

Ngoài những nhiệm vụ tích cực đã được qui định rõ rệt cho những Linh Mục đặc trách giáo vụ (chính xứ, phó xứ,...)

nhiệm vụ và quyền lợi của các Linh Mục nói chung được ấn định như sau:

1- Nhiệm vụ:

a) Các Linh Mục không được ra khỏi địa phận trong một thời gian quan trọng (tối đa là 2 tháng) nếu không phải có phép của đảng bản quyền.

b) Các Linh Mục phải tránh những việc không xứng đáng với địa phận của một người tu hành. Chẳng hạn các Linh Mục không được giữ những chức vụ tài phán hay hành chánh ở ngoài đời như Tổng Thống, Bộ Trưởng, Quan Tòa v.v...

Tuy vậy, mới đây tập san Communicato, cơ quan chính thức của ủy ban duyệt xét lại Giáo luật đã cho biết một số chi tiết liên quan tới nhiệm vụ của Linh Mục như sau: giáo sĩ không nên đi săn bắn nhưng có thể hành nghề Nha sĩ và các nghề khác trước kia vốn cấm. Các Linh Mục nên tập trung lại và sống chung với nhau, có một số lương cần yếu được bảo đảm về an ninh xã hội và quyền tự biện hộ trước các bề trên... (1).

2- Quyền lợi:

Quyền lợi của Linh Mục vừa do Thiên luật vừa do Nhân luật nên có 2 quyền:

- Quyền Thánh Chức: là quyền làm các bí tích tôn giáo mà người dân không có quyền làm.
- Quyền Tài Thăm: là quyền cai trị và giáo huấn các tín đồ.

Ngoài ra các Linh Mục còn được hưởng một số đặc ân như: đặc ân bất khả phạm, đặc ân miễn tố v.v...

C/ Vấn đề đào tạo Linh Mục.

Ngày nay trong mọi ngành của tổ chức Giáo Hội Công Giáo, các Linh Mục đều giữ những vai trò quan trọng: hoặc trực tiếp điều khiển, hoặc gián tiếp hướng dẫn trong nhiều lãnh vực

(1) Tuần san Phát Triển ngày 23-4-1972.

hoạt động của Giáo Hội. Vì vậy có thể nói Linh Mục là linh hồn của Giáo Hội. Giáo Hội thịnh hay suy đều tùy thuộc rất nhiều vào khả năng văn hóa và đạo đức của các vị này. Do đó vấn đề đào tạo Linh Mục được đặt ra.

1- Thời gian đào tạo:

Ngoài các Linh Mục "Dòng" là những người được đào tạo trong các dòng tu theo qui chế khác nhau của mỗi dòng, các Linh Mục "Triều" thường được đào tạo trong một thời gian như sau:

ax 7 năm tại tiểu chủng viện:

Trong thời gian tại tiểu chủng viện, các chủng sinh cũng học một chương trình như các trường trung học của chính phủ. Tuy nhiên môn giáo lý của đạo Công Giáo rất được chú trọng.

bx 2 năm giúp xứ:

Sau những năm được đào tạo trong khung cảnh kín cổng cao tường, các chủng sinh được gửi tới các giáo xứ (họ) để học hỏi thêm về phụng vụ; Đồng thời cũng là dịp giao tiếp với thực tế để trải nghiệm lại "ơn kêu gọi" của mỗi người.

cx 6 năm đại chủng viện:

Tại đại chủng viện, học trình 6 năm được chia ra như sau:

- 2 năm triết học: ngoài những môn học phổ thông như sinh ngữ, tâm lý, luân lý, các chủng sinh còn được học thêm những môn đặc biệt như: Dân luật, Xã hội học, Siêu hình học, Thánh kinh và Giáo sử.
- 4 năm Thần học: các chủng sinh sẽ có những môn học như: giảng thuyết, tân ước, cựu ước, giáo luật, phụng vụ và tín lý.

Cuối cùng, trước khi chịu chức Linh Mục, các chủng sinh đều phải được điều tra về ý hướng ngay thẳng, tư cách, tinh thần, đạo đức, học vấn, tình trạng sức khỏe v.v... và sau cùng là ý chí tự do khi sắp lên chịu chức.

Tóm lại, nếu không có gì ngăn trở, muốn trở thành Linh

Mục, ít nhất các chủng sinh phải qua một thời gian huấn luyện là 15 năm.

2- Cơ sở đào tạo:

- Thường thường, mỗi địa phận đều có một tiểu chủng viện được coi như hạ tầng cơ sở để thu nhận và vun trồng những mầm non Linh Mục nhằm đáp ứng với nhu cầu bành trướng ngày một lớn mạnh của Giáo Hội.

- Tuy nhiên, tiểu chủng viện không đủ khả năng để đào tạo các chủng sinh trở thành Linh Mục mà cần phải có những cơ sở ở cấp bậc cao hơn, đó là đại chủng viện. Hiện nay, Giáo Hội Công Giáo miền Nam có 4 đại chủng viện:

- Đại Chủng Viện Xuân Bích (Huế).
- Đại Chủng Viện Giáo Hoàng Pío X (Đà Lạt).
- Đại Chủng Viện Thánh Guise (Sài Gòn).
- Đại Chủng Viện Xuân Bích (Vĩnh Long).

D/ Vấn đề bổ nhiệm Linh Mục.

Các đại chủng sinh trước khi thụ phong Linh Mục phải gia nhập vào một địa phận nhất định và phải tuyên hứa giữ đức "vâng lời". Như vậy, việc bổ nhiệm Linh Mục giữ những chức vụ khác nhau từ hạ tầng tới thượng tầng công tác sẽ dựa trên đức "Vâng lời" tuyệt đối của Linh Mục và trên "quyền bính" tối cao của phẩm trật Giám Mục trong địa phận mà Linh Mục đã gia nhập. Đối với những chức vụ quan trọng như Cha Chính địa phận (Đoạn 2 Chương I) Linh Mục Chính Xứ (Đoạn 2 Chương II) việc bổ nhiệm thường được căn cứ trên tiêu chuẩn chung (Giáo luật) hoặc tiêu chuẩn riêng (do hội đồng địa phận). Còn đối với những chức vụ khác, vị Giám Mục có nhiệm vụ bổ nhiệm theo lương tâm. Trong việc phán đoán ai là xứng đáng hơn, theo Giáo Luật thì Giám Mục phải chú trọng tới trình độ học thức, tư cách, hoặc những tin tức liên quan tới giáo sĩ sắp được bổ nhiệm.

Ngoài ra, vấn đề "thăng thưởng" không có trong tổ chức nhân sự của Giáo Hội Công Giáo, vì bộ Giáo Luật đã không qui định. Nhưng vấn đề chế tài các giáo sĩ không chu toàn nhiệm vụ lại được bộ Giáo Luật đề cập tới và chỉ có tính cách tinh thần mà thôi.

III) DÒNG TU-

A/ Đặc tính.

Theo Giáo luật khoản 487 thì bậc Dòng tu là bậc của những người sống chung để đạt tới sự hoàn thiện Công Giáo nhờ bởi sự giữ những lời khấn đó là:

- Đức vâng lời.
- Đức sạch sẽ.
- Đức khó khăn.

Xem thế, các tu sĩ cũng giống như các giáo hữu Công Giáo nghĩa là cùng giữ những điều luật của giáo hội. Chỉ khác ở điểm họ ở trong một tổ chức chặt chẽ có qui chế rõ rệt như phải khấn Tạm và khấn Trọn đời và giữ ba đức tính căn bản trên mà không bắt buộc phải có ở người giáo dân. Tuy vậy, cũng có những dòng huấn luyện các tu sĩ trở thành Linh Mục gọi là "Linh Mục dòng".

B/ Tổ chức.

Các dòng tu tại VN hoặc do Tòa Thánh thiết lập, hoặc do các vị Giám Mục các địa phận thiết lập qua sự chấp thuận của Tòa Thánh.

- Nếu là dòng Tòa Thánh thì mọi hoạt động của dòng đều trực thuộc Đức Giáo Hoàng, do đó ít bị chi phối bởi giáo quyền Việt Nam.
- Nếu là dòng của một địa phận do Đức Giám Mục thiết lập thì mọi hoạt động của dòng đều đặt dưới sự kiểm soát tối cao của đang bản quyền. Tuy vậy, công việc điều hành nội bộ của các dòng tu được dựa trên hệ cấp sau:

- 1- Tu Viện Trưởng: còn gọi là "bề trên cả" có thẩm quyền tổng quát trên "toàn dòng".
- 2- Bề trên tỉnh: có thẩm quyền trên Tỉnh dòng của mình.
- 3- Bề trên địa phương: có thẩm quyền trên mọi nhà dòng.

C/ Các loại dòng.

Mỗi dòng thường có một mục đích khác nhau: có dòng ít chú trọng tới hoạt động bên ngoài (Dòng Chiêm Niệm), có dòng nhắm mục đích giáo dục, bác ái v.v... Căn cứ vào mục đích

của dòng người ta có thể chia các dòng thành 5 loại chính:

1- Dòng Chiêm Niệm (Contemplativi):

Dòng Chiêm Niệm chỉ lo thánh hóa bản thân mình bằng kinh nguyện và không hoạt động bên ngoài. Tại VN có các dòng sau:

- Dòng Bê-nê-dictô.
- Dòng Citeaux.
- Dòng kín Carmel.

2- Dòng truyền giáo: gồm có:

- Dòng Thánh Đa Minh.
- Dòng Thánh Phanxico.
- Dòng Chúa Cứu Thế.

3- Dòng phụ trách giáo dục: gồm có:

- Hội linh mục Xuân Bích.
- Dòng Sư Huynh Trường Thiện giáo.
- Dòng Thánh Tâm Chúa Giê Su.

4- Dòng phụ trách công việc bác ái: gồm có:

- Dòng Salesien Don Bosco.
- Dòng Thánh Gioan Thiên Chúa.
- Dòng Chị Em Chúa quan phòng.
- Dòng các bà Phước Thánh Linh Sơn.
- Dòng Nữ tu Thánh Phanxicô.

5- Dòng phụ trách giáo dục và bác ái gồm có:

- Dòng Đức Mẹ Đồng Công cứu chuộc.
- Dòng Nữ tu Thánh Phaolô.
- Dòng Mến Thánh Giá.
- Dòng Nữ Tu Đa Minh.

ĐOẠN II

TỔ CHỨC TÍN ĐỒ

Theo thống kê mới nhất của Giáo Hội Công Giáo (phụ bản) thì tính tới ngày 31-12-1970, tổng số tín đồ Công Giáo tại miền Nam lên tới 1.826.581 người, chiếm 10,76% dân số. Đó là chưa kể gần 900.000 giáo dân miền Bắc chiếm 5,6% tổng số dân tại Bắc Việt (1). Với số giáo hữu đông đảo như vậy, Giáo Hội

(1) Công Giáo niên giám, từ sách Sacerdos, Sài Gòn 1964, tr.504.

Công Giáo đã thành lập nhiều đoàn thể thích hợp cho mỗi lứa tuổi và mọi giới để qui tụ mọi tín đồ nhằm phát triển đạo giáo trong phạm vi cá nhân, gia đình và xã hội. Các tổ chức này hoặc nằm trong hệ thống Công Giáo Tiến Hành, hoặc nằm trong tổ chức Tuyên Ủy quân đội.

I) TỔ CHỨC CÔNG GIÁO TIẾN HÀNH-

A/ Định nghĩa.

"Công Giáo Tiến Hành là toàn thể các hội đoàn do giáo dân đảm nhiệm trong phạm vi truyền giáo đã được giáo quyền nâng đỡ và giao phó sứ mạng riêng biệt". Còn theo Đức Pio XI thì Công Giáo Tiến Hành là sự tham gia cộng tác của giáo dân trong việc tông đồ của hàng giáo phẩm" (1).

B/ Tổ chức.

Phong trào Công Giáo Tiến Hành đã được phát động từ lâu tại VN. Nhưng Hiến Chương Công Giáo Tiến Hành VN chỉ được Tòa Thánh phê chuẩn và cho thi hành kể từ ngày 7-12-1956. Theo nguyên tắc thì các hội đoàn đều đặt dưới quyền chỉ huy tổng quát của một vị Giám Mục đặc trách tức Giám Mục Giám Đốc Công Giáo Tiến Hành. Tuy nhiên từ ngày thành lập hội đồng Giám Mục VN đến nay (1967), mọi sinh hoạt Công Giáo đều được qui tụ vào 4 ủy ban Giám Mục đặc trách. Do đó, thay vì tất cả các hội đoàn chỉ liên lạc với vị Giám Mục đặc trách như trước kia thì nay các hội đoàn chỉ liên lạc với ủy ban Giám Mục tùy theo sự liên hệ đã được qui định (xem sơ đồ tổ chức HEGM.VN, hình số 1)

1- Tổ chức Công Giáo Tiến Hành tại trung ương:

Ban chấp hành trung ương Công Giáo Tiến Hành toàn quốc là cơ quan tối cao để liên lạc, phối trí và hướng dẫn hoạt động của các đoàn thể đã gia nhập phong trào Công Giáo Tiến Hành. Ban này gồm có:

ax Ban đại diện: Ban đại diện gồm các đại biểu của

(1) Nguyễn Văn Vi, Tìm hiểu CGTH Quốc Tế và VN, Sài Gòn 1965 tr.28.

các hội đoàn trong tổ chức Công Giáo Tiến Hành. Mỗi hội đoàn chỉ có một đại biểu, do ủy ban Giám Mục chọn trong danh sách 3 nhân viên mà mỗi hội đoàn đề nghị. Muốn được đề cử vào ban chấp hành toàn quốc, các tổ chức phải hội đủ một số điều kiện mà nội qui đã ấn định.

bx Ban Hành Sự Thường Trực: gồm có:

- Chủ Tịch.
- Phó Chủ Tịch.
- Thư ký.
- Thủ quỹ.

Linh Mục Phó Giám Đốc sẽ giữ chức Chủ Tịch, Thư ký và Thủ quỹ do ủy ban Giám Mục đề cử. Phó Chủ Tịch do các thành phần ban đại diện bầu cử với đại đa số phiếu. Nhiệm kỳ của ban chấp hành là 3 năm và có thể được tái cử.

2- Tại địa phương:

ax Công Giáo Tiến Hành tại địa phận:

Tại mỗi địa phận, tổ chức Công Giáo Tiến Hành được đặt dưới quyền tổng quát của Đức Giám Mục địa phận. Tuy vậy, Đức Giám Mục có thể ủy thác cho một vị Linh Mục do ngài chọn với chức vụ Giám Đốc Công Giáo Tiến Hành địa phận, và một vị phó Giám Đốc chịu trách nhiệm trực tiếp với Giám Đốc.

Ban chấp hành địa phận cũng có một thành phần như ban chấp hành toàn quốc, chỉ khác là được thực hiện trong phạm vi địa phận mà thôi.

bx Công Giáo Tiến Hành tại giáo xứ:

Tại mọi giáo xứ, tổ chức CGTH được đặt dưới quyền điều khiển tổng quát của Cha Chính xứ với tư cách là Giám Đốc CGTH xứ. Ngài có thể chọn một vị phó Giám Đốc phụ tá.

Ban chấp hành CGTH xứ là cơ quan điều khiển giáo dân tham gia CGTH xứ mà thành phần cũng giống như ban chấp hành CGTH địa phận.

C/ Một tổ chức tiêu biểu: sinh viên Công Giáo VN.

1- Thành lập:

Tổ chức Sinh viên Công Giáo VN được manh nha từ năm 1933 tại Bắc Việt với danh hiệu là Nam Thanh Công Giáo. Riêng tại Nam phần, khi Đức Giám Mục Sài Gòn yêu cầu các Linh Mục dòng Đa Minh (chi Lion) thiết lập trung tâm câu lạc bộ Phục Hưng để giúp đỡ các sinh viên Công Giáo thì từ lúc đó được coi là khởi điểm của tổ chức SVCG tại Sài Gòn.

2- Mục đích:

Sinh viên Công Giáo là một tổ chức nằm trong khuôn khổ Công Giáo Tiến Hành nên đã nhằm các mục đích chính yếu sau:

ax Cộng tác với hàng giáo phẩm để thực hiện sứ mạng tông đồ giáo dân trong môi trường đại học và xã hội.

bx Giúp giới sinh viên Công Giáo sống đạo và cải tiến môi trường của mình theo tinh thần phúc âm và chiều hướng canh tân của Giáo Hội qua các hoạt động tông đồ văn hóa, xã hội.

3- Tổ chức:

Về tổ chức, SVCG lúc đầu chỉ có đoàn SVCG Sài Gòn. Sau này, với sự gia tăng của các viện Đại Học, tổ chức sinh viên Công Giáo được nới rộng trên cấp bậc toàn quốc theo hệ thống như sau:

ax Tổ chức Tổng Liên Đoàn SVCG VN:

Tổng Liên Đoàn SVCG VN là tổ chức cao cấp nhất đại diện cho tất cả sinh viên Công Giáo toàn quốc. Hệ thống tổ chức này gồm:

- Đại hội đồng: là cơ quan tối cao của TLĐSVCG.VN gồm những đại diện SVCG các Liên Đoàn. Số đại diện có thể thay đổi tùy theo quyết định của Liên Đoàn địa phương được chỉ định tổ chức đại hội SVCG toàn quốc với sự đồng ý của hội đồng Chủ Tịch sau khi tham khảo ý kiến VPTTK, nhưng không được dưới 10 đại diện cho mỗi thành phần tham dự.
- Hội đồng Chủ Tịch: gồm chủ tịch các liên đoàn sinh viên Công Giáo mỗi địa phương có viện Đại Học.
- Văn Phòng Tổng thư ký: giữ nhiệm vụ điều hành tổng quát hoạt động của SVCG toàn quốc. Thành phần gồm:

- Linh Mục Tổng Tuyên Ủy.
- 1 Tổng Thư Ký.
- 1 đệ I Phó Tổng Thư ký đặc trách nội vụ.
- 1 đệ II Phó Tổng Thư Ký đặc trách ngoại vụ.
- 1 Phụ Tá HC.
- và một số ủy viên.

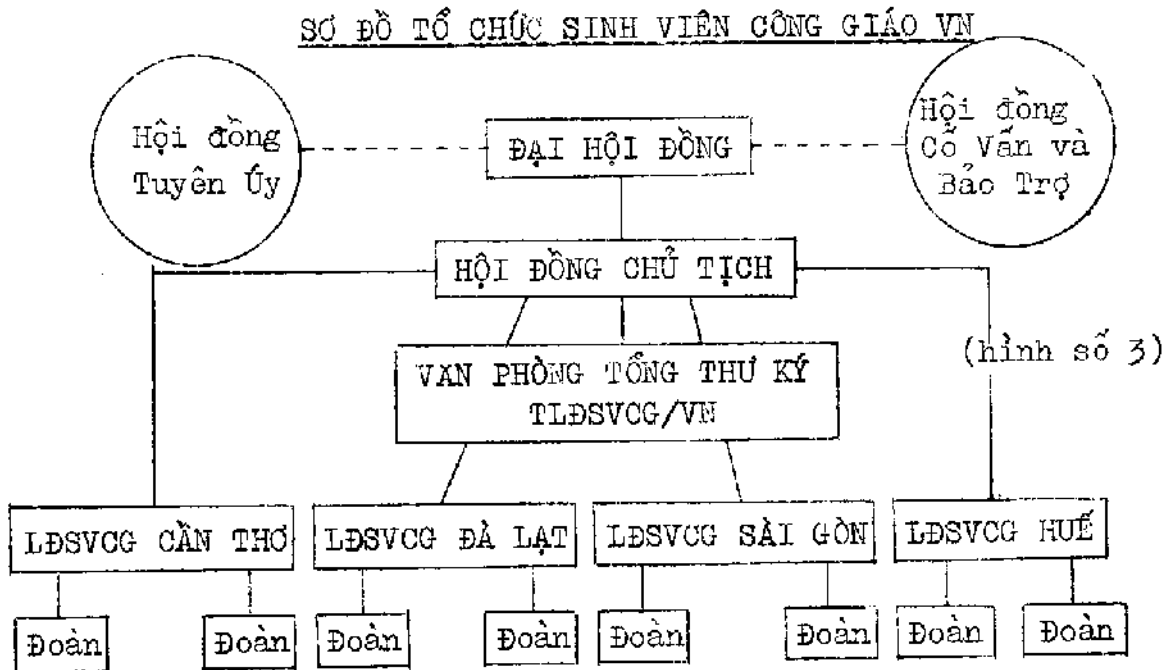
bE Liên đoàn SVCG:

LBSVCG là tổ chức nằm trong hệ thống TLBSVCG.VN. Tổ chức này được thành lập căn cứ theo số sinh viên Đại Học. Hiện nay có 4 LBSVCG cho 4 viện Đại Học: Huế, Sài Gòn, Đà Lạt, Cần Thơ.

Mới đây, với viện đại học Hòa Hảo, LBSVCG Long Xuyên đã thành hình và xin được gia nhập vào hệ thống Tổng Liên Đoàn SVCG.VN.

cE Đoàn SVCG:

Các đoàn SVCG được thành lập căn cứ vào số phân khoa mà mỗi viện đại học có. LBSVCG Sài Gòn hiện nay có 9 đoàn cho các phân khoa: Dược, Y, Hành Chánh, Kiến Trúc, Khoa Học, Luật, Sư Phạm, Văn Khoa và Minh Đức.



II) PHONG TRÀO CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH-

Ngày 6-1-1967, Đức Giáo Hoàng ban bố tị sắc "Catholicam Christi Ecclesiam" (Giáo Hội Công Giáo Chúa Ki Tô) và chính thức cho tổ chức này một cái tên là: Ủy Hội Giáo Hoàng Công Lý và Hòa Bình. Tổ chức này có nhiệm vụ điều hòa sự hiện diện của Giáo Hội trong mọi hoạt động của xã hội ngày nay.

A/ Thành phần.

Có thể nói tất cả mọi giáo dân trong địa phận đều là ủy viên của Phong Trào Công Lý và Hòa Bình. Vì mọi giáo dân đều có bốn phần đem Hội Thánh vào thế giới, bốn phần phải làm thăng tiến phát triển thế giới để đem lại hòa bình và thịnh vượng chung.

B/ Hình thức tổ chức.

Hiện nay Giáo Hội đã không ấn định một hình thức nào cho tổ chức này. Ngay cái tên của nó cũng vậy: có thể gọi là Phong Trào, Tổ Chức hay Ủy Ban Công Lý và Hòa Bình. Tuy nhiên "Công Lý và Hòa Bình" thường được tổ chức dưới hình thức "đoàn ngũ hóa từng giới theo tuổi tác, nghề nghiệp. Thí dụ: phụ nữ, thanh niên, thiếu nhi, công tư chức, bác sĩ v.v...

C/ Sinh hoạt.

Ủy Ban Công Lý và Hòa Bình cũng không ấn định một chương trình hoạt động nào có tính cách định kỳ. Trái lại, tùy theo mỗi hoàn cảnh và mỗi vấn đề, sinh hoạt của tổ chức này có thể thực hiện dưới hình thức của một buổi học tập, huấn luyện, công tác hay thuyết trình.

III) TỔ CHỨC TUYÊN ÚY CÔNG GIÁO QUÂN ĐỘI-

A/ Thành lập.

Ngành Tuyên Úy Công Giáo Quân Đội bắt đầu hoạt động từ tháng 7-1951. Mặc dù chưa có văn kiện nào thành lập, nhưng trong thời gian này đã dựa theo qui chế Tuyên Úy của Pháp.

Năm 1953, Quốc Trưởng Bảo Đại ban hành Sắc lệnh số 51-QP

ngày 08-6-1953 để thành lập "Các đoàn giáo sĩ trong Quân Đội VNCH". Tới năm 1956, với Sắc lệnh số 85/QP ngày 23-6-1956, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã ấn định tổ chức và điều hành đoàn Tuyên Ủy Công Giáo trong quân đội. Với những văn kiện căn bản trên, tổ chức Tuyên Ủy Công Giáo quân đội đã được chính thức thành lập.

B/ Mục đích.

Mục đích của Tuyên Ủy Công Giáo nhằm 3 lãnh vực chính:

- 1- Về phụng vụ: tổ chức các lễ nghi và sinh hoạt tôn giáo.
- 2- Về mục vụ: thực hiện những công tác trong các lãnh vực văn hóa, xã hội nhằm cải tiến đời sống quân nhân và gia đình họ.
- 3- Về giáo huấn: đó là công việc giảng dạy ở Thánh đường hoặc ở đơn vị có mục đích giữ vững đời sống tinh thần và thiêng liêng của quân nhân.

C/ Tổ chức và điều hành.

Hệ thống tổ chức Tuyên Ủy Quân Đội từ trung ương tới địa phương được qui định như sau:

1- Tại trung ương:

Tại trung ương có ban Giám Đốc Nha Tuyên Ủy Công Giáo để điều hành ngành Tuyên Ủy Công Giáo toàn quốc. Nha này gồm có:

a) Giám Mục đặc trách Tuyên Ủy Công Giáo: là đại diện chính thức của hội đồng Giám Mục để liên lạc giữa Giám Mục địa phương với chính quyền trong các hoạt động của ngành Tuyên Ủy CG.

b) Linh Mục Giám Đốc Nha Tuyên Ủy: đại diện Đức Giám Mục đặc trách đảm nhiệm công việc điều khiển của Nha dưới sự giám sát của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị.

c) Linh Mục Phó Giám Đốc.

d) Linh Mục Trưởng Khối Giáo Vụ.

e) Trưởng Khối Hành Chánh.

2- Tại địa phương:

Tại địa phương mỗi Quân Khu, Biệt Khu đều có phòng Tuyên Úy. Ngoài ra cũng có các Phòng và các Ban Tuyên Úy tại mỗi binh chủng, Sư đoàn, Trung đoàn, Tiểu đoàn, quân trường...

3- Các tổ chức phụ thuộc:

a) Hội đồng Tuyên Úy: gồm có các vị trong ban Giám Đốc, các Tuyên Úy Trưởng Quân Khu, Biệt Khu Thủ Đô và các Tuyên Úy Trưởng Quân Chủng.

b) Hội đồng kỷ luật: gồm Đức Giám Mục đặc trách, Linh Mục Giám Đốc, Tuyên Úy Trưởng Quân Khu hay Biệt Khu Thủ Đô hoặc quân chủng của đương sự.

c) Hội đồng cố vấn Tuyên Úy: thành phần gồm các Tuyên Úy Quân Khu, Biệt Khu Thủ Đô, Tuyên Úy quân chủng và một số sĩ quan trong ban đại diện quân nhân Công Giáo trung ương.

d) Ban đại diện quân nhân Công Giáo: tại mỗi đơn vị đều có ban đại diện quân nhân Công Giáo. Thành phần gồm một Trưởng Ban, một Phó Trưởng Ban, một Thư Ký và một Thủ Quỹ.

Về phương diện điều hành, tại Trung Ương có Giám Đốc và Phó Giám Đốc giữ nhiệm vụ giải quyết và hoạch định các hoạt động toàn ngành cũng như các hoạt động thường xuyên tại Nha. Tại địa phương, để điều hòa hoạt động Tuyên Úy trên lãnh thổ hay đơn vị mình, các Tuyên Úy Quân Khu, Quân Chủng, Biệt Khu Thủ Đô phải xúc tiến mật thiết với các tư lệnh liên hệ, Tuyên Úy Giám Đốc và Giáo quyền địa phương (1).

oOo

(1) Phỏng theo nội qui Tuyên Úy Công Giáo QLVNCH.

chương ba

tổ chức cơ sở

///) / ói tới những cơ sở của Giáo Hội Công Giáo, chúng ta phải đề cập tới những động sản và bất động sản hoặc do Giáo Hội tự tạo hoặc do giáo dân dâng cúng. Đó là những tài sản làm phương tiện cho mọi hoạt động của Giáo Hội trong các lãnh vực tôn giáo, xã hội, văn hóa v.v... Nói khác, đó là những cơ sở phụng thờ, cơ sở từ thiện xã hội và các cơ sở văn hóa giáo dục.

Nhìn chung, tất cả các cơ sở trên đây đều có đầy đủ trong mỗi địa phận và tùy thuộc sự quản trị riêng rẽ của địa phận đó. Ngoài ra, cũng có những cơ sở tuy nằm trong phạm vi của một địa phận, nhưng lại không do địa phận chi phối, trái lại nó được đặt dưới sự kiểm soát của ủy ban quản trị riêng biệt, đó là những cơ sở chung của giáo hội. Nói khác, đó là những cơ sở chuyên biệt.

ĐOẠN I

CÁC CƠ SỞ CỦA ĐỊA PHẬN

I) CƠ SỞ PHỤNG THỜ-

Các cơ sở phụng thờ được coi là nơi hành đạo của người Công Giáo. Vì thế, trong các dịp lễ trọng đại và bắt buộc, các cơ sở này được coi là trung tâm qui tụ đông đảo giáo dân nhất. Các cơ sở phụng thờ được thiết lập tùy theo sự phát triển của mỗi địa phận. Thực ra mỗi địa phận đều có một nhà Thờ Chính Tòa

và mang một danh hiệu riêng biệt. Chẳng hạn địa phận Nha Trang với nhà Thờ Chính Tòa Nha Trang và mang danh hiệu là Chúa Giêsu vua. Ngoài ra mỗi giáo xứ cũng có một nhà Thờ để giáo dân hàng ngày tới cầu nguyện. Như vậy, các cơ sở phụng thờ hầu như được thiết lập rải rác khắp nơi trong địa phận. Theo bản thống kê (1) thì tính tới năm 1964 các cơ sở phụng thờ của Giáo Hội Công Giáo VN được biết như sau:

- Các địa phận miền Bắc	3.476 nhà Thờ.
- Các địa phận miền Nam	321 nhà Thờ nhỏ
(gồm giáo tỉnh Huế và Sài Gòn)	<u>1.436 nhà thờ lớn</u>
Cộng:	5.733 nhà Thờ.

II) CƠ SỞ GIÁO DỤC-

Vấn đề giáo dục đã được Giáo Hội Công Giáo chú trọng đặc biệt. Vì học đường Công Giáo được coi như là một thành phần căn bản và là một gia sản thiêng liêng quý báu của Giáo Hội. Vì vậy, ngay từ khi Công Giáo mới du nhập vào VN, các cơ sở giáo dục đã mọc lên nhiều nơi, và ngày nay ai cũng phải công nhận các cơ sở giáo dục của Giáo Hội Công Giáo đã đóng góp rất nhiều vào sự phong phú cho hệ thống giáo dục Quốc Gia.

A/ Hệ thống tổ chức.

Đại hội Giáo Dục Công Giáo toàn quốc vào tháng 11-1971 đã quyết nghị thành lập: "Tổng Hội Giáo Dục Công Giáo VN" với hệ thống tổ chức như sau:

1- Cơ quan chỉ đạo là Hội đồng Giám Mục VN qua một vị Giám Mục đặc trách về giáo dục.

2- Cơ quan điều khiển là hội đồng quản trị trung ương gồm có 3 thành phần:

(1) Việt Nam Công Giáo niên giám, từ sách Sacerdos, Sài Gòn 1964, trang 504-505.

- a) Ban thường vụ: gồm Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch, Tổng Thư Ký và Thủ Quỹ.
- b) Ủy viên đoàn: gồm các Chủ Tịch chi hội (mỗi chi hội có địa hạt là giáo phận).
- c) Chuyên viên đoàn: do ban thường vụ mời chiếu theo nhu cầu.

B/ Cơ sở văn hóa giáo dục.

Tại mỗi địa phận, ngoài cơ sở đào tạo tu sĩ (tiểu chủng viện) còn có rất nhiều trường trung tiểu học nhằm đáp ứng nhu cầu học sinh ngày một gia tăng.

Theo thống kê mới nhất của Giáo Hội Công Giáo (xin xem phụ bản) thì tính tới ngày 31-12-1970, số trường và số học sinh trung tiểu học được ghi nhận như sau:

- 1- Trung học:
 - 246 trường.
 - 189.936 học sinh.
- 2- Tiểu học:
 - 1.015 trường.
 - 397.136 học sinh.

III) CÁC CƠ SỞ TỪ THIỆN XÃ HỘI-

Giáo Hội Công Giáo đã đóng góp rất nhiều trong lãnh vực xã hội với những viện cô nhi to lớn, bệnh viện rộng rãi... Thường thì địa phận nào cũng có các cơ sở từ thiện xã hội. Ngay từ năm 1940-1942, Giáo Hội đã có 58 nhà thương với 3.058 giường bệnh (1) và theo thống kê (2) thì tính tới 1964, các địa phận miền Nam đã có 435 nhà thương và nhà từ thiện. Mới đây, tuần

(1) Phạm đình Khiêm, Hành Động Xã Hội, Hà Nội, An Phong 1950, tr. 197.

(2) VNCG Niên Giám, từ sách Sacerdos Sài Gòn 1964, tr. 504-505.

báo Phát triển ra ngày 6-8-1972 đã cho biết các cơ sở từ thiện, xã hội của Giáo hội Công giáo đã gia tăng rất nhiều. Công giáo VN chỉ chiếm 13% dân số nhưng các hoạt động từ thiện và giáo dục lại chiếm tới 25 hay 30%.

ĐOẠN II

CÁC CƠ SỞ CHUYÊN BIẾT CỦA GIÁO HỘI

I) VIỆN ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT-

Viện Đại học Đà Lạt là một cơ sở giáo dục trực thuộc hàng giáo phẩm VN và được thành lập năm 1958. Hiện nay Đức Giám Mục địa phận Cần Thơ giữ chức Chủ tịch và đặc trách về phương diện học vụ của Viện. Bốn phân khoa chính của Viện Đại học Đà Lạt gồm: Văn Khoa, Sư Phạm, Khoa Học và Chính Trị Kinh Doanh.

Mỗi năm, Viện Đại học chi phí lên tới 42 triệu mà số thu chỉ vào khoảng 3,5 triệu. Như vậy, mỗi năm Hội đồng quản trị phải lo kiếm 38,5 triệu để tài trợ vào số thiếu hụt trên. Được biết, ngoài số trợ cấp của Hội đồng Giám Mục; thương xá Tax là tư hữu tài sản của Viện Đại học Đà Lạt đã đem về những khoản tài chánh quan trọng giúp hội đồng quản trị điều hành được dễ dàng.

II) TRUNG TÂM CÔNG GIÁO VIỆT NAM-

Trung tâm Công Giáo VN được coi là trụ sở của Công Giáo Tiến Hành toàn quốc, do một Giám đốc trung tâm điều khiển. Ngày nay, ngoài ngành Công Giáo Tiến Hành ra, trung tâm còn phải lo tiếp tế những đồ dùng cần thiết cho các địa phận VN như rượu lễ, chuông v.v...

Được biết Trung tâm Công Giáo VN do Giáo hội VN mua vào năm 1957 với sự giúp đỡ của Tòa Thánh (qua Đức Khâm Mạng Caprio).

III) CÁC CƠ SỞ KINH TÀI-

Các cơ sở kinh tài của Giáo Hội Công Giáo đã giữ một vai trò quan trọng trong việc tìm kiếm những nguồn lợi tức để giúp Giáo Hội kiện toàn mọi tổ chức và hoạt động của mình trong các lãnh vực tôn giáo, văn hóa, xã hội.

Thực ra, những cơ sở kinh tài vì có tính cách nội bộ nên được giữ kín và chúng ta không thể biết đích xác bằng những con số thống kê. Tuy nhiên, với những bất động sản như "đất nhà chung" cho dân chúng thuê, những hình thức kinh doanh như mua cổ phần tại các công ty, xí nghiệp, với nhà sách Xuân Thu, bất động sản ở công trường Lam Sơn, Thương Xá Tax, Ngân hàng Đại Nam v.v... đã cho chúng ta biết được phần nào tài sản của Giáo Hội Công Giáo. Những dịch vụ tài chánh do các cơ sở trên đây thực hiện đã mang về cho Giáo Hội một nguồn lợi tức không phải nhỏ và đã đóng góp vào việc phát triển Giáo Hội ngày thêm rộng lớn. ✓



PHẦN HAI

nhận định tổng quát
về cơ cấu tổ chức
giáo hội công giáo V.N.

Trong phần thứ nhất, chúng tôi đã trình bày và phân tích cơ cấu tổ chức của Giáo Hội từ Trung Ương tới Địa phương qua các lãnh vực Hành chánh, Nhân sự và Cơ sở của Giáo Hội. Chỉ với ba lãnh vực này, chắc hẳn chúng ta đã có một khái niệm tổng quát về "Tổ chức của GHCG tại VN" như thế nào. Tuy vậy, trong phần thứ hai này thiết tưởng chúng ta nên có một nhận xét tổng quát về cơ cấu đó. Một vấn đề cần xác định lại: vì nghiên cứu về cơ cấu tổ chức nên triết lý cao siêu của đạo Công Giáo cũng không được đề cập tới trong phần này. Như vậy, sự nhận định chỉ căn cứ trên khía cạnh tổ chức trong các lãnh vực: Hành chánh, Nhân sự và Cơ sở của Giáo Hội mà thôi.

Thực ra, nhận định về tổ chức của bất cứ đoàn thể nào đã là điều khó khăn. Bởi vì nó đòi hỏi ở người nghiên cứu một cái nhìn sắc bén, khách quan và vô tư. Ở đây về tổ chức của Giáo Hội CGVN, một tổ chức được coi là "to lớn" và được tiếng là "chặt chẽ", thống nhất từ trung ương tới địa phương thì sự nhận định lại càng khó khăn hơn nữa. Do đó, thiết tưởng trong một vài khía cạnh nào đó, tổ chức của Giáo Hội Phật giáo VN Thống Nhất và tổ chức của chính quyền cũng có thể được đề cập tới để so sánh, hầu giúp cho phần nhận định được khách quan và phong phú hơn.



Chương một

nhận xét về cơ cấu hành chánh

Trong bất cứ một tổ chức nào, dù của chính quyền, đảng phái chính trị hay tôn giáo, xét về phương diện Hành chánh, người ta thường đề cập tới cơ cấu Hành chánh tại Trung ương và cơ cấu Hành chánh tại địa phương. Một sự liên kết và điều hòa giữa hai cơ cấu này chứng tỏ được sự qui mô và khoa học của tổ chức.

ĐOẠN I

HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM

Cơ cấu tổ chức Hành chánh của GHCGVN có một sự khác biệt với cơ cấu Hành chánh của Giáo Hội Phật Giáo VN Thống Nhất và khác biệt ngay cả với tổ chức Hành chánh của chính quyền, đó là tính cách thế giới của Giáo Hội Công Giáo.

Thực vậy, chẳng hạn cơ cấu Hành chánh của Giáo Hội Phật Giáo VN Thống Nhất thì tại trung ương có Viện Tăng Thống là cơ quan lãnh đạo tối cao của Giáo Hội Phật Giáo và "Viện Hóa Đạo" là cơ quan chấp hành để điều hành mọi ngành hoạt động của Giáo hội. Tại địa phương, tổ chức của GHPG gồm những Miền, Tỉnh, Quận Phật Giáo và chịu sự điều khiển trực tiếp của Giáo Hội Trung Ương. Trái lại, nói tới cơ quan tối cao của GHCG là phải nói tới Tòa Thánh La Mã, mà đứng đầu là Đức Giáo Hoàng có quyền cai trị toàn thế GHCG.

Tuy nhiên, trong phạm vi tổ chức của GHCG tại VN, Hội Đồng Giám Mục VN được tòa thánh chấp nhận ngày 24 tháng 2 năm

1967 đã được coi là cơ quan trung ương của GHCGVN. Mục đích của Hội Đồng Giám Mục theo tinh thần Công đồng Vatican II là để một mặt các vị Giám Mục có dịp phối hợp hoạt động của mình chặt chẽ hơn với các Giám Mục khác; một mặt là để các vị Giám Mục qui định những điều kiện hình thức và phương pháp làm Tông đồ thích hợp với hoàn cảnh từng địa phương. Như vậy trong một số vấn đề, Giáo Hội Công Giáo đã được tự trị và không lệ thuộc trực tiếp Tòa Thánh La Mã như trước đây. Xem thể tổ chức GHCG VN là một chế độ đặc biệt: vừa có tính cách trung ương tập quyền, vừa có tính cách địa phương phân quyền.

- Thực vậy, trong các vấn đề liên quan đến Tín lý hoặc nghĩa vụ của các giám mục đã được qui định trong bộ Giáo luật thì phải đặt dưới sự kiểm soát của Tòa Thánh La Mã một cách trực tiếp, tức là đã theo chế độ trung ương tập quyền.

- Riêng đối với những vấn đề liên quan tới mục vụ hoặc phụng vụ nghĩa là những phương thức mang lại lợi ích cho Giáo Hội, hoặc những hình thức lễ nghi của Giáo Hội cho phù hợp với mỗi địa phương thì hội đồng Giám Mục có toàn quyền quyết định. Tóm lại đây là chế độ địa phương phân quyền rồi vậy. Với vai trò quan trọng của HDGM, chúng ta cần phải nhận định về cách tổ chức cũng như phương pháp làm việc của cơ cấu này.

A/ VỀ PHƯƠNG DIỆN TỔ CHỨC CỦA HDGM-

HDGMVN được chính thức thành lập vào tháng 2 năm 67, nhưng tổ chức mục vụ của Giáo Hội với các ủy ban Giám Mục do các miền đảm trách chỉ mới được thành hình vào tháng 2 năm 1971 và hoàn tất vào tháng 5 cùng năm. Điều này chứng tỏ GHCG đang trên con đường cải tổ toàn diện. Một mặt nhằm tìm một hướng đi mới theo tinh thần của Công đồng Vatican II, mặt khác nhằm thực hiện những quyết nghị của Hội nghị Giám Mục Á Châu (1) để thích ứng

(1) Đại hội Giám Mục Á châu họp tại Manila từ 23 đến 29-11-1970 với sự tham dự của 8 Hồng Y, 139 Tổng Giám Mục và Giám Mục. Đề tài của Đại hội: 'Sự đóng góp của Giáo Hội vào công cuộc phát triển các dân tộc Á châu'.

việc hoạt động với những điều kiện hiện thời của VN.

Thực ra với cách chia miền như vậy, ở Pháp cũng đã áp dụng từ lâu với nhiều miền mục vụ: Centre Est, Est, Paris, Midi v.v.. Nhưng khác một điểm là mỗi miền Mục Vụ ở VN đều có một Giám Mục Địa Phương phụ trách miền; đặc trách một ủy ban và chịu trách nhiệm trước HĐGM.

1) Trên nguyên tắc HĐGM đã cố gắng cho tạo một sự liên đới giữa hàng giáo phẩm, giáo sĩ và giáo dân tại VN:

- Liên đới giữa các Giám Mục: nhìn vào thành phần của các ủy ban Giám Mục (Đoạn I, chương I) chúng ta thấy với cơ cấu Mục Vụ mới sẽ tạo cơ hội cho các Giám Mục thuộc miền khác nhau năng gặp nhau hơn. Thực vậy mỗi ủy ban sẽ do một Giám Mục của một miền nào đó phụ trách, công việc đòi hỏi sự hiện diện của các Giám Mục ủy viên tại các miền khác; như vậy có thể nói mỗi lần họp một ủy ban Giám Mục nào đó cấp toàn quốc là phải có sự hiện diện của hầu hết các Giám Mục trong HĐGM VN.

- Liên đới giữa giám mục và Linh Mục: nhìn vào biên bản các cuộc họp của các ủy ban Giám Mục cấp toàn quốc trong tháng 3 và tháng 4 năm 1971, chúng ta thấy ủy ban nào cũng có sự cộng tác của một số khá đông Linh Mục. Vì mỗi ủy ban Giám Mục được chia thành nhiều tiểu ban, nhiều ngành, mà đứng đầu những tiểu ban đó, hoặc với chức vụ Giám Đốc (như ủy ban truyền thông xã hội) hoặc với chức vụ Tổng Thư Ký, Chủ tịch v.v... đều giao cho các linh mục nhận lãnh.

- Liên đới giữa Giáo Phẩm và Giáo Dân: trong các ủy ban của HĐGM VN, Giáo Dân cũng có một chỗ đứng khá quan trọng. Chẳng hạn trong ủy ban phụng vụ và Truyền Thông Xã Hội, Thư Ký đoàn của các tiểu ban trong ủy ban Giám Mục đặc trách đều do giáo dân đảm trách.

2) Trên thực tế sự liên đới này hoàn toàn có tính cách cá nhân, vì Linh Mục, giáo dân tham gia vào các Ủy Ban Giám Mục chỉ có nhiệm vụ thừa hành hoặc có tính cách chuyên môn mà thôi. Do đó, hình thức thì có sự liên đới, tượng trưng cho sự kết hợp giữa các thành phần trong Giáo Hội. Nhưng thực tế, những sự

tùy thuộc phần lớn vào phương pháp làm việc của tổ chức. Việc phân nhiệm giữa các Ủy Ban Giám Mục do các Miền đảm trách đã nói lên phương pháp làm việc của HĐGM.

Với phương thức giám mục đặc trách của mỗi miền đề ra chương trình, các Giám Mục cùng Miền nghiên cứu, soạn thảo và các Giám Mục ủy viên của các Miền còn lại sẽ góp ý kiến rồi cùng quyết định đã chứng tỏ được một hình thức hợp tác trên cấp bậc toàn quốc của các Giám Mục, trong mọi dự án, chương trình liên quan tới mục vụ của Giáo Hội. Tinh thần liên đới trách nhiệm này được chứng tỏ qua hoạt động của các Ủy Ban Giám Mục. Chẳng hạn trong hoạt động của Ủy Ban Giám Mục đặc trách về văn hóa, ủy ban đã quyết định với sự đồng ý của tất cả các Giám Mục ủy viên là mỗi năm các học sinh trung tiểu học của các trường trong các địa phận toàn quốc phải đóng góp 10\$. Số thu sẽ được chia ra như sau:

30% dành cho Ủy Ban Giám Mục địa phận
70% gửi về Hội Đồng trung ương.

Hoặc đối với hoạt động của ủy ban Truyền Bá Phúc Âm, ủy ban đã quyết định mỗi giáo dân đóng mỗi năm là 5\$. Số thu được sẽ xung vào quỹ truyền giáo địa phận 50% và xung vào quỹ truyền giáo trung ương của HĐGM VN 50%.

Những quyết định trên sẽ được áp dụng tại tất cả các địa phận, và ích lợi do sự cộng tác của tất cả các ủy ban Giám Mục qua sự phổ biến tới từng địa phận đem lại không phải nhỏ.

Thực ra, trước khi có những Ủy Ban Giám Mục do các miền phụ trách, tất cả những quyết định của HĐGM đều được các địa phận thi hành nghiêm chỉnh. Như vậy, phương thức làm việc trên đã đem lại một số lợi ích cho Giáo Hội qua sự gặp gỡ thường xuyên giữa các giám mục, qua sự đồng tâm nhất trí trong mọi hành động; nhưng đồng thời cũng đem lại một số trở ngại cho sáng kiến hành động và cho việc điều hành quản trị.

1) Tổ chức mục vụ của Giáo Hội VN tuy chỉ thu gọn trong

4 ủy ban (trung ương có 4 ủy ban giám mục, tương tự như vậy ở địa phương cũng có 4 ủy ban địa phận) nhưng thực ra mỗi ủy ban lại được chia thành nhiều ngành nhiều tiểu ban và được giao cho từng địa phận đảm trách. Chẳng hạn trong ủy ban truyền bá phúc âm của HĐGM, ngoài Giám Mục đặc trách là đức cha Trần Văn Thiện còn có hai đức cha của hai địa phận cùng miền đặc trách 2 ngành công giáo tiến hành và liên hiệp giáo hoàng truyền giáo. Mỗi địa phận phải có nhiệm vụ điều hành và hướng dẫn các hội đoàn trực thuộc ngành của mình trong phạm vi toàn quốc. Đó là chưa kể nhiệm vụ nặng nề của Giám Mục coi sóc địa phận và phải điều khiển tổng quát 4 ủy ban địa phận (Ủy Ban Phát Triển Địa Phận, Ủy Ban Giáo Dục Địa Phận v.v...). Với sự đa đoan công việc như vậy, khiến vai trò ủy viên của các Giám Mục các miền sẽ trở thành thụ động. Những sáng kiến hành động, những chương trình được đề ra chỉ đóng khung vào những vị Giám Mục đặc trách mà thôi.

2) Về phương diện hành chánh, với cơ cấu mới của HĐGM, mọi hoạt động của Giáo Hội giờ đây trở nên khó khăn hơn với một thủ tục hành chánh rắc rối và nặng nề hơn. Để hiểu rõ, chúng ta có thể ví các ủy ban của HĐGM như các bộ của chính phủ, và các ủy ban của địa phận như các ty sở tại địa phương. Nhưng về cách quản trị và điều hành, lại có một sự khác biệt rõ rệt:

- Đối với cơ cấu của chính phủ, tất cả các bộ đều được đặt tại trung ương và các ty sở liên hệ đều nằm tại các tỉnh. Chẳng hạn, tại trung ương có bộ Xã Hội, bộ Chiêu Hồi v.v... thì tại các tỉnh cũng có ty xã hội, ty chiêu hồi v.v... Tất cả các ty này đều đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của bộ liên hệ và chỉ chịu sự kiểm soát gián tiếp của tỉnh.

- Trái lại đối với cơ cấu của HĐGM, bốn ủy ban Giám Mục (Ủy Ban Phát Triển, Ủy Ban Giáo Dục v.v...) lại phân tán trên bốn miền mục vụ, và các ủy ban địa phận (Ủy Ban Phát Triển, Ủy Ban Giáo Dục v.v...) tại các địa phận lại đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của Giám Mục bản quyền, đồng thời cũng phải liên lạc thường xuyên với các ủy ban Giám Mục liên hệ trên 4 miền mục vụ. Mặc dầu mỗi ủy ban giám mục đều có văn phòng trung ương nhưng thủ hỏi với các linh mục và giáo dân đảm trách, liệu có đủ thẩm quyền để giải quyết những vấn đề khó khăn hay chỉ là nơi

thừa hành những chỉ thị của Ủy Ban Giám Mục. Đây là một trở ngại không nhỏ trong lãnh vực hoạt động và thiếu hợp lý hóa trong lãnh vực Hành chánh.

Tóm lại, với sự phân nhiệm cho các Miền, và phương pháp làm việc như trên, vì mới áp dụng được hơn một năm nên hiệu quả chưa được tổng kết rõ ràng. Tuy nhiên, nếu xét về cơ cấu thì có lẽ HEGM đã quá thiên về hình thức. Tính cách hình thức càng được chứng tỏ hơn nữa khi Ủy ban Phát triển (do các địa phận Miền Trung duyên hải đặc trách) có tiếng nói chính thức là tuần báo Phát Triển (đặt tại Saigon) đã phải xác định: "Những ý kiến phát biểu trong các bài đăng trên tờ báo này (báo Phát Triển) không nhất thiết phản ảnh tư tưởng của Ủy Ban Phát Triển thuộc HEGMVN mà có thể chỉ là đề nghị và sáng kiến của một tư nhân nào đó" (1).

Vì cơ cấu tổ chức Mục vụ của HEGMVN đang trong thời kỳ thí nghiệm, nên những nhận xét trên đây nếu có thể đóng góp một phần nhỏ vào công cuộc canh tân, thì đó cũng là ước vọng của người nghiên cứu vậy.

ĐOẠN II

CƠ CẤU ĐỊA PHƯƠNG

I) GIÁO TỈNH-

Nếu so sánh với cơ cấu tổ chức của Giáo Hội Phật Giáo VN Thống Nhất, hoặc với cơ cấu của chính quyền, thì chúng ta có thể nói Giáo Tỉnh cũng tương tự như Miền của Giáo Hội Phật Giáo và như Quân khu của chính quyền. Nói khác đi, Giáo Tỉnh (của Công Giáo), Miền (của Phật Giáo) hoặc Quân khu (của chính quyền) là những tổ chức địa phương ở một hệ cấp cao nhất bao

(1) Biên bản Ủy ban Phát Triển HEGMVN họp cấp toàn quốc ngày 12-3-1971 tại Trung Tâm Công Giáo Saigon.

gồm nhiều tỉnh của chính quyền. Tuy ở một hệ cấp cao như vậy, nhưng vị Tổng Giám Mục đứng đầu Giáo tỉnh vẫn không có quyền can thiệp trực tiếp vào mọi hoạt động của các địa phận. Vị Tổng Giám Mục chỉ có nhiệm vụ điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các địa phận thuộc hạt, hoặc theo dõi và xem xét các địa phận có theo đúng đường lối của Giáo Hội hay không rồi lập phúc trình về Tòa Thánh. Có lẽ vì vai trò không mấy quan trọng đó mà tổ chức của Tòa Tổng Giám Mục đứng trong Giáo Tỉnh cũng không khác gì tổ chức của một địa phận.

Tuy vậy, nhìn vào tổ chức của Giáo Tỉnh được Tòa Thánh La Mã ấn định từ năm 1960 với tổ chức Mục vụ mới của HEGMVN (1970) cho thấy sự thiếu hợp lý trong việc phân định ranh giới của Giáo tỉnh và miền Mục vụ, đồng thời gây nhiều trở ngại trong lãnh vực Hành chánh (xin xem hình vẽ số 4).

Thực vậy, nhìn vào Giáo tỉnh Huế do Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Kim Điền lãnh đạo gồm sáu địa phận (hình số 4) trong khi theo tổ chức Mục vụ mới thì Ủy ban Giám Mục đặc trách Phát triển (miền Trung duyên hải) cũng Đức Tổng Giám Mục Điền đảm trách chỉ gồm bốn địa phận (hình vẽ số 4). Như vậy 2 địa phận còn lại của Giáo tỉnh Huế là Kontum và Ban mê Thuột giờ đây lại trực thuộc một hệ cấp khác trong Ủy ban Giám Mục đặc trách Văn Hóa, tức miền Trung cao nguyên do Đức Cha Nguyễn Văn Hiến đặc trách. Tóm lại, địa phận Kontum và địa phận Ban mê Thuột một lúc chịu sự chi phối dưới hai hệ thống khác nhau, trong khi các địa phận Huế, Qui Nhơn, Nha Trang, Đà Nẵng chỉ chịu một sự chi phối duy nhất là Giáo tỉnh Huế và miền Trung duyên hải cùng do Đức Cha Điền đặc trách.

Thiết tưởng, với thẩm quyền của HEGM, nên cứu xét lại vấn đề ranh giới của Giáo tỉnh hay vấn đề thành lập miền Mục vụ cho tiện việc điều hành trong mọi hoạt động rồi đệ đạt ý kiến lên Tòa Thánh La Mã:

- Hoặc giữ nguyên Giáo tỉnh với một cấp bậc cao nhất tại địa phương thì những miền Mục vụ nên giới hạn nhất định trong

phạm vi Giáo tỉnh đó.

- Hoặc giữ nguyên miền Mục vụ, thì ranh giới của Giáo tỉnh cũng cần sửa đổi lại cho thích hợp với các miền Mục vụ.

Vấn biết Giáo tỉnh với vai trò của vị Tổng Giám Mục có quyền theo dõi hoạt động của các địa phận trong phạm vi tín lý và Giáo miền có mục đích phối hợp hoạt động Mục vụ của Giáo hội. Nhưng thực tế cho thấy mọi hoạt động tôn giáo đều nằm trong tổ chức Mục vụ và vấn đề tín lý cũng được gắn liền với những hoạt động này. Với phẩm trật Tổng Giám Mục sẵn có trong Giáo tỉnh và với sự phục tòng của phẩm trật dưới, sự điều hành tổng quát của vị Tổng Giám Mục sẽ đem lại hiệu quả hơn trong mọi hoạt động.

II) ĐỊA PHẬN-

Mặc dù là cơ cấu địa phương, địa phận được coi là một tổ chức hoàn bị nhất và có nhiều quyền hành nhất về phương diện Hành chánh, nhân sự và cơ sở. Ở đây, chúng tôi chỉ nhận định về cơ cấu Hành chánh của địa phận còn "nhân sự" và "cơ sở" sẽ được nhận định ở những chương kế tiếp.

Nếu so sánh với tổ chức địa phương của Giáo Hội Phật Giáo thì Địa phận tương đương với Tỉnh Phật giáo. Tuy nhiên, Địa phận có phạm vi hoạt động rộng lớn hơn vì bao gồm nhiều Tỉnh của chính quyền. Còn Tỉnh Phật Giáo hoàn toàn dựa theo tổ chức Hành chánh của chính quyền.

Ngoài ra, còn một điểm khác biệt nữa là nếu dựa vào nguồn gốc pháp lý của việc thành lập địa phận thì chỉ khi nào có Giám Mục thì các Địa phận mới có lý do để thành lập. Đây là điểm khác biệt hẳn với cơ cấu tổ chức của chính quyền: các Tỉnh được thiết lập trước và chính phủ sẽ bổ nhiệm Tỉnh Trưởng sau. Thực ra, nếu xét kỹ thì việc tuyển chọn Giám Mục cũng tùy thuộc phần lớn vào nhu cầu truyền giáo và điều khiển Giáo Hội: công cuộc truyền giáo càng mở rộng thì các Giám Mục cũng được Tòa Thánh tuyển chọn thêm và do đó số các Địa phận cũng được tăng theo.

Về cơ cấu tổ chức của Địa phận, việc thiết lập những cơ cấu mới (sau Công đồng Vatican II) bên cạnh những cơ cấu cũ (trước Công đồng) hiện vẫn còn tồn tại là một công việc khó khăn cho việc cải tổ, nó đòi hỏi một tinh thần can đảm cao độ và một sự sắp xếp khéo léo của Giáo quyền.

A/ Trước Công đồng Vatican II.

Cơ cấu tổ chức của Địa phận có tính cách quân chủ. Đức Giám Mục bản quyền có toàn quyền quyết định trong việc cai trị Địa phận cũng như việc tuyển chọn nhân viên của các Hội đồng.

B Với Giáo Phủ Địa phận: các nhân viên do Giám Mục chọn có nhiệm vụ giúp đỡ Giám Mục trong việc điều khiển Địa phận. Nhìn vào thành phần của Giáo Phủ Địa phận, chúng ta thấy có rất nhiều nhân viên với nhiều chức vụ khác nhau. Tuy nhiên những nhân viên này là những Linh Mục đã có nhiệm vụ điều khiển trong các Giáo xứ, các Hội đoàn v.v... nên không làm việc thường trực cũng như không có văn phòng tại Tòa Giám Mục. Điều này đã được chứng tỏ qua lời phản nản của một tác giả trong tài liệu mới đây của Học Hội Nghiên Cứu Thần Học và Mục Vụ: "trong tổ chức Hành chánh phần đời, một đơn vị nhỏ như Xã, Quận đều có đủ mọi cơ cấu, văn phòng; trong khi Địa phận tương đương bằng cả 3, 4 tỉnh lại không có một văn phòng cho đảng hoàng" (1). Câu nói trên đây đã cho biết phần nào thực trạng guồng máy Hành chánh các Địa phận của Giáo Hội VN.

C Với Hội Đồng Địa phận: thành phần gồm những chức vị quan trọng trong Địa phận mới được tham dự như các Linh Mục quản hạt, Giám Đốc Đại Chung Viện v.v... Mục đích của Hội Đồng Địa Phận là để bàn về những vấn đề liên quan tới việc cai quản Địa phận. Tuy vậy, với thời gian 10 năm mới họp một lần, đó là chưa kể quyền tối cao để triệu tập hay không là do sự quyết định của Đức Giám Mục bản quyền. Điều này cho thấy vai trò của các Linh Mục, tu sĩ và giáo dân ít được chú trọng để góp ý kiến với Giám Mục trong việc quản trị Địa phận.

(1) Nguyệt san Sacerdos số 119, trang 681.

B/ Sau Công Đồng Vatican II.

Cơ cấu tổ chức của Địa phận được phác họa trên một chiều hướng mới mẻ hoàn toàn: chiều hướng dân chủ hóa các cơ cấu của Giáo Hội.

☐ Với Hội đồng Linh Mục: thành phần gồm những Linh Mục có tính cách đại diện cho tất cả các Linh Mục trong địa phận, nghĩa là ở một mức độ tiêu biểu có thể có được, thành phần này phải gồm: các Cha Sở, Cha Phó, Cha Tuyên Úy, và các thế hệ Linh Mục v.v... Với tính cách tư vấn cho Giám Mục, Hội đồng Linh Mục được coi như Thượng Viện (Senatus) của Giám Mục để thảo luận tất cả các vấn đề (trừ vấn đề chỉ định các chức vụ) liên quan đến việc quản trị Địa phận. Đây là một cơ cấu quan trọng mà Tòa Thánh đã phổ biến bằng văn thư "bắt buộc thành lập Hội đồng Linh Mục". Tính cách tư vấn này phải được thể hiện đúng mức, nghĩa là Hội đồng Linh Mục bó buộc phải cố vấn cho Giám Mục, và Giám Mục cũng phải bó buộc lưu ý đến những cố vấn ấy. Đây là một sự chuyển hướng vĩ đại ngược hẳn với truyền thống trước đây của Giáo Hội Công Giáo. Thực vậy, nhờ có cơ cấu mới này, các Linh Mục có dịp tiếp xúc với nhau thường xuyên để trao đổi kinh nghiệm cũng như sáng kiến để quản trị Giáo Hội cho thích nghi với hoàn cảnh hiện tại. Các Linh Mục cũng có cơ hội đối thoại với Giám Mục ở một vị thế cao hơn: vị thế của những người tư vấn.

Hiện nay, chỉ có một số Địa phận tại VN áp dụng cơ cấu mới này. Các địa phận Nha Trang, Xuân Lộc và Cần Thơ đã thành lập Hội Đồng Linh Mục và hoạt động của cơ cấu này đã mang lại nhiều hiệu quả tốt đẹp. Riêng Địa phận Saigon, mặc dù Hội Đồng Linh Mục cũng đã được thiết lập nhưng chưa thực sự hoạt động, vì Đức Giám Mục vẫn còn giữ Hội Đồng Tư Vấn. Một cơ cấu có từ lâu theo Giáo luật mà thành phần chỉ gồm rất ít Linh Mục (không đại diện cho các Linh Mục) do Giám Mục chọn với vai trò tư vấn thật hạn chế. Tóm lại, việc thiết lập Hội Đồng Linh Mục hoàn toàn tùy thuộc ở vị Giám Mục bản quyền. Nếu vai trò tư vấn được thể hiện đúng nghĩa theo tinh thần của Công Đồng Vatican II thì Hội Đồng Linh Mục đem lại lợi ích không nhỏ vào việc quản

trị Địa phận.

¶ Với hội đồng Mục Vụ: Giáo Hội đã chú tâm đặc biệt tới những hoạt động nhằm phục vụ con người để đem lại lợi ích cho Giáo Hội qua nhiều lãnh vực tôn giáo (dạy Giáo lý, giữ các ngày lễ) xã hội, giáo dục v.v... Đây là một nỗ lực được thể hiện sau Công Đồng Vatican II và đã làm cho thế giới chú ý hơn cả qua văn kiện Hiến chế Mục Vụ về "Giáo Hội trong thế giới hôm nay". Có lẽ vì tầm mức quan trọng đó mà Hội Đồng Mục Vụ tại Địa phận đã bao gồm một thành phần rộng lớn gồm Linh Mục, tu sĩ và giáo dân. Hội Đồng Mục Vụ có quyền thảo luận và quyết định những vấn đề Mục Vụ cho thích hợp với đời sống của từng địa phương. Mặc dầu những quyết định này phải được Giám Mục chấp thuận, nhưng với cách sinh hoạt của Hội Đồng đã chứng tỏ được tính cách dân chủ của cơ cấu. Với Hội Đồng Mục Vụ, giữa Giám Mục, Linh Mục và Giáo dân đã có sự đối thoại và hợp tác với nhau nhằm mưu lợi ích chung cho Địa phận. Điều này đã chẳng bao giờ có trước Công Đồng Vatican II.

Tóm lại, trước Công Đồng Vatican II, cơ cấu tổ chức của Địa phận có tính cách Quân chủ với quyền quyết định đơn phương của Giám Mục trong mọi vấn đề. Sau Công Đồng Vatican II, tinh thần dân chủ hóa của tổ chức đã được thể hiện trong những cơ cấu mới của Địa phận. Tuy vậy, những cơ cấu mới này chưa được thiết lập đồng loạt tại các địa phận, một phần vì mỗi địa phận ở trong một hoàn cảnh khác nhau nên việc tổ chức không thể tiến hành cùng tốc độ; phần khác, theo chỉ thị của Tòa Thánh thì những cơ cấu cũ vẫn còn được tồn tại và có hiệu lực cho tới khi thành lập những cơ cấu mới.

III) GIÁO HẠT-

Giáo Hạt cũng tương tự như Quận Hành chánh của chính quyền, nghĩa là Quận chỉ giữ vai trò trung gian giữa Xã và Tỉnh cũng như Giáo hạt chỉ giữ vai trò trung gian giữa Giáo Xứ và Giáo phận. Mặc dù theo Giáo luật, nhiệm vụ và quyền hạn của vị Hạt trưởng đối với Giáo xứ khá nhiều: như đại diện Giám

Mục coi sóc các Giáo xứ trong Hạt về kỷ luật của hàng giáo sĩ, báo cáo tình hình trong Hạt về phần thiêng liêng cũng như vật chất của các Giáo xứ v.v... Nhưng thực tế thì vị Hạt trưởng cũng chỉ là Linh Mục và cũng coi sóc một Giáo xứ. Chính vì sự tương quan tế nhị giữa các Linh Mục và giữa các Giáo xứ mà vai trò của Linh Mục quản hạt kém quan trọng. Nhất là về sổ sách tài chánh liên hệ tới Thánh đường, nhà Xứ, trường học v.v... thì vai trò kiểm soát của Hạt trưởng dường như vô hiệu.

IV) GIÁO XỨ (HỌ ĐẠO)-

Giáo xứ có thể được coi như tế bào của Địa phận. Tuy là một tổ chức hạ tầng nhỏ bé, nhưng Giáo xứ tiêu biểu cho tính cách chặt chẽ nhất của Giáo Hội. Vì trong đó, Linh Mục Chính Xứ, Hội đồng giáo xứ cùng toàn thể giáo dân hợp tác với nhau để áp dụng và thi hành mọi vấn đề của Giáo Hội. Về phương diện hành chánh, Giáo xứ tương tự như Xã của chính quyền, nhưng trên phương diện địa dư thì Giáo xứ không căn cứ theo ranh giới của Xã. Vì ranh giới của Giáo xứ thường được căn cứ trên sự liên hệ gia đình hoặc những người địa phương cùng sống với nhau nên một Giáo xứ có thể gồm nhiều Xã và ngược lại một Xã có thể gồm nhiều Giáo xứ. Đây là loại Giáo xứ nhất đẳng (type primaire) có tính cách khép kín và đóng khung trong một địa dư nhất định. Sau Công Đồng Vatican II, Giáo Hội muốn Giáo xứ phải được mở rộng, nghĩa là căn cứ trên yếu tố xã hội học theo tiêu chuẩn công vụ (fonctionnel) hay nhân sự (personnel) và được hình thành theo nhu yếu của cuộc sống. Nói khác, Giáo xứ sau này phải thuộc loại nhị đẳng (type secondaire) nghĩa là không lớn quá và cũng không nhỏ quá như hiện nay (Giáo xứ ở thành thị với hai hoặc ba chục ngàn giáo dân và ở miền quê chỉ có hai hoặc ba ngàn giáo dân).

Về quan niệm Giáo xứ, ngày nay đã thay đổi nhiều: Giáo xứ không phải do Linh Mục chính xứ độc quyền quản trị như trước kia mà Giáo xứ là của chung mọi người gồm Linh Mục chính xứ, Hội đồng Giáo xứ và Giáo dân. Qua Hội đồng Giáo xứ, giáo dân đã giữ vai trò quan trọng trong việc điều hành mọi tổ chức và

mọi sinh hoạt trong họ đạo. Dầu vậy, Linh mục chính xứ vẫn là then chốt trong Giáo xứ.

A/ Với Linh mục chính xứ:

Là người được Giám Mục bổ nhiệm và chịu trách nhiệm trực tiếp trước vị này về Giáo xứ của mình. Như chúng ta đã biết, Giáo xứ là một đơn vị nòng cốt nhất của Giáo hội và cũng là nơi áp dụng, thi hành mọi chỉ thị của Giáo hội. Để chu toàn nhiệm vụ này, Linh mục chính xứ phải hội đủ những đức tính cần thiết của một vị thủ lãnh như khả năng lãnh đạo, đời sống đạo đức v.v... Do đó vấn đề bổ nhiệm Linh mục chính xứ thật quan trọng (xin xem phần Nhận định về tổ chức nhân sự).

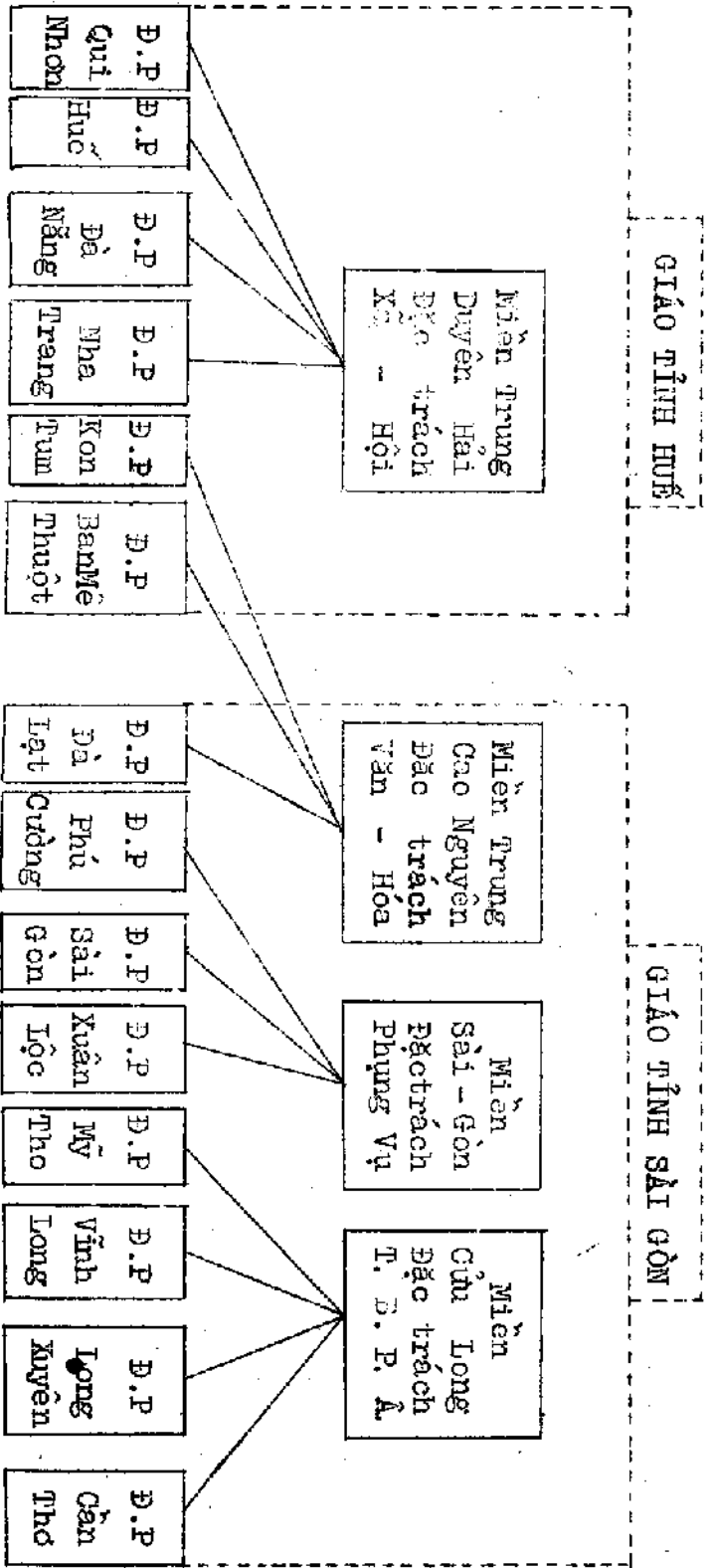
B/ Với Hội Đồng Giáo Xứ:

Thành phần Giáo dân trực tiếp tham dự vào việc điều hành Giáo xứ được mở rộng hơn. Thực vậy, nhìn vào tổ chức của Hội đồng này, chúng ta thấy Hội đồng Giáo xứ đã qui tụ tất cả các thành phần quan trọng: từ ban chấp hành khu xóm, các ban quản trị đoàn thể cho tới ban Cố Vấn gồm các kỳ lão đã có nhiều kinh nghiệm hoạt động. Đặc biệt là ban Thường vụ, đại diện cho Hội đồng Giáo xứ là những người được bầu lên trong số những thành phần trên đây (Ban chấp hành khu xóm v.v...). Như vậy, những viên chức trong ban Thường Vụ được tuyển chọn qua 2 lần bầu cử. Hình thức này rất mới mẻ và chỉ có sau Công đồng Vatican II.

Trước kia, với Hội đồng hàng xứ, là những viên chức chỉ được tuyển chọn qua một vòng bầu cử và chỉ biết thi hành lệnh của Linh mục chính xứ mà thôi. Ngày nay, theo chiều hướng dân chủ hóa mọi cơ cấu Hội đồng Giáo xứ có quyền thảo luận và quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc quản trị và điều hành trong xứ. Ngay cả những vấn đề liên quan đến tài chánh (bất động sản và động sản của Giáo xứ, học phí của học sinh, tiền thâu các ngày lễ v.v...) Hội đồng Giáo xứ cũng có quyền kiểm soát và quản trị. Ngược lại, trách nhiệm của Linh mục chính xứ cũng được giảm bớt vì tất cả các quyết định đều không có tính

cách đơn phương và độc đoán. Như vậy, quyền hạn của Hội Đồng Giáo xứ rất lớn. Với tính cách tư vấn cho Linh mục chính xứ, mọi quyết định do Hội đồng Giáo xứ biểu quyết trên nguyên tắc phải có sự chấp thuận của linh mục chính xứ. Nhưng thực tế, Linh mục chính xứ cũng khó từ chối những quyết định này. Tóm lại, Hội đồng Giáo xứ là hiện thân của cuộc cách mạng tại hạ tầng cơ cấu của Giáo hội. Trong đó việc thực hiện đòi hỏi nhiều cố gắng và nhất là tinh thần hy sinh của các Linh mục chính xứ. Thực tế cho tới nay về hình thức nhiều Giáo xứ đã thành lập cơ cấu mới này, nhưng về hoạt động, các phương thức làm việc của cơ cấu cũ vẫn còn được duy trì.





(Hình vẽ số 4)

SỨ TRƯỞNG QUAN THIẾU HỢP LÝ GIỮA ĐỊA PHẬN, GIÁO MIỀN VÀ GIÁO TỈNH

chương hai

nhận xét về tổ chức nhân sự

ĐOẠN I

TỔ CHỨC GIÁO SĨ

Nói tới Giáo sĩ, người ta thường đồng hóa với những người mặc áo "chùng thâm" (áo dài đen) nghĩa là gồm các Linh mục, sư huynh, trợ sĩ, nữ tu v.v... Thực ra không phải vậy. Ngoài 16 vị Giám Mục thuộc hàng Giáo phẩm, tổ chức Giáo sĩ chỉ gồm những "Linh Mục Triều" và "Linh Mục Dòng" là những người giữ những vai trò quan trọng trong mọi hoạt động cũng như mọi cơ cấu của Giáo Hội.

Nếu nhìn vào thống kê (xin xem phụ bản) thì tổng số Linh mục triều và Linh mục dòng của 2 Giáo tỉnh Huế và Sài Gòn tính tới ngày 31-12-1970 đã lên tới 1.977. Và nếu lấy tổng số tín đồ của 2 Giáo tỉnh này làm tỷ lệ thì chúng ta có con số như sau

$$\frac{1.826.581}{1.977} = 924 (1)$$

Như vậy có nghĩa là trung bình 1 vị Linh Mục sẽ trực tiếp coi sóc 924 Giáo dân. Với con số tỷ lệ này đã cho chúng ta thấy lực lượng hùng hậu của tổ chức Giáo sĩ, đồng thời cũng

(1) Số dĩ có con số chính xác vì mỗi gia đình Công giáo đều có một cuốn 'sổ gia đình Công Giáo' trong đó có ghi số sinh, số tử, số người rửa tội để gia nhập GHCG.

cho biết sự quan tâm của Giáo Hội trong việc đào tạo hàng Giáo sĩ như thế nào. Vì thực tế, vai trò của Giáo sĩ rất quan trọng và ảnh hưởng tới cả đời sống vật chất lẫn tinh thần của Giáo dân. Do đó công việc đào tạo các Giáo sĩ cũng phải được đặt nặng.

A/ Về vai trò của Giáo sĩ.

Không ai có thể chối cãi vai trò quan trọng của Giáo sĩ đối với Giáo dân. Nhất là đối với các Linh Mục coi sóc Giáo xứ thì vai trò quan trọng càng được chứng minh qua nhiều lãnh vực:

1a Lãnh vực tín ngưỡng:

Vai trò của Giáo sĩ trong lãnh vực tín ngưỡng dĩ nhiên phải đặt hàng đầu. Ngoài nhiệm vụ truyền giáo để mở rộng Giáo Hội, Giáo sĩ còn phải lo lắng về phương diện tinh thần cho tất cả Giáo dân qua các lễ nghi tôn giáo, qua các bài giảng v.v... Xa hơn nữa, Giáo sĩ còn phải để ý đến cả các vấn đề luân lý và phong hóa của Giáo dân nhằm ngăn chặn những vi phạm đe dọa tới những điều luật mà Giáo Hội cấm đoán (như tú đồ tường v.v...). Ngoài trừ những Giáo xứ tại Đô thị, với con số Giáo dân không lỏ 2, 3 chục ngàn, vượt quá tầm kiểm soát của Giáo sĩ. Tại những Giáo xứ miền quê, với một tổ chức chặt chẽ, với sự phục tòng của Giáo dân, bất cứ một điều gì xảy ra cũng đều được Linh Mục chính xứ biết tới, thì việc bảo vệ đức tin của Giáo dân, việc ngăn chặn tệ đoan xã hội, tú đồ tường v.v... đã mang lại hiệu quả tốt đẹp và góp phần vào sự ổn định sinh hoạt Quốc gia không phải nhỏ vậy.

2a Lãnh vực văn hóa, xã hội:

Nếu chúng ta để ý quan sát một Giáo xứ, một Địa phận, xa hơn nữa trên toàn quốc, vấn đề văn hóa được Giáo Hội chú trọng rất nhiều. Nhìn vào con số những cơ sở giáo dục (phụ bản), ngoài trừ các trường lớn tại đô, tỉnh, thị, tại mỗi giáo xứ đều có trường trung hoặc tiểu học để huấn luyện học sinh theo tinh thần Công giáo. Môn giáo lý Công giáo được giảng dạy tại các trường học. Dĩ nhiên các Linh Mục đều là những vị điều khiển và ảnh hưởng tới chương trình giảng huấn không ít.

Ngoài ra, trong lãnh vực xã hội, đa số các cơ quan từ thiện đều do Giáo sĩ đảm trách. Nhìn vào thống kê (phụ bản), với tổng số 319 cơ sở từ thiện phân phối cho trên 2 triệu người thụ hưởng đã nói lên sự quan trọng của Giáo sĩ trong các cơ sở từ thiện xã hội.

3a Lãnh vực chính trị:

Đề cập tới chính trị, mới đây thông cáo của hội đồng Giám Mục VN điều 10 đã xác định lập trường của Giáo Hội như sau "Giáo Hội VN không làm chính trị mà chỉ đóng vai trò cố vấn và hướng dẫn mà thôi". Với những lời minh xác trên đây, không hiểu Hội Đồng Giám Mục quan niệm như thế nào về chính trị. Tuy nhiên chỉ với vai trò "Cố vấn" và "hướng dẫn" cũng đủ nói lên tầm mức ảnh hưởng của Giáo Hội trong lãnh vực chính trị. Thực tế nhất, nhìn vào những cuộc tranh thủ giành độc lập, những cuộc cách mạng và các cuộc bầu cử Tổng Thống, Thượng viện v.v... không ai phủ nhận ảnh hưởng quan trọng của hàng Giáo phẩm, Giáo sĩ trong lãnh vực này.

Đối với những mục tiêu chính trị ngắn hạn: Tức là những biến cố chính trị xảy ra đột ngột có tính cách giai đoạn làm nguy hại tới Đức tin, Giáo Hội hoặc Quốc Gia thì phản ứng của Giáo dân thật bén nhạy trước những lời kêu gọi của các vị lãnh đạo tôn giáo. Thực vậy, với uy tín sẵn có của Giáo sĩ và với truyền thống tin tưởng phục tòng của Giáo dân, chỉ cần "nhất hô" của các Giáo sĩ thì toàn thể Giáo dân sẽ "bá ứng" tức khắc. Nhất là quan niệm "Tứ Đạo" được Giáo Hội đề cao và được Giáo dân mong ước thì việc tranh đấu để bảo vệ Đức tin là động cơ thúc đẩy các Giáo dân hợp thành một lực lượng thuần nhất và sẵn sàng cho mọi cuộc tranh đấu. Chẳng hạn như những cuộc biểu tình của Giáo dân vào chiều ngày 27-8-1964 trước công bộ Tổng Tham Mưu, hoặc cuộc biểu tình ngày 24-4-1966 nhằm chống những vụ đàn áp Công Giáo tại các tỉnh miền Trung v.v... đã chứng minh điều đó.

Đối với những mục tiêu chính trị dài hạn: tức là những đường lối lâu dài nhằm đem lập trường của mình lồng vào chính sách Quốc gia. Nói khác đi, đó là mục tiêu nắm chính quyền mà

trong chế độ dân chủ, cơ quan Lập Pháp được coi là dễ nắm qua những cuộc đầu phiếu và cũng có ảnh hưởng tới chính quyền nhiều nhất. Vai trò của các vị lãnh đạo tôn giáo đã ảnh hưởng rất nhiều trong các cuộc bầu cử này.

Thực vậy, các nhà chính trị muốn có được uy tín với dân thì trước tiên phải chiếm được cảm tình của các Linh Mục. Xa hơn nữa, một khi có sự hỗ trợ tích cực của các Linh mục, thì các nhà chính trị Công giáo mới dễ thành công.

Đ Trong các cuộc bầu cử có tầm vóc Quốc gia, như bầu cử Tổng Thống, Thượng nghị viện là những người đại diện cho các khuynh hướng rõ rệt và có ảnh hưởng trực tiếp tới guồng máy Quốc gia thì chắc chắn sẽ được Giáo quyền lưu ý. Một quyết định hỗ trợ của các vị lãnh đạo tôn giáo hoặc công khai, hoặc ngầm ngầm sẽ ảnh hưởng tới kết quả của cuộc bầu cử không ít. Bằng chứng là trong cuộc bầu cử Thượng viện trước đây, người Công giáo đã chiếm 4 liên danh (Đại Đoàn Kết - Trời Việt - Công Ích và Công Bằng Xã Hội - Đoàn Kết để Tiến Bộ) trong số 6 liên danh đặc cử vào Thượng viện.

Đ Trong các cuộc bầu cử Hạ Viện, vì tính cách địa phương của cuộc bầu cử nên ít được Giáo quyền trung ương quan tâm. Và lại nếu Giáo Hội trung ương có quyết định hỗ trợ chẳng nữa cũng không mấy hiệu quả: một phần vì mối tương quan mật thiết giữa các ứng cử viên với các Linh mục địa phương quá nhiều, một phần vì sự liên hệ đậm đà giữa các cử tri và các ứng cử viên đã có từ lâu thì dù chỉ thị gì đi nữa cũng khó lay chuyển được tình người. Tóm lại, vì hiện tượng quá đông người tranh cử và sự phân tán của những liên hệ cá nhân khiến ảnh hưởng của Giáo hội trung ương giảm bớt. Nhưng ảnh hưởng của các Linh mục địa phương vẫn rõ rệt.

B/ Việc đào tạo Linh mục.

Vấn đề đào tạo Linh mục thực quan trọng và đã được Công đồng Vatican II đề cập tới bằng Sắc lệnh "OPTATAM TOTIUS ECCLESIAE RENOVATIONEM" (việc đào tạo Linh mục). Theo tinh

thần Sác lệnh thì ngoài những nguyên tắc chung của Giáo Hội, việc đào tạo Linh mục phải thích nghi với hoàn cảnh địa phương nghĩa là nơi mà Linh mục thi hành chức vụ. Thực tế thì Giáo hội VN chưa có cái tổ nào trong lãnh vực đào tạo Linh mục. Qua lời tâm sự của các chủng sinh thì việc đào tạo Linh mục ngày nay không khác gì trước kia. Nghĩa là ngoài những môn học như Thần học, Giáo luật, Triết lý Tây phương v.v... việc đào tạo không nhằm trang bị cho chủng sinh một kiến thức tổng quát về quản trị hành chánh, chính trị v.v... trong khi các Linh mục tương lai hoặc trực tiếp (quản trị Giáo xứ, trường học, cơ sở từ thiện v.v...) hoặc gián tiếp (cố vấn và hướng dẫn chính trị cho Giáo dân) phải đảm trách vai trò này. Nói như vậy không có nghĩa là bắt buộc ở vị Linh mục một con người toàn diện trong mọi lãnh vực. Nhưng nếu muốn đem lại lợi ích thực sự cho Giáo hội, thì ngoài những nguyên tắc tổng quát của tôn giáo, một số các vấn đề trần thế cũng phải được giảng dạy để vai trò đem đạo vào đời của các linh mục có thể thực hiện đúng mức.

Để kết luận về việc đào tạo linh mục, chúng tôi xin trích một đoạn sau đây trong tạp chí "nhà Chúa": "cách giáo dục tu sĩ và linh mục ở VN còn quá rập theo tư tưởng Tây phương, mặt khác còn tạo nên một số người có đầu óc hưởng lộc, hoặc xa rời với hoàn cảnh đất nước" ... (1)

C/ Việc bổ nhiệm Linh mục.

Trước khi thụ phong Linh mục, các đại chủng sinh phải gia nhập vào một địa phận nhất định, và sau khi thụ phong linh mục, giám mục bản quyền sẽ bổ nhiệm giáo sĩ giữ những chức vụ khác nhau tùy theo nhu cầu giáo sự và tùy theo quyết định của giám mục. Các giáo sĩ có thể tới những miền hẻo lánh xa xôi để truyền giáo, hoặc có thể giữ những chức vụ quan trọng trong các hội đoàn, cơ sở v.v... Nhưng đặc biệt nhất là việc bổ nhiệm linh mục đến những xứ "giàu" hoặc nghèo đã làm nhiều người tự hỏi: việc bổ nhiệm có dựa trên tiêu chuẩn nào không?

- Tại các giáo hội bên Âu Tây, việc bổ nhiệm linh mục chính xứ thường được căn cứ trên kết quả của một cuộc thi trắc nghiệm, tùy theo thứ hạng, Giám Mục sẽ bổ nhiệm linh mục tới

những xứ tương ứng đã được định sẵn. Thế thức bổ nhiệm này có tính cách công bằng và thường áp dụng tại những địa phận rộng lớn có nhiều linh mục (2).

-Tại VN giáo hội Công Giáo đã không áp dụng thế thức bổ nhiệm trên, một phần vì số linh mục trong địa phận quá ít, phần khác vì tính cách "tôn ti trật tự" của các phẩm trật nên "quyền bính" của Giám Mục phải được các linh mục vâng lời tuyệt đối. Vì vậy vị giám mục sau khi xem xét và cân nhắc sẽ bổ nhiệm linh mục tới các xứ giàu nghèo tùy theo quyết định đơn phương của ngài. Lối bổ nhiệm này trên hình thức không mấy công bằng, nhưng thực tế với tư cách chủ chăn, Giám Mục đã hiểu rõ được từng linh mục (VN ít linh mục) nên việc bổ nhiệm theo lối này sẽ không quá máy móc và có thể mang nhiều lợi ích cho Giáo Hội hơn. ~~Trở~~ lại việc bổ nhiệm được dựa trên đức "vâng lời" của linh mục và quyền bính của phẩm trật Giám Mục. Tuy nhiên sau Công đồng Vatican II sự tương quan giữa "quyền bính và"vâng lời" đã được thay đổi nên lối bổ nhiệm trên cũng phải xét lại. Thực vậy "quyền bính" giờ đây (sau Công Đồng) phải được thể hiện theo tinh thần cộng đồng, nghĩa là phải có đối thoại. Vì thiếu đối thoại thì không thể gọi là tinh thần cộng đồng được. Nói như vậy không có nghĩa là đặt điều kiện cho sự "vâng lời" nhưng mối tương quan giữa "vâng lời" và "quyền bính" phải được đặt trên một thế cách khác. Tóm lại việc bổ nhiệm linh mục ngày nay cũng cần phải dựa trên một thế cách khác xưa.

ĐOẠN II

TỔ CHỨC TÍN ĐỒ:

PHONG TRÀO CÔNG GIÁO TIẾN HÀNH

I) PHONG TRÀO CÔNG GIÁO TIẾN HÀNH-

Là một tổ chức có hoạt động rộng lớn từ trung ương tới địa

(1) (tr.73) Tạp chí Thần Học Tu Đức Nhà Chúa, số 27, tr. 29.

(2) Phong vấn Linh mục Huỳnh hữu Đăng. Bí Thư Tòa Tổng Giám Mục Saigon.

phương, nhằm đoàn ngũ hóa mọi giáo dân vào trong những hội đoàn thích hợp với mỗi giới, mỗi lứa tuổi hầu phát triển đạo giáo trong nhiều lãnh vực.

Để có một cái nhìn rõ rệt hơn về tổ chức này, chúng ta có thể coi hệ thống tổ chức Công Giáo tiến hành như tổ chức quân đội. Trong đó ban chấp hành trung ương Công Giáo Tiến Hành như bộ Tổng Tham Mưu các BCH/CGTH giáo phận, giáo xứ như bộ tư lệnh Quân Đoàn, và các ban chấp hành của từng Hội đoàn là những bộ tư lệnh binh chủng, sư đoàn. Như vậy khi phong trào Công Giáo Tiến Hành đề ra một chiến dịch thì tất cả các hội đoàn trong tổ chức này (Thanh sinh công, Hướng Đạo Công Giáo v.v...) đều được mời tham gia dưới sự chỉ huy tổng quát của BCH/CGTH, nhưng các hội đoàn cũng như các binh chủng sư đoàn được dùng những phương pháp kỹ thuật riêng của mình.

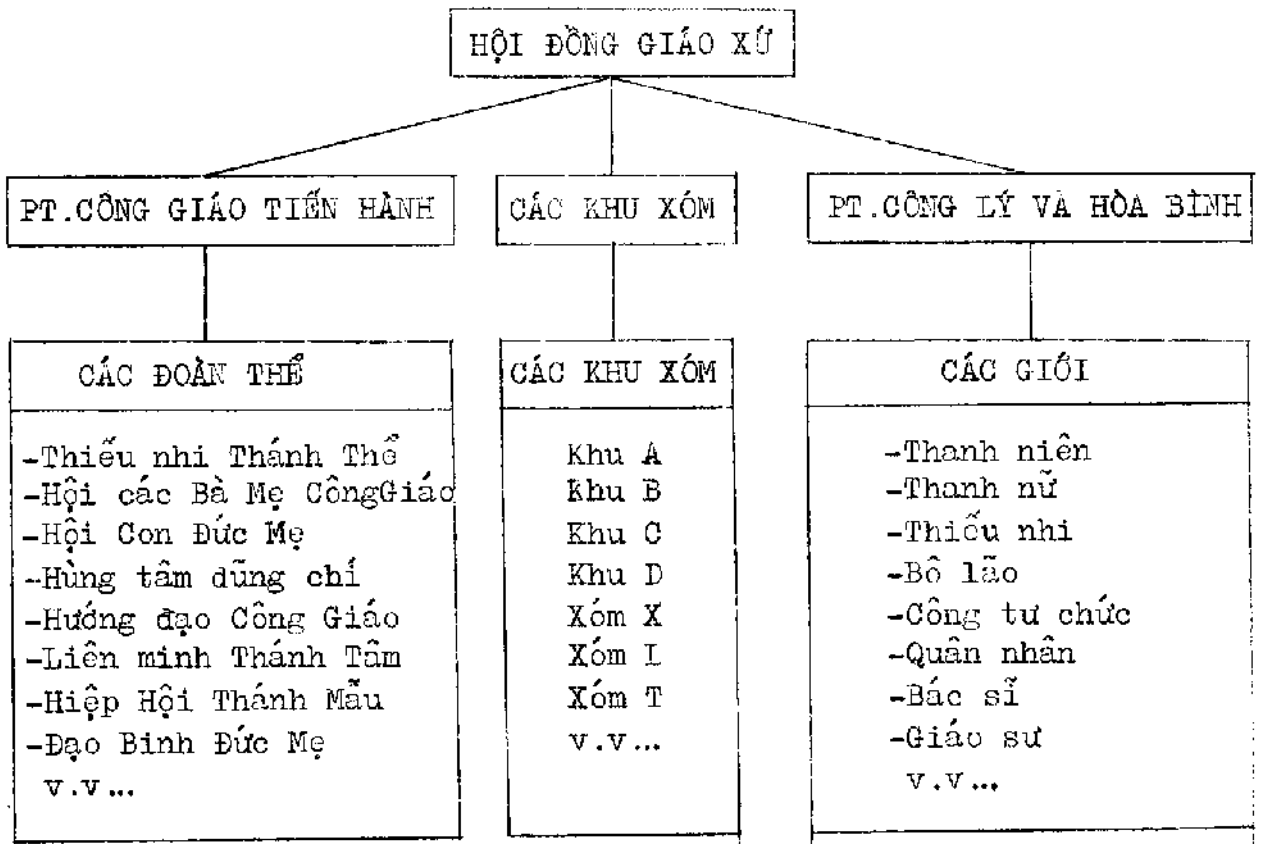
Tóm lại tổ chức Công Giáo Tiến Hành là một hình thức liên hiệp tập đoàn. Nghĩa là các giáo xứ, giáo phận tùy theo nhu cầu địa phương mà thành lập các hội đoàn với quyền tự trị khá lớn. Vì vậy, việc điều hành Công Giáo tiến hành cấp toàn quốc gặp nhiều khó khăn.

II) PHONG TRÀO CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH-

Mới đây phong trào công lý và hòa bình được phát động trên toàn quốc hầu như đang tranh chấp hoạt động với phong trào Công Giáo Tiến Hành. Sơ đồ vị trí của hai phong trào này trong một giáo xứ (hình vẽ 5) cho chúng ta thấy: các đoàn thể trong phong trào CGTH cũng như phong trào CLHB cùng nhằm đoàn ngũ hóa mọi người mọi lứa tuổi vào các tổ chức thích hợp. Với các hội đoàn quá nhiều trong giáo xứ giờ đây lại thêm phong trào Công Lý và Hòa Bình cũng qui tụ những người đó nhưng lại trực thuộc một hệ thống khác khiến việc hoạt động dễ dẫm chân nhau.

Thiết tưởng với các đoàn thể trong phong trào CGTH sẵn có chỉ cần đem tinh thần công lý và hòa bình vào trong các đoàn thể này. Nói khác đi phong trào CGTH chỉ cần cập nhật hóa tinh thần của công lý và hòa bình thì việc điều hành sẽ dễ dàng hơn và hoạt động có thể hiệu quả hơn.

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CỦA PHÒNG TRÀO CÔNG GIÁO
TIẾN HÀNH VÀ CÔNG LÝ HÒA BÌNH TRONG GIÁO XỨ:



Hình vẽ số 5

chương ba

nhận xét về tổ chức cơ sở

///) / ói tới cơ sở của GHCG người ta thường nghĩ tới những ngôi Thánh Đường cao vút, những cơ sở giáo dục rộng lớn và những cơ sở từ thiện khắp nơi. Thống kê (phụ bản) đã cho chúng ta biết được những con số chính xác đó. Chính vì vậy mà nhiều người cho rằng GHCGVN là một Giáo Hội giàu có hơn các tôn giáo khác. Để có một nhận định khách quan, chúng ta cần tìm hiểu nguyên nhân của hiện trạng này.

Có thể có rất nhiều nguyên nhân khiến Giáo Hội VN có nhiều cơ sở. Tuy vậy, với sự hiểu biết thông thường chúng ta tạm đưa ra những lý do chính yếu sau đây:

ĐOẠN I

NHỮNG NGUỒN TÀI CHÁNH

1) Trợ cấp của Tòa Thánh La Mã:

Có thể nói một trong những nguồn tài chánh quan trọng cho những tổ chức cơ sở của Giáo Hội VN là Tòa Thánh La Mã. Cho tới nay, mặc dù Giáo Hội VN đã trưởng thành, nhưng vì sống trong tình trạng của một Quốc gia kém mở mang nên vẫn được Tòa Thánh chú ý đặc biệt. Những nguồn tài trợ này hoặc có thể của chính Tòa Thánh (qua những hoạt động kinh tài của Tòa Thánh, nhất là với hệ thống ngân hàng tại các Quốc gia Âu châu) hoặc do Tòa Thánh vận động với các Giáo Hội tại những Quốc Gia phát triển đem lại. Một thí dụ điển hình nhất là mới đây vào tháng 2-1972,

chỉ với cuộc Đại Hội của Sinh viên Công Giáo toàn quốc tại Lái Thiêu mà Đức Giáo Hoàng đã trợ cấp cho một ngân khoản là 2.000 US\$. Thiết tưởng trong những lãnh vực hoạt động khác, nhất là những cơ sở cần thiết cho hoạt động truyền giáo, văn hóa, xã hội v.v... thì dĩ nhiên sự trợ cấp của Tòa Thánh sẽ tăng gấp bội.

2) Sự đóng góp của Giáo dân:

Sự đóng góp nhân lực vật lực của Giáo dân vào việc xây dựng cơ sở cũng rất quan trọng. Nếu về những Giáo xứ miền quê, chúng ta sẽ thấy lạ khi ở giữa những ngôi nhà tầm thường lại mọc lên những Thánh Đường cao vút, những trường học rộng rãi. Điều này dễ hiểu: Giáo dân Công Giáo tin tưởng vào một cuộc sống vĩnh cửu ở tương lai trên "Thiên Đàng". Nhà Thờ được coi là linh hồn của cuộc sống, nên sự đóng góp của Giáo dân vào việc xây cất nhà Thờ được coi như một hành trang chuẩn bị cho cuộc sống sau này. Ngoài những khoản tiền do Giáo dân đóng góp, hàng ngày Giáo dân đều luân phiên góp công vào việc xây cất (chia theo khu xóm, đoàn thể v.v...) Đó là chưa kể vào những ngày nghỉ, toàn thể Giáo dân đều góp công vào công tác trộn hồ, kéo đất v.v...

Đối với cơ sở giáo dục cũng vậy, vì lợi ích thiết thực của con em trong lãnh vực văn hóa, giáo dân cũng không quản ngại góp công góp của vào công việc xây cất.

3) Những lợi tức do hoạt động kinh tài:

Giáo Hội Công Giáo cũng có những hoạt động kinh tài dưới nhiều hình thức (Đoạn II, Chương III) đã mang về những nguồn lợi tức đáng kể nhằm kiện toàn mọi cơ cấu nhân sự, hành chánh, cơ sở để góp phần vào sự phát triển của Giáo Hội.

ĐOẠN II

NHỮNG BẤT CÔNG PHÁP LÝ

1) Trong những năm đầu của công cuộc truyền giáo, Giáo Hội Việt Nam chịu những đàn áp và bách hại bao nhiêu thì trong thời kỳ kiến thiết, Giáo Hội lại được sự ưu đãi của chính quyền bấy nhiêu. Rõ rệt nhất là bằng những văn kiện pháp lý, qua Sắc Lệnh

ngày 21-2-1933 và Dụ số 10 ngày 6-8-1950, người Pháp đã dành cho Giáo Hội Công Giáo một sự ưu đãi hơn các tôn giáo khác.

Điều 1 Dụ 10 qui định: "Tất cả những tổ chức tôn giáo, ngoại trừ Thiên Chúa Giáo do Sắc lệnh 16-1-1939 qui định đều bị xem như những Hiệp hội, và chính quyền có thể chấm dứt hoạt động của những Hiệp hội vì lý do an ninh (đ.7).

Ngoài ra điều 24 và 28 còn định rằng: trừ Thiên Chúa Giáo, chỉ được phép thu nhận những số tiền phụ nạp thường xuyên của tín đồ và tạo mãi những bất động sản nào cần thiết mà thôi, ngoài ra Bộ Nội Vụ còn có quyền ra lệnh khai trừ một hay nhiều nhân viên của ban Quản Trị và không cần cho biết lý do. Như thế chỉ Thiên Chúa Giáo mới có qui chế riêng, có năng lực pháp lý để mua các bất động sản và động sản và Hội đồng quản trị sẽ không bị giải tán.

2) Bước sang thời đệ I Cộng Hòa, mặc dù nền độc lập đã được thu hồi, các văn kiện pháp lý thời Pháp thuộc vẫn được duy trì. Dĩ nhiên những bất công pháp lý vẫn tồn tại khiến Giáo Hội Công Giáo được tự do tạo mãi, thiết lập cơ sở.

Tình trạng bất công pháp lý trên có thể hiểu được vì:

- Phương diện tâm lý: Đạo Công Giáo là đạo được đem sang từ Tây phương, do đó chính phủ Pháp tại VN sẽ có nhiều thiện cảm và dành nhiều ưu thế cho Giáo Hội.
- Phương diện pháp lý: Đạo Công Giáo có một hệ thống tổ chức chặt chẽ qui mô với số tín đồ rõ ràng (qua sổ rửa tội) thì các tôn giáo khác đã không có một tổ chức qui củ. Một Chánh đảng có hệ thống tổ chức chặt chẽ với đảng viên chắc chắn, dĩ nhiên sẽ được hưởng nhiều đặc ân theo thể thức luật định. Ở đây, không đồng hóa tôn giáo với đảng phái, nhưng đó là một hình thức làm nền tảng cho việc qui định một văn kiện hợp pháp.
- Tuy nhiên, về phương diện cai trị, một sự bất bình đẳng giữa các tôn giáo sẽ gây nên hậu quả tai hại. Thực ra không thể nào coi tổ chức tôn giáo như một hiệp hội tự nhân được. Vai trò và hoạt động của tôn giáo đã chứng minh điều đó. Thiết tưởng đây là điểm lưu ý của chính quyền sau này khi qui định những văn kiện pháp lý liên quan đến tôn giáo.

kết luận

Qua việc nghiên cứu và nhận định tổng quát về cơ cấu tổ chức của GHCG tại VN, thiết tưởng cũng cần đúc kết tổ chức của Giáo Hội trong một số đặc tính chính yếu, và với đặc tính đó, tổ chức GHVN đã giữ vai trò như thế nào trong Cộng đồng Quốc gia. Tuy nhiên, đó chỉ là những khía cạnh được nhìn từ hiện tại. Trong tương lai, với tinh thần canh tân của Công đồng Vatican II, cơ cấu tổ chức của GHCGVN sẽ được cải tổ như thế nào.

I) ĐẶC TÍNH CỦA TỔ CHỨC GIÁO HỘI CÔNG GIÁO-

Tổ chức của GHCG là một chế độ đặc biệt, trước và sau Công đồng Vatican II, hình thức khác biệt được thể hiện qua một số đặc tính chính yếu:

A/ Trước Công đồng Vatican II.

Cơ cấu tổ chức và quản trị là một hình thức chuyên chế. Vị Giáo Hoàng là đại diện Đức Ki Tô nên có quyền tối cao để điều khiển Giáo Hội. Các Giám Mục họp thành Cộng đoàn dưới quyền chủ tọa của Giáo Hoàng. Các Linh mục nhận quyền điều khiển do Giám Mục và giáo dân có nghĩa vụ phải phục tùng. Chính vì sự vâng phục quyền bính như vậy mà mọi chỉ thị của Tòa Thánh La Mã đều được các Giáo Hội địa phương thi hành triệt để. Tại Giáo phận và Giáo xứ, sự vâng phục quyền bính giữa các phẩm trật cũng được thể hiện tương tự. Vì vậy, đặc tính của tổ chức Giáo Hội là tính chất "Thuần Nhất" từ trung ương tới địa phương; nhưng nó cũng đưa tới hậu quả là tính cách "khép kín" của tổ chức.

Thực vậy, về tín lý, mọi tín hữu Công Giáo đều có một Đức Tin duy nhất. Vì đa số giáo huấn của Giáo Hội đều dựa trên "Kinh Thánh" và được phổ biến qua "sách giáo lý Công Giáo" nên

bất cứ Giáo Hội nào trên thế giới cũng đều có một Đức Tin như nhau. Về Phụng vụ, các nghi lễ của Giáo Hội Công Giáo đều giống nhau, tiếng La Tinh được coi là ngôn ngữ chính trong mọi lễ nghi của Giáo Hội. Ngoài ra về phương diện tổ chức và quản trị, bộ giáo luật được áp dụng cho thế giới Công giáo, trong đó nhiệm vụ và quyền hạn cũng như cơ cấu tổ chức của Giáo Hội được qui định đầy đủ.

Đ Vì sự khác nhau về văn hóa giữa các dân tộc và vì tính cách duy nhất của Giáo Hội nên tổ chức của giáo hội Công Giáo đã khó thích nghi với hoàn cảnh địa phương của mỗi quốc gia "tính cách khép kín đã được chứng minh qua bản tuyên ngôn số 17 của Hội Nghị Giám Mục Á Châu tại Manila năm 1970: "... chúng tôi đã không thể hiện một đời sống Kito hữu và không làm cho Hội Thánh được nhập thể trong những đường lối và mẫu mực của mỗi nền văn hóa riêng của chúng tôi, và do đó đã làm cho hội thánh trở thành xa lạ trong quốc gia chúng tôi ". Bản tuyên ngôn đã phản ánh tình trạng khép kín của giáo hội VN nói riêng và các Giáo Hội tại lục địa Á Châu nói chung.

B/ Sau Công Đồng Vatican II .

Mặc dầu Tín lý và Giáo Điều của Giáo Hội không thay đổi nhưng cơ cấu tổ chức từ Giáo Triều Roma cho tới các địa phận, giáo xứ đã thay đổi theo một chiều hướng khác, đó là chiều hướng dân chủ hóa mọi cơ cấu. Thực ra sự thay đổi cơ cấu đã phản ảnh tâm trạng của Giáo Hội: Giáo Hội đã nhìn xa và tiên liệu những khủng hoảng sẽ tới, nó bắt nguồn từ những tiến bộ khoa học, kỹ thuật, hoàn cảnh xã hội v.v... và sẽ ảnh hưởng tới đời sống tôn giáo, luân lý của con người. Do đó Giáo Hội đã không muốn duy trì một thứ xã hội cổ truyền mà muốn tự do tổ chức và điều hành cho thích nghi với hoàn cảnh địa phương, đó là đặc tính thích nghi của tổ chức. Chính vì vậy mà Ủy Ban Phụng Vụ HĐGM VN đã đang tìm hướng đi nhằm thích ứng với hoàn cảnh VN qua các nghi lễ phụng vụ. Sự thích nghi rõ rệt nhất là ngày nay Giáo Hội VN đã không dùng tiếng La Tinh mà chỉ dùng tiếng Việt trong các lễ nghi của Giáo Hội. Ngoài ra Giáo Hội không còn ở thế khép kín chỉ lo bảo vệ đức tin, luân lý, quyền lợi, đặc ân v.v... mà Giáo Hội muốn đối thoại với thế giới nhằm thăng tiến con người trong mọi lãnh vực.

Tại VN các ủy ban Giám Mục đặc trách Văn Hóa, Ủy Ban Giám Mục đặc trách phát triển v.v... đã cho thấy tổ chức của Giáo Hội không còn khép kín mà đang mở rộng trong nhiều hoạt động trần thế.

II) VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC GIÁO HỘI CÔNG GIÁO-

Với những đặc tính kể trên, tùy theo hoàn cảnh xã hội, tổ chức của Giáo Hội Công Giáo VN đã ảnh hưởng trong nhiều lãnh vực và giữ vai trò quan trọng trong cộng đồng quốc gia.

- Lãnh vực văn hóa: dựa vào cơ cấu tổ chức của Giáo Hội, cơ cấu và điều hành của tổ chức Giáo Dục Công Giáo đã có một phạm vi hoạt động rộng lớn từ trung ương tới địa phương. Môn giáo dục Công giáo VN đã được đặt dưới quyền chỉ đạo tối cao của HEGM VN và mỗi địa phận là một chi hội phối hợp với nhau trong một hệ thống qui củ. Với một hệ thống qui mô như vậy nên giáo dục Công Giáo không những giúp các trường Công Giáo theo sát đường lối văn hóa giáo dục của quốc gia mà còn khuyến khích và nâng đỡ nhau trong nhiệm vụ phát triển toàn diện con người theo tinh thần của Giáo Hội. Ngoài ra các cơ sở giáo dục Công Giáo đã đóng góp rất nhiều cho toàn hệ thống giáo dục quốc gia và giảm bớt gánh nặng chính quyền trong lãnh vực này.

- Lãnh vực xã hội: các cơ sở từ thiện, xã hội của Giáo Hội cũng mọc lên nhiều nơi. Đặc biệt nhất là tổ chức Caritas VN, một tổ chức được dựa theo các địa phận Công Giáo làm căn bản và đặt dưới quyền quản trị tối cao của HEGM VN, vì vậy hệ thống điều hành và hoạt động của cơ quan này đã mang lại nhiều hiệu quả trong việc giúp đỡ đồng bào tị nạn, huấn luyện nhân viên xã hội v.v...

- Lãnh vực chính trị: không ai có thể phủ nhận vai trò của tổ chức tôn giáo trong lãnh vực chính trị; nhất là tại VN dân trí còn thấp kém, đảng phái chính trị đã không đóng trọng vai trò của mình trong sinh hoạt quốc gia thì tổ chức tôn giáo được coi là nơi tụ hội đông đảo tín đồ nhất và các vị lãnh đạo tôn giáo cũng được tín đồ tin tưởng nhiều nhất, nên vai trò của tôn giáo lại càng quan trọng. Với đặc tính thuần nhất, tổ chức Giáo Hội Công

Giáo là một lực lượng hùng hậu để bảo vệ và phát triển quốc gia. Thực vậy trong khoảng thời gian dành độc lập (1945) chính các vị lãnh đạo tôn giáo như Giám Mục Nguyễn bá Tông, Giám Mục Lê hữu Từ đã tham gia chính phủ Hồ chí Minh với tư cách cố vấn để chống lại thực dân Pháp. Sau này với sự phản bội của chính phủ Hồ chí Minh và việc chính phủ này tấn công vào giáo khu Phát Diệm (1949) đã dồn tổ chức giáo hội về phía Pháp để chống lại Cộng Sản vô thần. Bước sang cuộc cách mạng năm 1963, trước cảnh xáo trộn chính trị đe dọa tới sự tồn vong của dân tộc, những hoạt động chính trị của người Công Giáo cũng được tổ chức dựa theo tổ chức của Giáo Hội: lực lượng thanh niên đại đoàn kết là một tiểu ban trong ủy ban trung ương tranh đấu Công Giáo, đã được tổ chức căn cứ theo Giáo Ái, Giáo Hạt và Giáo Phận. Tại trung ương có ban chấp hành trung ương và tại địa phương có ban chấp hành Giáo Ái, Giáo Hạt v.v... Sau này với đặc tính thích nghi của tổ chức Giáo Hội, quan niệm chính trị phải tách rời khỏi tôn giáo cho hợp với hiện trạng sinh hoạt quốc gia khiến các tổ chức chính trị của người Công Giáo đã dựa trên tổ chức hành chánh của chính quyền.

Tóm lại cơ cấu tổ chức của Giáo Hội đã ảnh hưởng trên các lãnh vực Giáo dục, xã hội, chính trị v.v... và đã giữ vai trò quan trọng trong cộng đồng quốc gia.

III) VIỆN TƯỢNG CỦA TỔ CHỨC GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VN-

Nói tới viện tượng của tổ chức Giáo Hội Công Giáo VN là nói tới chương trình cải tổ dài hạn của Giáo Hội. Nói khác đi trong viện tượng đó Giáo Hội cần phải có đường hướng cải tổ như thế nào để những cơ cấu mới phản ảnh được tinh thần canh tân của Công Đồng Vatican II. Đây là vấn đề thuộc thẩm quyền của các vị lãnh đạo Công Giáo. Tuy nhiên đứng trước vai trò quan trọng của tổ chức Giáo Hội trong cộng đồng quốc gia và đứng trước biến cố mới (Công Đồng Vatican II) làm thay đổi cơ cấu tổ chức của Giáo Hội, chúng tôi không khỏi suy tư và đưa ra một số ý kiến, để coi đó như là một chất liệu trong muôn vàn chất liệu khác, hầu đóng góp một hướng cải tổ cơ cấu của Giáo Hội trong tương lai.

Nói tới canh tân là phải nói tới những đổi mới, mà thay đổi nào cũng có thể đưa tới tiến hóa hoặc thoái hóa nếu không thực

hiện được sự canh tân đúng nghĩa: hoàn bị cơ cấu để thăng tiến con người và đem lợi ích cho Giáo Hội, quốc gia.

Thực vậy cơ cấu được coi như những phương tiện để thực hiện cứu cánh mà Giáo Hội chủ trương. Nếu không có cơ cấu những vấn đề của Công đồng, những quyết nghị của Hội Nghị Giám Mục Á Châu sẽ bị rơi vào quên lãng. Đứng trước những cái tổ về cơ cấu không đồng loạt tại VN, người ta tự hỏi:

- Phải chăng một số người đã muốn duy trì cơ cấu cũ vì lo sợ khủng hoảng trước những đổi mới?

- Phải chăng một số người đã nóng lòng muốn thay đổi tình trạng hiện tại, nên vội vàng thiết lập những cơ cấu mới theo chỉ thị của toà thánh.

- Phải chăng Giáo Hội VN đang dò dẫm thí nghiệm nên đã không đưa ra một chương trình cải tổ toàn diện và thống nhất.

- Và phải chăng đặc tính thống nhất về tổ chức của Giáo Hội đã không còn và dành cho đặc tính thích nghi của Giáo Hội từ sau Công Đồng Vatican II.

Tất cả những vấn nạn trên đây cần phải được xét trên khía cạnh thực tế và lợi ích cho vấn đề cải tổ.

Thực ra, trong bất cứ một cuộc cải tổ nào cũng cần phải tránh hai thái độ cực đoan: hoặc thái quá hoặc bất cập.

■ Sự "thái quá" sẽ đưa tới tình trạng "độc quyền" canh tân do một vài người đảm trách. Hậu quả là cuộc cải tổ sẽ tùy theo sở thích của một vài người: hoặc không cần cơ cấu mới, vì cơ cấu cũ đã tốt đẹp lắm rồi; hoặc cứ cải tổ cho có hình thức và lối làm việc vẫn như cũ.

■ Sự "bất cập" sẽ rơi vào tình trạng hấp tấp, vội vàng, muốn đề nghị gì cũng được. Sự thiếu chương trình, vô kế hoạch sẽ mở đầu cho một tổ chức vô hữu hiệu và có thể đi đến tương phản ngay trong cơ cấu.

Như vậy, công cuộc cải tổ đòi hỏi sự đóng góp tích cực của

những người có khả năng trong mọi thành phần của Giáo Hội và đòi hỏi một chương trình canh tân dài hạn trong đó kế hoạch thi hành phải được ấn định rõ ràng.

Trong tổ chức của chính quyền, một đạo luật do Quốc Hội biểu quyết đều được cơ quan hành pháp cho chi tiết hóa bằng các văn kiện lập qui để đem áp dụng thi hành. Về tổ chức của Giáo Hội cũng vậy, các văn kiện pháp lý do công đồng ấn định liên quan tới cơ cấu tổ chức cũng cần được giáo hội trung ương tại VN qui định bằng một chương trình, kế hoạch để ấn định tiêu chuẩn cho cuộc canh tân hầu thích nghi với hoàn cảnh VN. Sự thích nghi thiết tưởng phải ở chỗ đó, chứ không phải do ý muốn cải tổ hay không của từng địa phận.

Dẫu vậy, cơ cấu cũng chỉ được ví như khung vải mà nét vẽ trên khung mới thực sự quan trọng. Cơ cấu tổ chức của Giáo Hội cũng được coi như khung vải, và sự sinh hoạt thực sự của những cơ cấu mới cũng như những nét vẽ trên khung, mà nó đòi hỏi sự thành tâm thiện chí của người vẽ. Vấn đề nhận sự trong những cơ cấu mới thật quan trọng. Một sự canh tân đích thực phải bắt nguồn từ sự sống nội tại hơn là sự ép buộc từ bên ngoài. Do đó, vấn đề đạo tạo Linh Mục, tu sĩ cần phải chú trọng theo chiều hướng mới; tư tưởng văn hóa Đông phương nói chung và Việt Nam nói riêng phải được đặt nặng và phải đối chiếu với hoàn cảnh hiện tại của Việt Nam. Chính vì tầm mức quan trọng của nhân sự và sự thích nghi của cơ cấu trong mỗi nền văn hóa mà quyết nghị 11 và 13 của Hội Nghị Giám Mục Á Châu trong đó có Giáo Hội VN đã quyết định: "chúng tôi hứa sẽ phát huy một nền thần học địa phương và làm tất cả những gì có thể làm được... ngõ hầu trong tiến trình cần thiết của việc hiện đại hóa và việc phát triển, Kitô giáo tại Á Châu có thể góp phần phát huy những gì thực sự nhân bản trong nền văn hóa đó".

Nói tóm lại, kể từ khi du nhập vào VN cho tới nay, Giáo Hội Công Giáo VN đã trải qua bao thăng trầm thử thách: lúc bị đàn áp bách hại dưới triều Trịnh Nguyễn v.v... lúc được ưu đãi dưới thời Pháp thuộc, nhưng tổ chức của Giáo Hội vẫn tồn tại và phát triển không ngừng. Đó là nhờ đặc tính thuần nhất và khép kín của tổ chức, khiến những yếu tố ngoại lai đã ít ảnh hưởng tới cơ cấu tổ chức của

Giáo Hội. Nhưng trong tương lai, với đặc tính thích nghi và mở rộng, Giáo Hội VN đang tìm một hướng đi thích hợp với hoàn cảnh VN. Hướng đi đó tới đích hay không đòi hỏi sự hy sinh và cố gắng liên tục của tổ chức nhân sự, trong đó việc đào tạo nhân sự và việc cải tổ cơ cấu cần phải có một chương trình kế hoạch dài hạn. Có như vậy, sự canh tân đích thực sẽ được áp dụng tại Giáo Hội VN, vai trò "đem đạo vào đời" sẽ được thể hiện đúng mức và tổ chức Giáo Hội Công Giáo VN cũng sẽ đem lại nhiều lợi ích hơn cho Giáo Hội, Quốc Gia. -

SÁCH

THƯ MỤC

- Thiện Cẩm O.P : Ki Tô Giáo với các tôn giáo khác. Saigon, Đaminh, 1970
- Phan phát Huồn : Việt Nam Giáo sử. Saigon, Khai Trí, 1965.
- Thích nhất Hạnh : Hoa Sen trong biển lửa. Paris 1966.
- Gerard Gagnon : Hội Thánh Công Giáo. Cần Thơ.
- Phạm đình Khiêm : Hành động xã hội của Giáo Hội ở VN. Hà Nội, An Phong 1950.
- Nguyễn văn Trung : Người Công Giáo trước thời đại. Saigon, Đạo và Đời, 1961.
- Tủ sách Sacerdos : VN Công Giáo niên giám, 1964.
- Bộ Giáo Luật. Đại Chủng Viện Saigon.
- Ninode Bello - The Vatican Empire.
- Vatican II: Eglise dans le monde de ce temps. Texte, note et commentaires. Collection vivre le concile, Edition Name.
- Công Đồng Vatican II. Senatus, Saigon 1969.

TẠP CHÍ

- Sacerdos, Linh Mục nguyệt san. - Tuần báo Phát Triền.
- Chọn - Nhà Chúa, tạp chí Thần Học tu đức.

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

- Đinh sơn Huy : Hoạt động chính trị của người Công Giáo sau Cách mạng 1963. CH-3.

CÁC CUỘC PHÒNG VẤN

- Lm.Trần văn Huy, Gs. Giáo Luật và Dân Luật Đại chủng Viện.
- Lm. Nguyễn hữu Đặng, Bí Thư Tòa TGM Saigon.
- Lm. Nguyễn hữu Nghĩa, Văn Phòng Thường Trực HEGMVN.
- Lm. Bùi minh Sơn, Giáo Xứ Tân Hòa.
- Một số Đại Chủng Sinh.

PHỤ BẢN

: Statistique au 31 Décembre 1970.